

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 1565 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các quy trình nội bộ, phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính

thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án uỷ quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 684/TTr-STP ngày 07/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết đối với 61 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy trình sau đây trong danh mục tại Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND Thành phố hết hiệu lực:

- Các quy trình thuộc mục X, XI, XII phần A.

- Các quy trình: QT-QH-18, QT-QH-19, QT-QH-20, QT-QH-21, QT-QH22, QT-QH-23, QT-QH-24, QT-QH-26, QT-QH-27, QT-QH-28, QT-QH-29 thuộc mục II phần B; các quy trình thuộc mục III phần B.

- Các quy trình thuộc mục II, III phần C.

Các quy trình trong danh mục tại Quyết định số 6679/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- VP UBTP: CVP, PCVP N.M. Quân;
- các phòng: NC, TH, TT TTĐT TP;
- Trung tâm phục vụ HCC TP;
- Lưu: VT, STP.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục 01
DANH MỤC

CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC VÀ NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-91	Phụ lục 02
2	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT-92	Phụ lục 02
II	Lĩnh vực Quốc tịch		
1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	QT-93	Phụ lục 03
2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-94	Phụ lục 03
3	Thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-95	Phụ lục 03
4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-96	Phụ lục 03
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT-97	Phụ lục 03
III	Lĩnh vực nuôi con nuôi		
1	Quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	QT-87	Phụ lục 04
2	Quy trình về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	QT-88	Phụ lục 04
3	Quy trình về giải quyết việc đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT-89	Phụ lục 04
4	Quy trình về giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-90	Phụ lục 04

B. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-QH-01	Phụ lục 05
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-QH-02	Phụ lục 05
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-QH-03	Phụ lục 05
4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-QH-04	Phụ lục 05
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-QH-05	Phụ lục 05
6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-QH-06	Phụ lục 05
7	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-QH-07	Phụ lục 05
8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-QH-08	Phụ lục 05
9	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-QH-09	Phụ lục 05
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-10	Phụ lục 05
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-11	Phụ lục 05
12	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-QH-12	Phụ lục 05
13	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-QH-13	Phụ lục 05
14	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-QH-14	Phụ lục 05
15	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-QH-15	Phụ lục 05
16	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-QH-16	Phụ lục 05
17	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT-QH-17	Phụ lục 05
II	Lĩnh vực nuôi con nuôi		

1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-30	Phụ lục 06
III	Lĩnh vực chứng thực		
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-QH-18	Phụ lục 07
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-QH-20	Phụ lục 07
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điếm chỉ được)	QT-QH-21	Phụ lục 07
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-QH-22	Phụ lục 07
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-QH-23	Phụ lục 07
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-QH-24	Phụ lục 07
7	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-QH-26	Phụ lục 07
8	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-QH-27	Phụ lục 07
9	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-QH-28	Phụ lục 07
10	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-QH-29	Phụ lục 07

C. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-XP-01	Phụ lục 08
2	Đăng ký khai sinh	QT-XP-02	Phụ lục 08
3	Đăng ký kết hôn	QT-XP-03	Phụ lục 08
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-XP-04	Phụ lục 08
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-XP-05	Phụ lục 08
6	Đăng ký khai tử	QT-XP-06	Phụ lục 08

7	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-XP-07	Phụ lục 08
8	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-XP-08	Phụ lục 08
9	Đăng ký khai tử lưu động	QT-XP-09	Phụ lục 08
10	Đăng ký giám hộ	QT-XP-10	Phụ lục 08
11	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-XP-11	Phụ lục 08
12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT-XP-12	Phụ lục 08
13	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-XP-13	Phụ lục 08
14	Đăng ký lại khai sinh	QT-XP-14	Phụ lục 08
15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-XP-15	Phụ lục 08
16	Đăng ký lại kết hôn	QT-XP-16	Phụ lục 08
17	Đăng ký lại khai tử	QT-XP-17	Phụ lục 08
18	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT-XP-18	Phụ lục 08
19	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT-XP-19	Phụ lục 08
II	Lĩnh vực nuôi con nuôi		
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-XP-30	Phụ lục 09
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-XP-31	Phụ lục 09
III	Lĩnh vực chứng thực		
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-XP-19	Phụ lục 07
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-XP-20	Phụ lục 07
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-XP-21	Phụ lục 07
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-XP-22	Phụ lục 07

5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-XP-23	Phụ lục 07
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-XP-24	Phụ lục 07
7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-XP-25	Phụ lục 07
8	Chứng thực Di chúc	QT-XP-26	Phụ lục 07
9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-XP-27	Phụ lục 07
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-XP-28	Phụ lục 07
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-XP-29	Phụ lục 07

Phụ lục 02

A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ

I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch (QT-91)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Sổ hộ tịch hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội lưu giữ, quản lý.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với công dân có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân Công chức Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số

	<p>04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có</p>	X	

<p>yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nêu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, công chức kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Công dân có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì công chức kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ + Công chức tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật không quy định phải nộp. <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu nộp hồ sơ trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ phải rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự. + Trường hợp nhận kết quả (bản sao Trích lục hộ tịch) tại Sở Tư pháp, công dân phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ. Trường hợp giấy tờ phải gửi kèm trong hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch công dân được sử dụng bản điện tử này. 		

3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	Bản sao Trích lục hộ tịch.				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Sở Tư pháp - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền				
3.7	Phí				
	8.000 đồng/Bản sao Trích lục hộ tịch				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia</i> (https://dichvucong.gov.vn) hoặc <i>Cổng dịch vụ công thành phố</i> (https://dichvucong.hanoi.gov.vn). Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu thực hiện thủ tục (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công) Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn: - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>Sở Tư pháp,</i> - <i>Lĩnh vực Hộ tịch,</i>	Công dân		Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2 Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch (trực tiếp) Biểu mẫu điện tử tương tác cấp bản sao Trích lục hộ tịch (trực tuyến)	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi

	<p>- Thủ tục cấp bản sao Trích lục hồ tịch</p> <p>Trường hợp trên ứng dụng VNeID có tích hợp thủ tục này thì công dân có thể đăng nhập và thực hiện theo hướng dẫn trên ứng dụng</p>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>- Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

	Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i); (iii) Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch.				
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Hành chính Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Phòng Hành chính Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp	Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp	Không quá 01 giờ làm việc	- Hồ sơ	
B4	- Công chức Phòng Hành chính Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	- Trích lục bản sao hộ tịch - Công văn trả lời không có thông tin.	

hiện lại bước (ii) hoặc (iii);

+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).

+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Hành chính tư pháp tra cứu thông tin trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đánh máy, in bản sao Trích lục hộ tịch trình Trưởng Phòng Hành chính tư pháp ký, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xin cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức gửi lại nội dung biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.

Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ

	<p>của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu bản sao Trích lục hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Hành chính tư pháp dự thảo bản sao Trích lục hộ tịch, trình Trưởng Phòng Hành chính Tư pháp, ký, ký số</p>				
B5	<p>Trưởng phòng Hành chính tư pháp ký bản giấy, bản điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản điện tử chuyển Văn thư Sở Tư pháp và công chức Phòng Hành chính tư pháp - Bản giấy trích lục hộ tịch (bản sao) hoặc công văn trả lời không có thông tin chuyển cho công chức Phòng Hành chính tư pháp 	Trưởng phòng Hành chính tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời không có thông tin	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Văn thư Sở Tư pháp phát hành văn bản trên Hệ thống; Hệ thống tự động chuyển kết quả đến phần mềm Một cửa, tài khoản của công dân trên cổng Dịch vụ công và phòng Hành chính tư pháp. - Công chức Phòng Hành chính tư pháp chuyển Văn thư phát hành văn bản giấy, nhận bản phát hành, chuyển Bộ phận Một cửa. <p>(Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)</p>	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	- Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời không có thông tin	<ul style="list-style-type: none"> + Bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; + Bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

B7	- Trả kết quả cho công dân trực tiếp hoặc qua bưu chính - Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục hộ tịch bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch nếu nộp hồ sơ trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

Đề nghị cơ quan cấp bản sao trích lục⁽⁴⁾ cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký tại: ⁽⁵⁾

ngày tháng năm số..... Quyền số:

Thông tin khác: ⁽⁶⁾

Số lượng bản sao yêu cầu cấp:.....bản⁽⁷⁾.

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan đề nghị thực hiện việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(2) *Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.*

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) *Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).*

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây, nay đề nghị cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình.

(6) *Trường hợp người yêu cầu không cung cấp được thông tin tại mục (5) thì cung cấp bổ sung thông tin khác để phục vụ việc tra cứu.*

Ví dụ: Cung cấp thông tin về cha, mẹ để phục vụ việc cấp bản sao Giấy khai sinh; cung cấp thông tin về vợ, chồng để phục vụ việc cấp bản sao Trích lục kết hôn;...

(7) Ghi rõ số lượng bản sao đề nghị cấp.

NỘI DUNG BIỂU MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC YÊU CẦU CẤP BẢN SAO GIẤY KHAI SINH, BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch.

II. Thông tin về giấy tờ hộ tịch đã đăng ký

- (6) Họ, chữ đệm, tên người được đăng ký;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Loại việc yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch;
- (11) Cơ quan đã đăng ký sự kiện hộ tịch trước đây;
- (12) Tên giấy tờ hộ tịch, số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký;
- (13) Số lượng bản sao;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - Trực tiếp
 - Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Đã ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

Số: /TLKS-BS

Sao từ Sổ Đăng ký khai sinh
Hà Nội, ngày tháng năm 202
TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2) /TLKH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:.....

Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:

Dân tộc:

Quốc tịch:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân:

Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại (3)

Số..... ngày.....tháng.....năm

Ghi chú:(4)

Thực hiện trích lục từ: (5)

Nơi nhận:

- Lưu VT, HCTP.

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLKT-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾..Số:..... ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾.....

Nơi nhận:

-

- Lưu VT, HCTP.

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.

⁽³⁾ Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

⁽⁴⁾ Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLCMC-BS , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN⁽³⁾

(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾**giữa:**

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận⁽³⁾**tại**⁽⁴⁾

.....số ngày

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.
- (3) Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.
- (4) Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾TL.....-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký việc ⁽⁴⁾

Trong ⁽⁵⁾

Sốngày

Nội dung: ⁽⁶⁾

Nơi đăng ký: ⁽⁷⁾

Số ngày

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁸⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLGCKH-BS ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại:⁽³⁾.....số.....cấp ngày.....tháng.....năm

Đã ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại ⁽⁴⁾.....số..... ngày.....thángnăm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ đó.

(4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch, số, ngày tháng năm ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn.

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLGCLH-BS , ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ LY HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ghi vào Sổ hộ tịch việc.....⁽³⁾ đã giải quyết tại nước ngoài với người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Theo:⁽⁵⁾.....số do..... cấp ngày

Tại:⁽⁶⁾..... số ngày.....tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.
- (3) Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.
- (4) Ghi theo thông tin có trong Sổ ghi chú ly hôn, nếu không có thông tin thì để trống.
- (5) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (6) Ghi tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi chú ly hôn, số, ngày, tháng, năm ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ ghi chú ly hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TLGCHT-BS

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã được ghi vào Sổ⁽³⁾

Nội dung ghi:⁽⁴⁾

Theo: ⁽⁵⁾số.....do

..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi ghi:⁽⁶⁾

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích

(1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch.

(3) Ghi rõ loại Sổ hộ tịch (Ví dụ: Sổ đăng ký khai tử, Sổ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc...).

(4) Ghi theo nội dung đã được ghi vào sổ hộ tịch (Ví dụ: Được thay đổi họ từ Nguyễn Thị Lan thành Smith Thị Lan).

(5) Ghi tên loại giấy tờ hộ tịch, số, tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch hoặc cấp giấy tờ xác nhận sự kiện hộ tịch đã được đăng ký/giải quyết, ngày đăng ký/cấp giấy tờ đó.

(6) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch (theo đủ cấp hành chính), tên sổ hộ tịch, quyển số, số đăng ký trong sổ và ngày thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch.

Ví dụ: UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Sổ đăng ký khai tử, quyển số 01, số 123, ngày 18/8/2020.

(7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch (QT-92)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch từ Sổ hộ tịch hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội lưu giữ, quản lý.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với công dân có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị xác nhận thông hộ tịch của cá nhân Công chức Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,

	<p>chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Mẫu điện tử tương tác đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch;</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường</p>	X	

<p>hợp cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. - Trường hợp người yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ 		

	<p>chối giải quyết.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp nhận kết quả (Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.</p>				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<p>- Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch.</p> <p>- Bản điện tử Xác nhận thông tin hộ tịch (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Sở Tư pháp</p> <p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>				
3.7	Phí				
	8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố</i>	Công dân		Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

<p>B1</p>	<p>(https://dichvucong.hanoi.gov.vn). Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu thực hiện thủ tục (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công) Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn: - Dịch vụ công trực tuyến, - Sở Tư pháp, - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch <i>Trường hợp trên ứng dụng VNeID có tích hợp thủ tục này thì công dân có thể đăng nhập và thực hiện theo hướng dẫn trên ứng dụng</i></p>			<p>Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch(trực tiếp)</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác xác nhận hộ tịch (trực tuyến)</p>	<p>Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi</p>
<p>B2</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. (i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 04 giờ làm việc</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

	<p>- Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức phòng Hành chính tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Hành chính tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 04 giờ làm việc</p>	<p>- Hồ sơ</p>	

	của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)				
B4	<p>- Công chức Phòng Hành chính Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Hành chính tư pháp tra cứu thông tin trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đánh</p>	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	<p>Không quá 01 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc</p>	- Công văn trả lời	

	<p>máy, in Công văn trả lời trình Trưởng Phòng Hành chính tư pháp ký, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức gửi lại nội dung Công văn trả lời tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên Công văn trả lời điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Hành chính tư pháp dự thảo Công văn trả lời, trình Trưởng Phòng Hành chính Tư pháp, ký, ký số</p>				
B5	<p>Trưởng phòng Hành chính tư pháp ký bản giấy, bản điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản điện tử chuyển Văn thư Sở Tư pháp và công chức Phòng Hành chính tư pháp - Công văn trả lời chuyển cho công chức Phòng Hành chính tư pháp 	Trưởng phòng Hành chính tư pháp	Không quá 04 giờ làm việc	Công văn trả lời	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	- Văn thư Sở Tư pháp phát hành văn bản trên Hệ thống; Hệ thống tự động chuyển kết quả đến phần mềm Một cửa, tài khoản của công dân trên cổng Dịch vụ công và phòng Hành chính tư pháp.	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	Không quá 04 giờ làm việc	Công văn trả lời	+ Bản điện tử Công văn trả lời gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ

	<p>- Công chức Phòng Hành chính tư pháp chuyên Văn thư phát hành văn bản giấy, nhận bản phát hành, chuyển Bộ phận Một cửa.</p> <p>(Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)</p>				<p>chức, cá nhân đó; + Bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.</p>
B7	<p>- Trả kết quả cho công dân trực tiếp và qua bưu chính</p> <p>- Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>- Lưu hồ sơ theo quy định</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác xác nhận thông tin hộ tịch nếu nộp hồ sơ trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THÔNG TIN HỘ TỊCH

Kính gửi⁽¹⁾:

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu/Tên cơ quan, tổ chức:.....

Nơi cư trú của cá nhân (*trường hợp chưa có sổ định danh cá nhân*)/Địa chỉ cơ quan, tổ chức: .

Số định danh cá nhân/Giấy tờ tùy thân⁽²⁾:

Quan hệ với người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch⁽³⁾:

Đề nghị cơ quan cấp Xác nhận thông tin hộ tịch cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:.....Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân⁽²⁾:.....

Lý do đề nghị xác nhận⁽⁴⁾:

Nội dung xác nhận⁽⁵⁾:.....

Tôi cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu⁽⁶⁾

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Số lượng:.....bản⁽⁷⁾.

Phương thức nhận kết quả⁽⁸⁾:.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đề nghị cấp Xác nhận thông tin hộ tịch.
- (2) Ghi số định danh cá nhân hoặc thông tin về loại giấy tờ tùy thân sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); ghi rõ số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm (*Ví dụ:* Căn cước công dân số 001089123500 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2021). Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị ghi tên, giấy tờ của người đại diện theo pháp luật;
- (3) Trường hợp đề nghị cấp xác nhận thông tin hộ tịch của mình thì ghi Bản thân; trường hợp đề nghị cấp xác nhận thông tin hộ tịch của người khác thì ghi rõ mối quan hệ với người được cấp xác nhận. Ví dụ: Vợ/chồng/con/thực hiện theo ủy quyền;
- (4) Mục này dành cho cơ quan, tổ chức đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch;
- (5) Nêu rõ, đầy đủ nội dung, thời điểm đăng ký ban đầu; nội dung, căn cứ và thời gian thực hiện các việc thay đổi, điều chỉnh thông tin hộ tịch tính đến thời điểm cấp văn bản xác nhận.
Ví dụ: Xác nhận thông tin về việc kết hôn mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền đã cho phép thực hiện việc thay đổi họ, chữ đệm, tên, cải chính năm sinh của người vợ hoặc người chồng hoặc hai vợ chồng đã ly hôn.
- (6) Trường hợp chủ thể yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch là cơ quan, tổ chức thì ký, đóng dấu của cơ quan, tổ chức theo quy định.
- (7) Ghi rõ số lượng đề nghị cấp.
- (8) Ghi rõ phương thức nhận kết quả: trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. Nếu nhận kết quả qua đường bưu chính thì phải cung cấp địa chỉ nơi nhận và nộp phí dịch vụ bưu chính

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THÔNG TIN HỘ TỊCH

I. Thông tin về người yêu cầu cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch.

II. Thông tin về người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nội dung xác nhận;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - Trực tiếp
 - Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Phụ lục 03

A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ

II. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH

1. Quy trình: Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam (QT-93)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân xin nhập quốc tịch Việt Nam. Công chức thuộc Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008.- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024.- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.- <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực</i>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.- <i>Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i>- <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i>
3.2	Thành phần hồ sơ
	Bản Bản

		chính	sao
	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh		X
	Hộ chiếu		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam (<i>Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin nhập quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ</i>); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình		X
	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú)		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt		X

	Nam; giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.		
	<p><i>Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i></p> <p><i>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</i></p> <p><i>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</i></p>		X
	<p>- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <p>+ <i>Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ hôn nhân, quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i></p> <p>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt</p>		X

	<p>Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>+ Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam).</p> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <p>+ Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng.;</p> <p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p>		
	<p>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là</p>		

	<p>thành viên.</p> <p>- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p>			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	03 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp</p>			
3.6	Lệ phí			
	<p>3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:</p> <p>- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXH Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>- Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</p>			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả
B1	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
	<p>Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ,</p>	Bộ phận Một cửa		- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

B2	không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ, số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.		04 giờ	- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Công chức Bộ phận Một cửa bàn giao hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	02 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	1,5 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Công văn gửi Công an Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc	Công văn kèm Hồ sơ
B7	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành	30 ngày	Kết quả xác minh về nhân thân của người

		phó	kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị	xin nhập quốc tịch Việt Nam
B8	Văn thư nhận Kết quả xác minh về nhân thân từ Công an Thành phố chuyển công chức Phòng HCTP	Văn thư	04 giờ	Xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B9	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B10	Trưởng phòng xem xét hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	04 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm theo Hồ sơ
B11	Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	02 ngày	Tờ trình kèm theo Hồ sơ
B12	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét và đề xuất gửi Bộ Tư pháp.	Lãnh đạo UBND Thành phố	10 ngày	Công văn kèm theo Hồ sơ
B13	Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp	20 ngày	Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam
B14	Chủ tịch Nước quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.	Chủ tịch Nước	30 ngày	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.
	- Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo kèm theo Quyết định cho nhập quốc	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Bản sao Quyết định cho phép nhập quốc

B15	tịch Việt Nam cho UBND Thành phố - Bộ Tư pháp thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.			tịch Việt Nam
B16	Văn thư Sở nhận bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam chuyển đến Phòng HCTP	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam
B17	Công chức Phòng HCTP: - Vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ - Dự thảo Thông báo UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh trình Trưởng phòng HCTP. - Tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Thông báo gửi UBND cấp xã để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
B18	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Thông báo và trình Lãnh đạo Sở ký	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Thông báo về việc ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
B19	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Thông báo, hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo về việc ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1). - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT- 2024 - BKLL) 			

Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM****Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Họ, chữ đệm, tênGiới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh(2):.....

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

....., cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):.....

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

.....,cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày..... tháng..... năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

.....,cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

.....

Con thứ:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (7):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-
-
-
-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(6) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(7) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1): Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

Thẻ thường trú số:.....do:.....

....., cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.

- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện (nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....</p> <p>.....(7) được nhập quốc tịch Việt Nam mà</p>

	<p>vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của(7) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
--	--

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(6) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....

Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....

Anh/chị/em thứ:

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

2. Quy trình: Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-94)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ Xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước.		
2	Phạm vi		
	Áp dụng đối với cá nhân xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước. Công chức Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố thực hiện Quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008. - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực</i> - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - <i>Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i> 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh		X

	Hộ chiếu		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam (<i>Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin trở lại quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ</i>); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau: a) Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; b) Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó. <i>Trường hợp thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam trước đây của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể khai thác được tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan tiếp nhận không yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp các giấy tờ nêu trên.</i>		X
	- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: + Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ hôn		X

	<p><i>nhân, quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i></p> <p>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước CHXHCN Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoặc được Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho CHXHCN Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được Giải thưởng quốc tế, Huân chương, Huy chương hoặc được Cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và Cơ quan quản lý nhà nước cấp Bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.</p>		
	<p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.</p>		X
	<p>- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở</p>		X

	<p><i>dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</i></p> <p><i>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</i></p>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh: + Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng. + Bản cam kết về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nước CHXHCN Việt Nam. 		X
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo qui định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch. 		X
	<p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp			
3.6	Lệ phí			
	2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, CHXHCN Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống	Công chức Bộ phận một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

	thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).			
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyên về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	02 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	1,5 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Công văn gửi Công an Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc	Công văn gửi Công an Thành phố kèm theo Hồ sơ
B7	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	20 ngày	Xác minh về nhân thân người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B8	Văn thư Sở chuyển công chức Phòng HCTP kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam	Văn thư Sở	04 giờ	Kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B9	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam

	chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng			
B10	Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ
B14	Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	02 ngày	Tờ trình kèm Hồ sơ
B15	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét đề xuất gửi Bộ Tư pháp hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam.	Lãnh đạo UBND Thành phố	05 ngày	Công văn kèm theo Hồ sơ
B16	Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài	Bộ Tư pháp	20 ngày	Thông báo để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài
B17	Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.	Bộ Tư pháp		Tờ trình xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.
B18	Chủ tịch Nước quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch Nước	20 ngày	Quyết định
B19	Bộ Tư pháp gửi cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định và gửi 01 bản sao cho UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết.	Bộ Tư pháp		Bản sao Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch
B20	Văn thư nhận Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam chuyển công chức Phòng HCTP	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam
	Công chức dự thảo Công văn gửi	Công chức		Quyết định cho phép

B21	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh	Phòng HCTP	04 giờ	trở lại quốc tịch Việt Nam; trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch
B22	Công chức vào Sổ theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết và dự thảo thông báo UBND cấp huyện, UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh và trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Sổ theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết. - Dự thảo thông báo ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
B23	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản gửi UBND cấp huyện, UBND cấp xã để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT- 2024- ĐXTLQT.1) - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT- 2024- ĐXTLQT.2) - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL) 			

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng
được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do:, cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5)..... (theo
Quyết định số:.....ngày.....tháng.....năm.....
của.....).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn
này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại
quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:
.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....
 Nơi cư trú:

.....
 Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

.....
Con thứ.....:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có)</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>	<p>Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

-

-

-

-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Trường hợp xin trở lại/nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(7) Trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam thì lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; trường hợp được nhập quốc tịch Việt Nam thì lựa chọn tên gọi Việt Nam.

(8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên: (1):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5)..... (theo Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm..... của.....)

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện (nếu có)</p>	<p>Tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay:</p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....</p> <p>.....(7) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của</p> <p>.....(7) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

-

.....

-

.....

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....
.....**Con thứ:****Anh/chị/em ruột thứ nhất:**

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....
.....**Anh/chị/em thứ hai:**

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....
.....**Anh/chị/em thứ:**

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

3. Quy trình: Thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-95)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước Công chức Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố thực hiện Quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008. - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực</i> - Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - <i>Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i> 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam	X	
	Bản khai lý lịch	X	

	<p><i>Giấy tờ chứng minh người xin thôi quốc tịch Việt Nam có quốc tịch Việt Nam là bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân, Thẻ căn cước, Căn cước điện tử, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người xin thôi quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i></p>		X
	<p><i>Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền</i></p>		X
	<p><i>Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin thôi quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ); Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</i></p>	X	
	<p><i>Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài theo điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp).</i></p>		X
	<p><i>Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục Thuế thành phố Hà Nội nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp</i></p>	X	
	<p><i>Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 05 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</i></p>	X	
	<p><i>Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha,</i></p>		X

	<p><i>mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</i></p> <p><i>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</i></p>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. - Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật. 		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)</p> <p>Việc đăng tải thông tin người xin thôi quốc tịch Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. Việc đăng tải thông tin này không làm ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định</p>		

	pháp luật. Trong quá trình giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, nếu phát hiện thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp chưa được thôi hoặc không được thôi theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 thì tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh với Sở Tư pháp. Trường hợp hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam đã chuyển lên Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có văn bản báo cáo Bộ Tư pháp.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp			
3.6	Lệ phí			
	2.500.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Công dân lựa chọn cách thức: - Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. - Nộp hồ sơ qua bưu chính;	Công dân	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

	hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).			
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyên về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	02 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức nêu lý do	Trưởng Phòng HCTP	1,5 ngày làm việc	Dự thảo Thông báo, Công văn kèm theo Hồ sơ
B6	Lãnh đạo Sở xem xét, ký Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam và Công văn đề nghị xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc	Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam; Công văn
B9	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	20 ngày	Kết quả xác minh về nhân thân
B10	Văn thư Sở chuyển Phòng HCTP Kết quả xác minh về nhân thân từ Công an Thành phố	Văn thư Sở	04 giờ	Kết quả xác minh về nhân thân
B11	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyên về Bộ phận Một cửa để	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết

	thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng			
B12	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do.	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ
B13	Trưởng phòng HCTP trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	01 ngày	Tờ trình kèm Hồ sơ
B14	UBND Thành phố xem xét và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND Thành phố	05 ngày	Công văn của UBND Thành phố
B15	Bộ Tư pháp ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch Nước xem xét, quyết định về việc thôi quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp	20 ngày	Tờ trình
B16	Chủ tịch Nước xem xét, quyết định	Chủ tịch Nước	20 ngày	Quyết định
B17	Bộ Tư pháp gửi cho người được thôi quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định, gửi 01 bản cho UBND Thành phố. Đồng thời, thông báo cho Sở Tư pháp để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.	Bộ Tư pháp		Bản sao Quyết định thôi quốc tịch Việt Nam
B18	Văn thư Sở Tư pháp nhận Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam chuyển công chức Phòng HCTP, dự thảo Công văn đề nghị UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam
B19	Ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh trường hợp Sở Tư pháp đã đăng ký khai sinh trước đây của người được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh và dự thảo văn bản đề nghị ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh - Văn bản thông báo cho UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh

B20	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở Tư pháp ký thông báo đến UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo
B21	Công chức Phòng HCTP lấy số, đóng dấu và phát hành thông báo	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Thông báo
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-ĐXTQT.1) - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2024-ĐXTQT.2) - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL) 			

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....
.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:
.....

Tôi cũng xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Số Hộ chiếu Việt Nam:do:,

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Số Hộ chiếu Việt Nam:do:,

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Con thứ.....:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

.....

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

-

-

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Quốc tịch nước ngoài (nếu có) được ghi chính xác theo tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La Tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(6) Trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (5):

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

.....

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

-

.....

-

.....

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Quốc tịch nước ngoài (nếu có) được ghi chính xác theo tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La Tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....
.....**Con thứ**.....**Anh/chị/em ruột thứ nhất:**

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....
.....**Anh/chị/em thứ hai:**

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....
.....**Anh/chị/em thứ**.....*(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

4. Quy trình: Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-96)

1	Mục đích Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
2	Phạm vi Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. Công chức thuộc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008. - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực</i> - Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - <i>Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i> 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:	X	

	+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng		
	+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, <i>Thẻ Căn cước</i> , <i>Căn cước điện tử</i> , giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;		X
	+ <i>Giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</i>		X
	- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP: + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;	X	
	+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, <i>Thẻ căn cước</i> , <i>Căn cước điện tử</i> , giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.		X
	+ Bản khai lý lịch kèm theo một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: Bản sao các giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến ngày 01/7/2009, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày	X	

	30/4/1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam.		
	<p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>- 20 ngày đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam</p> <p>- 55 ngày đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.</p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền		
3.6	Lệ phí		
	100.000 đồng. Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi qua bưu chính.	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	
	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh	Bộ phận Một cửa		<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải</p>	

B2	<p>hồ sơ;</p> <p>b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.</p>		01 giờ	<p>quyết hồ sơ</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ</p>	
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	01 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	
B4	<p>Công chức thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức trả lại hồ sơ kèm Thông báo nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung gửi cho cá nhân - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo. 	Công chức Phòng HCTP	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ 	
B5	<p>Hoàn thiện hồ sơ, trình Trưởng phòng HCTP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, dự thảo Công văn gửi Bộ Tư pháp kiểm tra, đối chiếu danh sách những người đã được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì dự thảo Công văn gửi Bộ Tư pháp và Công an cấp tỉnh 	Công chức Phòng HCTP	01 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ	

	<p>nơi người yêu cầu cư trú của người đó ở Việt Nam để tiến hành xác minh.</p> <p>- Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của giấy tờ trong hồ sơ thì dự thảo Công văn đề nghị các cơ quan liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh</p>				
B6	<p>Trưởng Phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ:</p> <p>- Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký</p> <p>- Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do</p>	Trưởng phòng HCTP	01 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ	
B7	<p>Lãnh đạo Sở Tư pháp ký Công văn gửi Bộ Tư pháp xác minh Công văn được tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu</p>	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Công văn gửi Bộ Tư pháp xác minh	
B8	<p><i>- Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:</i></p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam.</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh; trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan đã cấp giấy tờ đó tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm</p>		18 ngày	Công văn	

	<p>việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.</p> <p>Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết.</p>				
	<p><i>- Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ xác định có quốc tịch Việt Nam theo khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:</i></p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp chủ động tra cứu hoặc đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam.</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Đồng thời, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị cơ quan Công an cùng cấp xác minh về nhân thân của người có yêu cầu; trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.</p>		53 ngày		
B9	Bộ Tư pháp, Công an Thành phố gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp Công an TP		Kết quả xác minh	

B10	<p>Công chức nhận Kết quả xác minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, trình ký gửi cho cá nhân. - Đối với hồ sơ đạt yêu cầu: trình Trưởng phòng HCTP 	Công chức Phòng HCTP	02 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết - Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ 	
B11	<p>Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Giấy xác nhận và hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do 	Trưởng phòng HCTP	01 giờ	Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
	+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam				
B12	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Giấy xác nhận. Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 giờ	Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B13	Công chức phòng HCTP lấy số, đóng dấu và bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Văn thư Sở - Bộ phận Một cửa 	01 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 	
4	BIỂU MẪU				
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	- Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-				

	TKXNCQTVN); - Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-TKXNCQTVN.2).
	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL)
	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-XNCQTVN)

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị(1) cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi sinh (3)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :.....

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị(1) cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho (7).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

.....
..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../XNCQTVN

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

....., ngàytháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

..... (2)

Căn cứ quy định pháp luật quốc tịch Việt Nam;

Xét đề nghị của ông/bà (3):

..... về việc xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho
(4).....

XÁC NHẬN:

Họ, chữ đệm, tên (4):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Nơi sinh (5):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Có quốc tịch Việt Nam.

Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam có giá trị sử dụng kể từ ngày được cấp cho đến thời
điểm thay đổi thông tin quốc tịch Việt Nam./.

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:

(1) (2) Ghi tên cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam: nếu là Sở Tư pháp thì ghi tên Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố và Sở Tư pháp (Ví dụ: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI - dòng trên - SỞ TƯ PHÁP - dòng dưới); nếu là Cơ quan đại diện thì ghi tên Cơ quan đại diện và tên nước trụ sở Cơ quan đại diện (Ví dụ: ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CHLB ĐỨC).

(3) Nếu là nam thì gạch chéo (bà), nữ thì gạch chéo (ông) và ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của công chức được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết hồ sơ.

(4) Ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3)+(4) Ví dụ: Xét đề nghị của ông NGUYỄN HÀ, công chức làm công tác quốc tịch của Sở Tư pháp, về việc cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho NGUYỄN THỊ HOA.

(5) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

5. Quy trình: Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (QT-97)

1	Mục đích		
		Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.	
2	Phạm vi:		
		Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. Công chức thuộc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này	
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008. - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực</i> - Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - <i>Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i> 	
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam	X	
	03 ảnh 4x6 giống nhau, chụp chưa quá 06 tháng	X	
	Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn		X

	cước công dân, <i>Thẻ Căn cước, Căn cước điện tử</i> , giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.				
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền				X
	<i>Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i>				X
	<i>Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.</i>				X
	Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	05 ngày làm việc				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp hoặc địa điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cấp có thẩm quyền				
3.6	Lệ phí				
	100.000 đồng. Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống

B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc tại địa điểm tiếp nhận theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi qua hệ thống bưu chính tại Bộ phận Một cửa	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo đề cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	
B4	Công chức thụ lý hồ sơ thẩm định: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức trả lại hồ sơ kèm theo Thông báo bằng văn bản gửi cho cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu: trình Trưởng Phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ - Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ được thẩm định	
	Trưởng Phòng HCTP xem xét dự thảo Giấy xác nhận và hồ sơ:	Trưởng Phòng	04 giờ	Dự thảo Giấy xác nhận kèm	

B5	- Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức thẩm định, nêu rõ lý do	HCTP		theo Hồ sơ	
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Giấy xác nhận	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B7	Công chức Phòng HCTP lấy số, đóng dấu và bàn giao Bộ phận Một cửa Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
B8	Bộ phận Một cửa trả Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho công dân	Bộ phận Một cửa	04 giờ	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
4	BIỂU MẪU				
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-TKXNNGVN.1); - Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-TKXNNGVN.2). 				
	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-XNNGVN).				

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó là con, cháu của người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của những người này cũng được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ thay thế theo quy định:

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị(1) cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu theo (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc tịch mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):

.....

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6): .../...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó là con, cháu của người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của những người này cũng được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc các giấy tờ thay thế theo quy định.

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị(1) cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho (7).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm

công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

.....
..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../XNNGVN

....., ngàytháng.....năm.....

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

..... (2)

Căn cứ quy định pháp luật quốc tịch Việt Nam;

Xét đề nghị của ông/bà (3):

..... về việc xác nhận là người gốc Việt Nam cho
(4).....

XÁC NHẬN:

Họ, chữ đệm, tên (4):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Nơi sinh (5):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Là người gốc Việt Nam.

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:

(1) (2) Ghi tên cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam: nếu là Sở Tư pháp thì ghi tên Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố và Sở Tư pháp (Ví dụ: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI - dòng trên - SỞ TƯ PHÁP - dòng dưới); nếu là Cơ quan đại diện thì ghi tên Cơ quan đại diện và tên nước trụ sở Cơ quan đại diện (Ví dụ: ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CHLB ĐỨC).

(3) Nếu là nam thì gạch chéo (bà), nữ thì gạch chéo (ông) và ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của công chức được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết hồ sơ.

(4) Ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3)+(4) Ví dụ: Xét đề nghị của ông NGUYỄN HÀ, công chức làm công tác quốc tịch của Sở Tư pháp, về việc cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho NGUYỄN THỊ HOA.

(5) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

Phụ lục 04

A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP THÀNH PHỐ

III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

1. Quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (QT-87)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng
2	Phạm vi: Áp dụng giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i>- Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

	<p>liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i></p> <p>- <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i></p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi do nhân viên Cơ sở nuôi dưỡng hoặc công chức Sở Y tế nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp		
	1. Giấy khai sinh		X
	2. Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu		X
	3. Giấy khám sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	
	4. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng	X	
	5. Biên bản xác nhận do UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha	X	

	đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự.		
	6. Quyết định tiếp nhận trẻ em vào Cơ sở nuôi dưỡng	X	
	7. Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em	X	
	- Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.	X	
	- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.	X	
	Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp sau đó Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ qua bưu điện đến Sở Tư pháp		
	1. Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh)	X	
	2. Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế		X
	3. Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam	X	
	4. Bản điều tra về tâm lý, gia đình	X	
	5. Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe	X	
	6. Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản	X	
	7. Phiếu Lý lịch tư pháp	X	
	8. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: - Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn - Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	
	- Giấy xác nhận của <i>Công an cấp xã nơi người nhận con nuôi</i> cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác chứng minh người nhận con nuôi <i>thuộc diện</i> là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại <i>Bộ Tư pháp</i> (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm).		
	Hồ sơ do công chức Sở Tư pháp nộp tại Bộ phận Một cửa của UBND Thành phố để UBND Thành phố xem xét, quyết định		
	- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi - Hồ sơ của người nhận làm con nuôi		
	Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được: - Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt		

	<p>Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà CHXH Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>- Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.</p> <p><i>*) Giấy tờ có trong hồ sơ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, cấp, xác nhận mà bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc thông tin trong các văn bản, giấy tờ được khai không đúng sự thật thì không có giá trị sử dụng. Người thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc khai thông tin không đúng sự thật bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.</i></p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	<p>Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ.</p> <p>Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ hồ sơ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ người nhận con nuôi tại <i>Bộ Tư pháp</i> (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi).</p>		
3.4	Thời hạn giải quyết		
	<p>- Thời gian <i>Sở Y Tế hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi</i>: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài</i>: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60</p>		

	<p>ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã <i>nơi có thông tin cư trú</i> của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí. - Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý. - Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho <i>Bộ Tư pháp</i> 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý. - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp. - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi do nhân viên Cơ sở nuôi dưỡng hoặc công chức Sở Y tế nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp hoặc địa

	điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền - Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp sau đó Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ qua bưu điện đến Sở Tư pháp - Hồ sơ do công chức Sở Tư pháp nộp tại Bộ phận Một cửa/Văn thư của UBND Thành phố để UBND Thành phố xem xét, quyết định - Trao Quyết định nuôi con nuôi và Lễ giao, nhận con nuôi tại Sở Tư pháp			
3.6	Lệ phí: Người nhận con nuôi nộp lệ phí tại Bộ Tư pháp			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nhân viên Cơ sở nuôi dưỡng hoặc công chức Sở Y tế nộp hồ sơ của trẻ em cần tìm gia đình tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	Hồ sơ của trẻ em
B2	Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Văn thư của Sở Tư pháp	Văn thư của Sở Tư pháp	Giờ hành chính	Hồ sơ của người nhận con nuôi
B3	Công chức Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp truy cập Phần mềm Một cửa tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho công chức Phòng HCTP	Công chức Bộ phận TN&TKQ	02 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ
B4	Công chức Phòng HCTP kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, công chức dự thảo văn bản gửi Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đề nghị bổ sung hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, công chức soạn thảo Thông báo tìm gia đình cho trẻ em trên phạm vi cấp tỉnh trình	- Công chức Phòng HCTP	04 giờ	-Văn bản gửi Sở Y Tế đề nghị bổ sung hồ sơ. -Thông báo tìm gia đình cho trẻ em
B5	Trưởng phòng HCTP. Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	
B6	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo, ký Thông báo; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	

	phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu			
B7	Văn thư Sở gửi văn bản đi các Cơ quan liên quan để đăng Thông báo. Trong thời gian 60 ngày, nếu cha mẹ đẻ, thân nhân của trẻ em, công dân Việt Nam nhận trẻ em về nuôi dưỡng hoặc làm con nuôi thì công chức Phòng HCTP hướng dẫn công dân (Quy trình kết thúc tại Sở Tư pháp)	Văn thư Công chức phòng HCTP	02 giờ	
B8	Hết thời hạn Thông báo (60 ngày) mà không có cha mẹ đẻ, thân nhân của trẻ em, công dân Việt Nam nhận trẻ em về nuôi dưỡng hoặc làm con nuôi thì công chức Phòng HCTP soạn thảo văn bản gửi Bộ Tư pháp để thông báo trên toàn quốc để tìm người Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi	Công chức phòng HCTP	04 giờ	Công văn gửi Bộ Tư pháp
B9	Trưởng phòng HCTP xem xét Dự thảo, ký nháy và trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Công văn gửi Bộ Tư pháp
B10	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo, ký Thông báo; hệ thống tự động chuyên đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày ngày	Công văn gửi Bộ Tư pháp
B11A	<i>Trường hợp thứ nhất:</i> <i>Đối với trường hợp có người Việt Nam thường trú ở trong nước đã đăng ký nhu cầu nhận con nuôi:</i> - Công chức Phòng HCTP liên hệ với người đã đăng ký nhu cầu nhận con nuôi, nếu họ đồng ý nhận trẻ em làm con nuôi thì dự thảo văn bản giới thiệu người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi đến UBND cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi để xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.	Công chức Phòng HCTP	05 ngày	Dự thảo công văn gửi UBND cấp xã

	- Trình Trưởng phòng HCTP dự thảo			
B12A	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo văn bản gửi UBND cấp xã - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn
B13A	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn
B14A	- Công chức phòng HCTP Giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người đăng ký nhận con nuôi (Quy trình tại Sở Tư pháp kết thúc)	- Công chức Phòng HCTP - Người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi	04 giờ	- Công văn gửi UBND cấp xã - Bản chụp hồ sơ trẻ em
B11B	<i>Trường hợp thứ hai: Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi</i> - Sở Tư pháp gửi danh sách trẻ em cho Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi trên phạm vi toàn quốc.	Công chức Phòng HCTP	07 ngày	- Công văn bổ sung hồ sơ. - Danh sách trẻ em gửi Bộ Tư pháp - Công văn đề nghị Công an Thành phố xác minh nguồn gốc trẻ em - Công

				văn/Giấy mời về việc lấy ý kiến người có liên quan đến việc cho trẻ em làm con nuôi
B12B	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản Danh sách trẻ em gửi Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi trên phạm vi toàn quốc và trình Trưởng phòng HCTP xem xét	Công chức phòng HCTP	4 giờ	Công văn,
B13B	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo văn bản gửi Bộ Tư pháp - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	4 giờ	Công văn
B14B	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 giờ	Công văn
B14B.A	<i>Trường hợp có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi</i>			
B14B.A.1	Công chức phòng HCTP tiến hành kiểm tra điều kiện của người nhận con nuôi, và giới thiệu cho người nhận con nuôi đến UBND cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi để xem xét, giải quyết.			
B14B.A.2	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản gửi UBND cấp xã	Công chức phòng HCTP	4 giờ	Công văn
B14B.A.3	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo văn bản gửi UBND cấp xã - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký.	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn

	- Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do			
B14B.A.4	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản hệ thống tự động chuyên đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày	Công văn
B14B.A.5	- Công chức phòng HCTP Giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người đăng ký nhận con nuôi (Quy trình tại Sở Tư pháp kết thúc)	- Công chức Phòng HCTP - Văn thư Sở - Người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi	04 giờ	- Công văn gửi UBND cấp xã - Bản chụp hồ sơ trẻ em
B14B.B	<i>Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi</i> <i>Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của trẻ em và đối chiếu với các quy định về đối tượng, độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi, trường hợp phải thông qua thủ tục giới thiệu, trường hợp được nhận con nuôi đích danh; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ.</i> <i>-Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em</i>			Thông báo của Bộ Tư pháp
B14B.B1	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo công văn - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn
B14B.B2	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét dự thảo, ký Văn bản hệ thống tự động	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày	Công văn

	chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu			
B14B.B.3	Công an Thành phố xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi.	Công an Thành phố	30 ngày	Công văn trả lời kết quả xác minh
B14B.B.4	Văn thư Sở nhận văn bản do Công an Thành phố chuyển đến, nhập Hệ thống văn bản trình Lãnh đạo Sở cho ý kiến chỉ đạo.	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn trả lời kết quả xác minh
B14B.B.5	Lãnh đạo Sở chuyển Trưởng phòng HCTP để giải quyết.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Công văn
B14B.B.6	Trưởng phòng HCTP chuyển văn bản công chức Phòng để tiếp tục thực hiện.	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn
B16B.B.8 B14B.B.7	<p>Công chức Phòng HCTP căn cứ nội dung văn bản trả lời kết quả xác minh của Công an Thành phố để thực hiện trình tự giải quyết.</p> <p>- Nếu không xác định được cha mẹ đẻ của trẻ em thực hiện tiếp từ bước B8B.B.18 đến kết thúc Quy trình</p> <p>- Nếu kết quả xác minh có thông tin về cha mẹ đẻ nhưng không liên hệ được với cha, mẹ đẻ trẻ em thì công chức Phòng HCTP soạn thảo văn bản niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp về việc trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài và văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ trẻ em niêm yết về việc trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài, thực hiện tiếp từ B16B.B.17 đến khi kết thúc quy trình</p> <p>- Nếu liên hệ được với cha, mẹ đẻ trẻ em thì công chức Phòng HCTP thực hiện từ bước B16B.B.14 đến hết quy trình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Phòng HCTP - Cha mẹ đẻ trẻ em 	07 ngày	Dự thảo công văn

B16B.B.9 B14B.B.8	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo văn bản niêm yết, Công văn
B16B.B.10 B14B.B.9	Lãnh đạo Sở xem xét, ký Văn bản.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Công văn
B16B.B.11 B14B.B.10	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy số, và gửi văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Dự thảo văn bản niêm yết, Công văn gửi UBND cấp xã
B16B.B.12 B14B.B.11	Thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan	- Sở Tư pháp - UBND cấp xã	60 ngày	văn bản niêm yết
B16B.B.13 B14B.B.12	Hết thời gian niêm yết mà không có cha mẹ đẻ hoặc thân nhân hoặc người trong nước xin nhận trẻ về nuôi hoặc làm con nuôi, công chức Phòng HCTP soạn thảo văn bản đề nghị Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng trẻ em có văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Sau khi Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng trẻ em gửi văn bản đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài thì công chức Phòng HCTP thực hiện tiếp bước B16B.B.17 đến hết quy trình	Công chức Phòng HCTP		
B16B.B.14 B14B.B.13	Công chức Phòng HCTP thực hiện: - Lấy ý kiến cha mẹ đẻ trẻ em về việc cho con làm con nuôi nước ngoài; Trình Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và văn bản dự thảo - <i>Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc</i>	- Công chức Phòng HCTP - Cha, mẹ đẻ trẻ em - Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng	05 ngày	- Biên bản lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài - Công văn

	<p>người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác thì, công chức phòng HCTP dự thảo văn bản đề nghị Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi nước ngoài. (Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tư pháp Hà Nội, Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ cư trú tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi nước ngoài và gửi văn bản lấy ý kiến về Sở Tư pháp Hà Nội). Sau khi nhận được văn bản lấy ý kiến, Quy trình tiếp tục được thực hiện từ bước B16B.B.17 tới khi kết thúc quy trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng trẻ em gửi văn bản thể hiện đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài - Trình Trưởng phòng HCTP báo cáo Lãnh đạo Sở ký xác nhận chữ ký công chức trong văn bản. 			<p>đề nghị Sở Tư pháp nơi cha đẻ, mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài</p> <p>-Văn bản đồng ý</p>
B16B.B.15 B14B.B.14	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở ký xác nhận	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	-Biên bản lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài -Văn bản đồng ý
B16B.B.16 B14B.B.15	Thời hạn cha mẹ đẻ, người giám hộ trẻ em thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi	Cha mẹ đẻ, người giám hộ trẻ em	30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.	
B16B.B.17 B14B.B.16	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài báo cáo Bộ Tư pháp và trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn

B16B.B.18 B14B.B.17	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn
B16B.B.19 B14B.B.18	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo do Trưởng phòng HCTP trình ký.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn
B16B.B.20 B14B.B.19	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy số và gửi văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn gửi Bộ Tư pháp nuôi kèm theo hồ sơ
B16B.B.21 B14B.B.20	Văn thư Sở nhận văn bản do Bộ Tư pháp chuyển đến, nhập hệ thống xử lý văn bản của cơ quan để Lãnh đạo Sở cho ý kiến chỉ đạo	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ
B16B.B.22 B14B.B.21	Lãnh đạo Sở chuyển Trưởng phòng HCTP để giải quyết	Lãnh đạo Sở	04 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ
B16B.B.23 B14B.B.22	Trưởng phòng HCTP chuyển công chức Phòng HCTP để giải quyết	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ
B16B.B.24 B14B.B.23	Công chức Phòng HCTP nghiên cứu hồ sơ của người nhận con nuôi do Bộ Tư pháp chuyển. <i>Nếu người nhận con nuôi nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo thuộc diện được nhận đích danh làm con nuôi thì Công chức Phòng HCTP tổng hợp hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi thành bộ hồ sơ hoàn chỉnh, soạn thảo Tờ trình UBND Thành phố và trình Trưởng phòng HCTP</i>	Công chức Phòng HCTP	03 ngày	Dự thảo Tờ trình
B16B.B.25 B14B.B.24	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở ký	Trưởng Phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo tờ trình

B16B.B.26 B14B.B.25	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo, ký Văn bản.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 ngày	Tờ trình kèm theo hồ sơ
B16B.B.27	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy sổ văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Tờ trình
B16B.B.28	Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	- Công chức Phòng HCTP - Công chức Bộ phận TN&TKQ/Văn thư của VPUBND Thành phố	01 ngày	Tờ trình kèm theo hồ sơ và dự thảo Quyết định của UBND Thành phố
B16B.B.29	UBND Thành phố Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.	UBND Thành phố	15 ngày	Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài
B16B.B.30	Công chức Phòng HCTP nhận Quyết định và hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ/Văn thư của VPUBND Thành phố	- Công chức Bộ phận TN&TKQ/Văn thư của VPUBND Thành phố - Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Quyết định kèm theo hồ sơ
B16B.B.31	Công chức Phòng HCTP soạn thảo thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo thông báo
B16B.B.32	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo thông báo
B16B.B.33	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét dự thảo, ký Văn bản.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Thông báo

B16B.B.34	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy số và gửi Văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Thông báo gửi người nhận con nuôi.
B16B.B.35	- Công chức Phòng HCTP ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi; soạn thảo Biên bản giao nhận con nuôi, chuẩn bị Lễ giao nhận con nuôi. - Công chức Phòng HCTP bàn giao Quyết định, Biên bản giao nhận con nuôi, Sổ cho công chức Bộ phận Một cửa	- Công chức Phòng HCTP - Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	Quyết định; Sổ đăng ký nuôi con nuôi; Biên bản giao nhận con nuôi
B16B.B.36	Thực hiện thủ tục giao nhận con nuôi giữa Bên giao và Bên nhận; Trình Lãnh đạo Sở ký Biên bản giao nhận con nuôi.	- Công chức Bộ Một cửa - Công chức Phòng Hành chính tư pháp - Bên giao và Bên nhận con nuôi, trẻ em được nhận làm con nuôi	01 ngày	Quyết định, Biên bản giao nhận và Sổ đăng ký nuôi con nuôi
B16B.B.37	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản về việc đã giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài gửi Bộ Tư pháp và UBND cấp xã nơi thường trú của trẻ em, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo công văn
B16B.B.38	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ, văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở ký	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo công văn
B16B.B.39	Lãnh đạo Sở xem xét văn bản dự thảo do Trưởng phòng HCTP trình ký.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn
B16B.B.40	Công chức Phòng HCTP chuyển văn thư Sở vào sổ công văn, lấy số và gửi văn bản gửi Bộ Tư pháp và UBND cấp xã.	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn, Quyết định về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài, Biên bản giao nhận con nuôi

4	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp; Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)			
	Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi theo mẫu (Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp; Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)			

Anh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive
mother's photo,
4 x 6 cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Anh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive father's
photo,
4 x 6 cm*

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM
LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(Used for adoption of a child living in an institution)

Kính gửi: Bộ Tư pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phần khai về người nhận con nuôi/Information of prospective adoptive parent(s)

Thông tin/Information	Ông/Mr	Bà/Ms
Họ, chữ đệm, tên / <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh/ <i>Date of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Hộ chiếu/ <i>Passport</i> 121		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi cư trú/ <i>Place of residence</i>		
Điện thoại/ thư điện tử/ <i>Phone number/email</i>		

2. Nguyên vọng về trẻ em được nhận làm con nuôi/Desire for adopting a child with

Độ tuổi/*Age*:

Giới tính/*Sex*:

Tình trạng sức khỏe/*Health status*:

Các đặc điểm khác (nếu có)/*other characteristics (if any)*:

3. Phần cam đoan/Declaration

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Done in....., on day..... month.....year.....

ÔNG/Mr

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Signature, full name)

BÀ/Ms

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Signature, full name)

VĂN BẢN
VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM
ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM

1. Họ, chữ đệm, tên:Nam Nữ

2. Ngày, tháng, năm sinh:.....

3. Nơi cư trú:.....

4. Hoàn cảnh gia đình:

Bị bỏ rơi:

Mồ côi cả cha và mẹ:

Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ):

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ

1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):.....

2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ đẻ có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):

3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:

Chiều cao..... Cân nặng.....

Sức khỏe hiện tại:

Bình thường

Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo:.....

Có đang được điều trị không?

Không

Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị:

4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:

Vận động (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó):

5. Tương tác (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô công nhân, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi, sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...):.....

Ngôn ngữ (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):

.....
Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?

Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...):

.....
III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

1. Sở thích (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng

24

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

1 Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

2 Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. PHẦN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Chúng tôi/Tôi là người ký tên dưới đây:

Ông:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Đồng ý cho người có tên dưới đây được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁴:.....³

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

II. PHẦN CAM ĐOAN

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chúng tôi/tôi đồng ý cho trẻ em có tên nêu trên được nhận làm con nuôi:

trong nước

nước ngoài

Chúng tôi/Tôi xin khẳng định như sau:

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào.
2. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng, việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.
3. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng kể từ ngày giao nhận con nuôi, chúng tôi/tôi không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
4. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), chúng tôi/tôi có thể thay đổi ý kiến về việc cho người có tên nêu trên làm con nuôi. Hết thời hạn

này, nếu chúng tôi/tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁶

Tôi tên là....., số Căn cước
công dân/Chứng minh nhân
dân⁷:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến
việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CHA, MẸ ĐỂ/

NGƯỜI GIÁM HỘ

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)⁴

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁸⁶⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....

- Công tác tại:.....

- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho cha,
mẹ đẻ, người giám hộ về việc đồng ý cho trẻ em..... làm con nuôi.

Những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁸

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....,

là người đã tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em.....

..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

- 1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho những người liên quan theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.
- 2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 4 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 5 Đánh dấu vào ô tương ứng phía dưới.
- 6 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.
- 7 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 8 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên Ông:.....

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Họ, chữ đệm, tên Bà:.....

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Của người có tên dưới đây được cho làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

II. Nội dung tư vấn

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi chỉ được thực hiện khi gia đình không còn điều kiện và khả năng thực tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Ông/Bà đã xem xét khả năng và điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em chưa?

Chúng tôi/Tôi không có khả năng và điều kiện để tiếp tục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em.

Ý kiến khác:

2. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho Ông/Bà để có được ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

Chúng tôi/Tôi hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

Ý kiến khác:

3. Khi đồng ý cho trẻ em làm con nuôi người khác, Ông/Bà sẽ không còn là cha, mẹ của trẻ em sau khi việc đăng ký nuôi con nuôi đã hoàn tất theo quy định pháp luật¹⁰. Cha, mẹ nuôi sẽ trở thành cha, mẹ của trẻ em. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sẽ làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giống như quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và con đẻ.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Ý kiến khác:

4. Ông/Bà không thể đòi lại trẻ em đã cho làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

5. Sau khi con đã cho làm con nuôi, Ông/Bà không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý,

định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ khi có thỏa thuận khác.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu, chúng tôi không có thỏa thuận khác.

Ý kiến khác:

6. Con nuôi có thể thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

7. Ông/Bà có thời gian suy nghĩ là 30 ngày kể từ ngày lấy ý kiến (từ ngày.....

tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....) về việc thay đổi ý kiến

đồng ý cho trẻ em làm con nuôi. Nếu Ông/Bà thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký nuôi con nuôi trong thời hạn nêu trên.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

8. Nếu Ông/Bà đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài:

a) Con của Ông/Bà sẽ được đưa sang một nước khác sinh sống cùng cha, mẹ nuôi là người nước ngoài.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

b) Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và con được nhận làm con nuôi sẽ chấm dứt.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

c) Trường hợp con nuôi là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, nếu pháp luật nước ngoài cho phép, mối quan hệ giữa cha, mẹ đẻ và trẻ em mới được duy trì.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)

9 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

10 Trường hợp trẻ em được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

11 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

87

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý LÀM CON NUÔI¹

69

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch³:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, tôi đồng ý được nhận làm con nuôi và xin khẳng định như sau:

1. Tôi đồng ý được nhận làm con nuôi một cách tự nguyện, không bị ép buộc.
2. Tôi hiểu rằng việc làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định giữa con nuôi và cha, mẹ nuôi.
3. Tôi đã được tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi.
4. Tôi hiểu rằng tôi có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
5. Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), tôi có thể thay đổi ý kiến về việc được nhận làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁴

Tôi tên là....., số Căn cước công dân/Chứng minh nhân

dân:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)⁷⁴

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁷⁷⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại:.....
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý làm con nuôi. Người/những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁷

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....
là người đã tiến hành lấy ý kiến của người có tên.....
về việc đồng ý làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

¹ Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho người từ đủ 9 tuổi trở lên theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

² Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

³ Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

⁴ Trong trường hợp lấy ý kiến của trẻ em phải có người làm chứng.

⁵ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhận dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

⁶ Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

⁷Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

89

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN ĐƯỢC
NHẬN LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên:

II. Nội dung tư vấn

1. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu sẽ sống với một gia đình khác, có cha, mẹ khác sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

Cháu hiểu

2. Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và cháu sẽ chấm dứt kể từ ngày cháu được nhận làm con nuôi.

Cháu hiểu

3. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Cháu hiểu

4. Cháu có thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến để thay đổi ý kiến về việc làm con nuôi.

Cháu hiểu

5. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho cháu để có được ý kiến đồng ý cho cháu làm con nuôi

Cháu hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

6. Nếu được làm con nuôi nước ngoài, cháu sẽ sống với gia đình cha mẹ nuôi là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài và nói tiếng nước ngoài.

Cháu hiểu

Ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Người từ đủ 09 tuổi trở lên được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chi⁹)⁷⁷

⁸ Trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha

đề vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.
 9 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.
 90

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ
 NUÔI DƯỠNG VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

I. Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:.....

Cam đoan những nội dung sau đây:

1. Tôi đồng ý cho trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân:

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:

2. Tôi tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi, không bị ép buộc, không có bất cứ sự dè dặt hay thỏa thuận vật chất nào. Tôi hiểu việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Tôi hiểu rằng nuôi con nuôi là biện pháp chăm sóc thay thế tốt nhất, bảo đảm trẻ em phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Tôi cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, con dấu)

91

**II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT NUÔI CON
 NUÔI³⁸⁰**

- Họ, chữ đệm, tên:.....

- Công tác tại:

Đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người có tên nêu trên về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI³

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà..... là người đã tiếp nhận
văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em.....
làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

¹ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

² Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

³ Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, công chức Sở Tư pháp tiếp nhận ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Số: /STP-HCTP

V/v xác nhận trẻ em đủ điều kiện
làm con nuôi nước ngoài

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi, Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Tư pháp đã kiểm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 21 Luật Nuôi con nuôi. Căn cứ các quy định về độ tuổi, đối tượng được nhận làm con nuôi, Sở Tư pháp xác nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú²:.....

Thuộc đối tượng³:....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Nguồn gốc của trẻ em đã được xác định như sau:.....⁴. Việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em đã được thực hiện theo quy định pháp luật nhưng không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Những người liên quan (.....⁵) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng đã thể hiện ý kiến đồng ý cho trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.

³ Thuộc đối tượng⁶ :....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Những người liên quan (.....⁷) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện⁸:³²

.....

Văn bản này được gửi kèm theo văn bản xác minh của cơ quan Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của cha, mẹ đẻ/người giám hộ/ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁹³³

- Lưu: VT,.....¹⁰³⁴

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

- 1 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- 2 Ghi theo nơi đăng ký thường trú. Nếu trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng.
- 3 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng. Ghi rõ trẻ em thuộc một trong các đối tượng sau: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.
- 4 Đối với trẻ em bị bỏ rơi, ghi rõ nội dung kết luận xác minh nguồn gốc của cơ quan Công an cấp tỉnh.
- 5 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 6 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại gia đình. Ghi rõ trẻ em là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi.
- 7 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 8 Theo thủ tục giới thiệu trẻ em theo quy định tại Điều 36 của Luật Nuôi con nuôi hoặc đích danh theo khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.
- 9 Trường hợp trẻ em đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì bổ sung Sở Y tế (để theo dõi) và cơ sở nuôi dưỡng (để phối hợp)..
- 10 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

54

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của..... tại Tờ trình số..... ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu:.....

Hộ chiếu:.....

.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Nhận người dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

.....

Điều 2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ

của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Điều 4. Giám đốc Sở Tư pháp và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND cấp xã nơi trẻ em cư trú;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi

Số đăng ký.....

Quyển số.....

Ngày..... tháng..... năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CON NUÔI

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
tại trụ sở..... đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi với những nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹:.....

Đại diện là:

Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Người được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

3. Người nhận con nuôi^{2:82}:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Hộ chiếu ³⁸³		
Nơi cư trú		

4. Người giao con nuôi^{4:84}:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú		

Quan hệ với người được nhận làm con nuôi: Cha đẻ Mẹ đẻ Người giám hộ

Đại diện cơ sở nuôi dưỡng Đại diện UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi

Biên bản này được làm thành 06 bản, 01 bản trao cho cha mẹ nuôi, 01 bản trao cho cha mẹ đẻ/người giám hộ/đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, 01 bản lưu tại cơ quan đăng ký nuôi con nuôi và 01 bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi (đối với nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài).

**Đại diện cơ quan
đăng ký nuôi con nuôi
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bên giao
*(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên/điểm chỉ)*

Bên nhận
*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên/điểm chỉ)*

- 1 Ghi tên của Sở Tư pháp nơi tổ chức giao nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 2 Đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nếu người nhận con nuôi là vợ hoặc chồng được ủy quyền của người kia để có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Nuôi con nuôi thì chỉ ghi thông tin của người có mặt tại lễ giao nhận con nuôi.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022; Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.
- 4 Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng thì người giao con nuôi là đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỔ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Số: /

TRÍCH LỤC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu²:.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

.....

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu²:.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:.....

Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày..... tháng..... năm.....

Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, số..... ngày..... tháng..... năm.....

Thực hiện trích lục từ Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, dấu)

1 Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch.

2 Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

2. Quy trình về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (QT-88)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với hoạt động giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi

	<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i> 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp		
	Giấy khai sinh		X
	Giấy khám sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	
	Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng, chụp không quá 06 tháng	X	

Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự		X
Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).	X	
Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.	X	
Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ Tư pháp sau đó Bộ Tư pháp gửi Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp		
Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng cháu ruột)	X	
Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế		X
Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam	X	
Bản điều tra về tâm lý, gia đình	X	
Bản điều tra về tâm lý, gia đình	X	
Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp	X	
Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản	X	
Phiếu Lý lịch tư pháp	X	
Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.		X
Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: + Bản sao Giấy Chứng nhận kết hôn của cha đẻ hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi. + Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.		
Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được: + Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt		

	<p>Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>+ Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.</p>		
	Hồ sơ do công chức Sở Tư pháp nộp tại Bộ phận Một cửa của UBND Thành phố để trình UBND Thành phố xem xét, quyết định		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; - Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi). - Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột. 	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp hoặc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cấp có thẩm quyền - Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp, sau đó, Bộ Tư pháp chuyển 01 bộ Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp - Sở Tư pháp trình 01 bộ Hồ sơ để UBND Thành phố xem xét, quyết định 		
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:		

	<p>Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú. + Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 Luật nuôi con nuôi, gồm: <ul style="list-style-type: none"> i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; ii) Có tư cách đạo đức tốt; iii) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; + Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, chữa bệnh; + Đang chấp hành hình phạt tù; + Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. <p>Theo khoản 3 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi, thủ tục này không áp dụng các điều kiện: người nhận con nuôi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi.</p> <p>Người được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Là người dưới 18 tuổi; + Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.
3.5	Thời gian xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định. + Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.

	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. 			
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp - Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp, sau đó, Bộ Tư pháp chuyển 01 bộ Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp - Sở Tư pháp trình 01 bộ Hồ sơ để UBND Thành phố xem xét, quyết định - Trao Quyết định nuôi con nuôi và Lễ giao nhận con nuôi tại Sở Tư pháp 			
3.7	Lệ phí			
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. - Mức thu lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. - Mức thu chi phí: Không quy định. - Thời điểm nộp lệ phí: Nộp sau khi Bộ Tư pháp tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi. 			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp, sau đó, Bộ Tư pháp chuyển 01 bộ Hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Sở Tư pháp	Văn thư của Sở Tư pháp	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền	Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì	Công chức Bộ phận một cửa	02 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

B2	<p>thông báo ngay để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, phải nêu rõ lý do theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ;</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.</p> <p>(Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc))</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Bộ phận một cửa - Công chức Phòng HCTP 	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ
B4	<p>Công chức Phòng HCTP kiểm tra hồ sơ, soạn thảo văn bản đề nghị những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi có mặt tại trụ sở Sở Tư pháp thể hiện ý kiến về việc người được nhận làm con nuôi được giải quyết làm con nuôi ở nước ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Phòng HCTP - Những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi và người được nhận làm con nuôi (từ đủ 09 tuổi trở lên) 	05 ngày	Dự thảo Công văn
B5	<p>Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức 	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn
B6	Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ,	Lãnh đạo	04 giờ	Dự thảo

	xem xét ký văn bản Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ, xem xét ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên	Sở Tư pháp		Công văn
B7	- Công chức Phòng HCTP lấy ý kiến những người liên quan về việc giải quyết làm con nuôi nước ngoài - Trưởng phòng HCTP báo cáo Lãnh đạo Sở ký xác nhận chữ ký Biên bản lấy ý kiến	- Công chức Phòng HCTP - Những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi và người được nhận làm con nuôi (từ đủ 09 tuổi trở lên)	01 ngày	Biên bản lấy ý kiến về việc giải quyết làm con nuôi nước ngoài
B8	Công chức dự thảo Tờ trình trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình
B9	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình UBND Thành phố - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Văn bản. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Tờ trình, Hồ sơ kèm theo
B10	Lãnh đạo Sở xem xét, ký văn bản	Lãnh đạo Sở	04 ngày	Tờ trình, hồ sơ kèm theo
B11	Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	04 giờ	Tờ trình, Quyết định và hồ sơ kèm theo
B12	UBND Thành phố xem xét, quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài	UBND Thành phố	15 ngày	Quyết định, Hồ sơ
B13	Công chức Phòng HCTP nhận Quyết định và hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư VPUBND UBND	Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND	04 giờ	Quyết định kèm theo hồ sơ

	Thành phố	Thành phố		
B14	Công chức Phòng HCTP dự thảo thông báo cho người nhận con nuôi đến Sở Tư pháp nhận con nuôi, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn
B15	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn
B16	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản thông báo; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn
B17	Công chức Phòng HCTP Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi; dự thảo Biên bản giao nhận con nuôi; bàn giao Quyết định, Biên bản giao nhận con nuôi cho công chức Bộ phận Một cửa	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	Biên bản giao nhận con nuôi
B18	Công chức Bộ phận Một cửa thực hiện thủ tục giao nhận con nuôi giữa Bên giao và Bên nhận	- Bộ phận một cửa - Bên giao và Bên nhận con nuôi, trẻ em	Trong giờ hành chính	Quyết định, Biên bản giao nhận và Sổ đăng ký nuôi con nuôi
4	Biểu mẫu			
1	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
2	Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột) (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)			
3	Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi)			

(Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)

Anh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive father's
photo,
4 x 6 cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Anh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive father's
photo,
4 x 6 cm*

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM
LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(Used for adoption of a step-child or biological niece/nephew)

Kính gửi: Bộ Tư pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phần khai về người nhận con nuôi/Information of prospective adoptive parent(s)

Thông tin/Information	Ông/Mr	Bà/Ms
Họ, chữ đệm, tên/ <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh/ <i>Date of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Hộ chiếu/ <i>Passport</i>		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi cư trú/ <i>Place of residence</i>		
Điện thoại/ thư điện tử/ <i>Phone number/email</i>		

9

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi/Information of the child to be adopted

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*: Giới tính/*Sex*:

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: Quốc tịch/*Nationality*:

Số định danh cá nhân/*Personal identity number*:

Nơi sinh/*Place of birth*:

Nơi cư trú/*Place of residence*:

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà/currently living with Mr/Ms:

Họ, chữ đệm, tên/*Full name*:

Nơi cư trú/*Place of residence*:

Điện thoại/thư điện tử/*Phone number/email*:.....

3. Phần cam đoan/Declaration

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Done in....., on day..... month..... year.....

ÔNG/Mr

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)
(Signature, full name)

BÀ/Ms

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)
(Signature, full name)

¹ Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.
Specify number, issuing authority and date of issuance. For example: Passport No. 1089123, issued by the Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation of Italia, on 2/2/2015.

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHA DẠNG, MẸ KẾ NHẬN CON RIÊNG CỦA VỢ HOẶC CHỒNG; CÔ, CẬU, DÌ, CHÚ, BÁC RUỘT NHẬN CHÁU LÀM CON NUÔI

I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi cư trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi cư trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

VĂN BẢN
VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM
ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM1. Họ, chữ đệm, tên: Nam Nữ

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi cư trú:

4. Hoàn cảnh gia đình:

Bị bỏ rơi

Mồ côi cả cha và mẹ

Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ):

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ**1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):****2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ để có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):****3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:**

Chiều cao..... Cân nặng.....

Sức khỏe hiện tại:

Bình thường

Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo:

Có đang được điều trị không?

Không

Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị:

4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:**Vận động** (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm _____ m đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó):**Tương tác** (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô công trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi, sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...):**Ngôn ngữ** (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):**Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?****Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?**

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...):

III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

1. Sở thích (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):

.....

2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):

.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng¹

Người lập báo cáo²

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

¹ Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

² Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. PHẦN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Chúng tôi/Tôi là người ký tên dưới đây:

Ông:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

.....

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

.....

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Đồng ý cho người có tên dưới đây được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁴:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

.....

II. PHẦN CAM ĐOAN

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chúng tôi/tôi đồng ý cho trẻ em có tên nêu trên được nhận làm con nuôi:

trong nước

nước ngoài

Chúng tôi/Tôi xin khẳng định như sau:

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào.

2. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng, việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng kể từ ngày giao nhận con nuôi, chúng tôi/tôi không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi.

Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

4. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), chúng tôi/tôi có thể

thay đổi ý kiến về việc cho người có tên nêu trên làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu chúng tôi/tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁶

Tôi tên là....., số Căn cước
công dân/Chứng minh nhân
dân⁷:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến
việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CHA, MẸ ĐỂ/

NGƯỜI GIÁM HỘ

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ⁶)

84

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁸⁶⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....

- Công tác tại:.....

- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho cha,
mẹ đẻ, người giám hộ về việc đồng ý cho trẻ em..... làm con nuôi.

Những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁸

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....,

là người đã tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em.....

..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên Ông:.....

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Họ, chữ đệm, tên Bà:.....

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Của người có tên dưới đây được cho làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

II. Nội dung tư vấn

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi chỉ được thực hiện khi gia đình không còn điều kiện và khả năng thực tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Ông/Bà đã xem xét khả năng và điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em chưa?

Chúng tôi/Tôi không có khả năng và điều kiện để tiếp tục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em.

Ý kiến khác:

2. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho Ông/Bà để có được ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

Chúng tôi/Tôi hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

Ý kiến khác:

3. Khi đồng ý cho trẻ em làm con nuôi người khác, Ông/Bà sẽ không còn là cha, mẹ của trẻ em sau khi việc đăng ký nuôi con nuôi đã hoàn tất theo quy định pháp luật¹⁰.

Cha, mẹ nuôi sẽ trở thành cha, mẹ của trẻ em. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sẽ làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giống như quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và con đẻ.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Ý kiến khác:

4. Ông/Bà không thể đòi lại trẻ em đã cho làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

5. Sau khi con đã cho làm con nuôi, Ông/Bà không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ khi có thỏa thuận khác.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu, chúng tôi không có thỏa thuận khác.

Ý kiến khác:

.....

6. Con nuôi có thể thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

7. Ông/Bà có thời gian suy nghĩ là 30 ngày kể từ ngày lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....) về việc thay đổi ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi. Nếu Ông/Bà thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký nuôi con nuôi trong thời hạn nêu trên.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

8. Nếu Ông/Bà đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài:

a) Con của Ông/Bà sẽ được đưa sang một nước khác sinh sống cùng cha, mẹ nuôi là người nước ngoài.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

b) Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và con được nhận làm con nuôi sẽ chấm dứt.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

c) Trường hợp con nuôi là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, nếu pháp luật nước ngoài cho phép, mối quan hệ giữa cha, mẹ đẻ và trẻ em mới được duy trì.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)68

- 1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho những người liên quan theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.
- 2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.
- 4 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 5 Đánh dấu vào ô tương ứng phía dưới.
- 6 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.
- 7 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.
- 8 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.
- 9 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 10 Trường hợp trẻ em được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.
- 11 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý LÀM CON NUÔI¹⁶⁹

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:³.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, tôi đồng ý được nhận làm con nuôi và xin khẳng định như sau:

1. Tôi đồng ý được nhận làm con nuôi một cách tự nguyện, không bị ép buộc.
2. Tôi hiểu rằng việc làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định giữa con nuôi và cha, mẹ nuôi.
3. Tôi đã được tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi.
4. Tôi hiểu rằng tôi có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
5. Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày...tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), tôi có thể thay đổi ý kiến về việc được nhận làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁴

Tôi tên là....., số Căn cước
công dân/Chứng minh nhân
dân:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến
việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)⁷⁴

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁷⁷⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý làm con nuôi. Người/những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁷

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....
là người đã tiến hành lấy ý kiến của người có tên.....
về việc đồng ý làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

¹ Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho người từ đủ 9 tuổi trở lên theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

² Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

³ Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

⁴ Trong trường hợp lấy ý kiến của trẻ em phải có người làm chứng.

⁵ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

⁶ Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

⁷ Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN ĐƯỢC
NHẬN LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên:

II. Nội dung tư vấn

1. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu sẽ sống với một gia đình khác, có cha, mẹ khác sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

Cháu hiểu

2. Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và cháu sẽ chấm dứt kể từ ngày cháu được nhận làm con nuôi.

Cháu hiểu

3. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Cháu hiểu

4. Cháu có thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến để thay đổi ý kiến về việc làm con nuôi.

Cháu hiểu

5. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho cháu để có được ý kiến đồng ý cho cháu làm con nuôi

Cháu hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

6. Nếu được làm con nuôi nước ngoài, cháu sẽ sống với gia đình cha mẹ nuôi là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài và nói tiếng nước ngoài.

Cháu hiểu

Người từ đủ 09 tuổi trở lên được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chi9)77

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

8 Trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

9 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ
NUÔI DƯỠNG VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

I. Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:.....

Cam đoan những nội dung sau đây:

1. Tôi đồng ý cho trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân:

Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:

2. Tôi tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào. Tôi hiểu việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Tôi hiểu rằng nuôi con nuôi là biện pháp chăm sóc thay thế tốt nhất, bảo đảm trẻ em phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Tôi cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, con dấu)

91

**II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT NUÔI CON
NUÔI³⁸⁰**

- Họ, chữ đệm, tên:.....

- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người có tên nêu trên về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI³

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà..... là người đã tiếp nhận
văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em.....
làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

¹ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

² Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

³ Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, công chức Sở Tư pháp tiếp nhận ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Số: /STP-HCTP
V/v xác nhận trẻ em đủ điều kiện
làm con nuôi nước ngoài

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi, Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Tư pháp đã kiểm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 21 Luật Nuôi con nuôi. Căn cứ các quy định về độ tuổi, đối tượng được nhận làm con nuôi, Sở Tư pháp xác nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú²:.....

Thuộc đối tượng³:....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Nguồn gốc của trẻ em đã được xác định như sau:.....⁴. Việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em đã được thực hiện theo quy định pháp luật nhưng không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Những người liên quan (.....⁵) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng đã thể hiện ý kiến đồng ý cho trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.

⁵³ Thuộc đối tượng⁶ :....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Những người liên quan (.....⁷) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện⁸:³²

Văn bản này được gửi kèm theo văn bản xác minh của cơ quan Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của cha, mẹ đẻ/người giám hộ/ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁹³³
- Lưu: VT, HCTP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

- 1 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- 2 Ghi theo nơi đăng ký thường trú. Nếu trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng.
- 3 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng. Ghi rõ trẻ em thuộc một trong các đối tượng sau: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.
- 4 Đối với trẻ em bị bỏ rơi, ghi rõ nội dung kết luận xác minh nguồn gốc của cơ quan Công an cấp tỉnh.
- 5 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 6 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại gia đình. Ghi rõ trẻ em là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi.
- 7 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 8 Theo thủ tục giới thiệu trẻ em theo quy định tại Điều 36 của Luật Nuôi con nuôi hoặc đích danh theo khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.
- 9 Trường hợp trẻ em đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì bổ sung Sở Y tế (để theo dõi) và cơ sở nuôi dưỡng (để phối hợp)..
- 10 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của..... tại Tờ trình số..... ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu:.....

Hộ chiếu:.....

.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Nhận người dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

.....

Điều 2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật,

bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Điều 4. Giám đốc Sở Tư pháp và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú (để biết);
- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi

Số đăng ký.....

Quyển số.....

Ngày..... tháng..... năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CON NUÔI

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
tại trụ sở..... đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi với những nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹:.....

Đại diện là:

Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Người được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

3. Người nhận con nuôi²:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Hộ chiếu ³		
Nơi cư trú ³		

4. Người giao con nuôi⁴:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú ³		

Quan hệ với người được nhận làm con nuôi: Cha đẻ Mẹ đẻ Người giám hộ

Đại diện cơ sở nuôi dưỡng Đại diện UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi

Biên bản này được làm thành 06 bản, 01 bản trao cho cha mẹ nuôi, 01 bản trao cho cha mẹ đẻ/người giám hộ/đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, 01 bản lưu tại cơ quan đăng ký nuôi con nuôi và 01 bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi (đối với nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài).

Đại diện cơ quan
đăng ký nuôi con nuôi
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bên giao
(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên/điểm chỉ)

Bên nhận
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên/điểm chỉ)

- ¹ Ghi tên của Sở Tư pháp nơi tổ chức giao nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- ² Đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nếu người nhận con nuôi là vợ hoặc chồng được ủy quyền của người kia để có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Nuôi con nuôi thì chỉ ghi thông tin của người có mặt tại lễ giao nhận con nuôi.
- ³ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022; Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.
- ⁴ Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng thì người giao con nuôi là đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

3. Quy trình về giải quyết việc đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (QT-89)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
2	Phạm vi: Áp dụng giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được và Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

	<p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i></p> <p>- <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i></p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Tờ khai phải có <i>cam đoan</i> của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời hạn giải quyết		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp hoặc địa điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền		
3.6	Lệ phí: Không		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia</i> (https://dichvucong.gov.vn) hoặc <i>Cổng dịch vụ công thành phố</i> (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công) Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>Sở Tư pháp,</i> - <i>Lĩnh vực Nuôi con nuôi,</i> - <i>Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi</i> 	<p>Công dân</p> <p>Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>Thành phần Hồ sơ theo mục 3.2</p>	<p>Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu</p> <p>Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi</p>
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Phần mềm Một cửa, kiểm tra hồ sơ:</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo ngay để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ và nêu rõ lý do</p> <p>b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; tiến hành số hóa thành phần hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>02 giờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ 	

	<p>của Thành phố</p> <p>d) Trường hợp có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật, Sở Tư pháp từ chối đăng ký lại việc nuôi con nuôi hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại việc nuôi con nuôi.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc)</p>	- Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết Hồ sơ	
B4	<p>Công chức Phòng HCTP, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Tờ trình UBND Thành phố; Dự thảo Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài trình Trưởng phòng HCTP</p>	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Tờ trình kèm theo Hồ sơ	
B5	<p>Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Tờ trình và hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức 	Trưởng Phòng HCTP	02 giờ	Dự thảo Tờ trình kèm theo Hồ sơ	
B6	<p>Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, hồ sơ và ký dự thảo do Trưởng phòng HCTP trình ký văn bản ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu</p>	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Tờ trình kèm theo hồ sơ	
B7	<p>Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VP UBND Thành phố</p>	Bộ phận TN&TKQ / Văn thư	04 giờ		

		của VPUBND Thành phố			
B8	UBND Thành phố xem xét, quyết định ký Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	UBND Thành phố	01 ngày	Quyết định, hồ sơ kèm theo	
B9	Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố trả kết quả cho công chức Phòng Hành chính tư pháp	Bộ phận TN&TKQ / Văn thư của VPUBND Thành phố	Trong giờ hành chính	Quyết định kèm theo hồ sơ	
B10	Công chức Phòng HCTP ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi	Công chức Phòng HCTP	01 giờ	Quyết định	
B11	Công chức Phòng HCTP bàn giao cho công chức Bộ phận Một cửa: Quyết định và Sổ đăng ký nuôi con nuôi	Bộ phận Một cửa - Sở Tư pháp	01 giờ	Quyết định	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
B12	Bộ phận Một cửa trả kết quả và hướng dẫn công dân ký Sổ đăng ký nuôi con nuôi	Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Quyết định	
4	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)				
	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi:.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú:

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:.....

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên: **Giới tính:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Giấy khai sinh/Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

Là con nuôi của:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... **Quốc tịch:**.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:.....

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... **Quốc tịch:**

95

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu²:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nuôi con nuôi tại⁴:.....

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... ngày..... tháng..... năm.....589

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ nhất

Tôi tên là.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân²:.....

Cư trú tại:.....

.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Ngày..... tháng..... năm.....

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)***Xác nhận của người làm chứng thứ hai**

Tôi tên là.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân²:.....

Cư trú tại:.....

.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

¹ Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

² Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

³ Đối với trường hợp đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

⁴ Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; tên Sở Tư pháp nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

⁵ Đối với trường hợp có thông tin về Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4. Quy trình về giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (QT-90)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.
2	Phạm vi: Áp dụng giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ

<p>thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i></p> <p>- <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i></p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ của người nhận con nuôi:		
	1. Đơn xin nhận con nuôi	X	
	2. Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế		X
	3. Phiếu Lý lịch tư pháp	X	
	4. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: - Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn - Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	
	5. Giấy khám sức khỏe do Cơ sở Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	
	6. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp	X	

	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:		
	1. Giấy khai sinh		X
	2. Giấy khám sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	
	3. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng, chụp không quá 06 tháng	X	
	4. Biên bản xác nhận do UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập (áp dụng đối với trẻ em bị bỏ rơi); Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích (áp dụng đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích); hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự (áp dụng đối với con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự)		X
	5. Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở Cơ sở nuôi dưỡng (áp dụng đối với trẻ em ở Cơ sở nuôi dưỡng)		X
	<p>Lưu ý:</p> <p>Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của người nhận con nuôi/người được giới thiệu làm con nuôi khi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế hoặc khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, công chức được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p> <p><i>Giấy tờ có trong hồ sơ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, cấp, xác nhận mà bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc thông tin trong các văn bản, giấy tờ được khai không đúng sự thật thì không có giá trị sử dụng. Người thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc khai thông tin không đúng sự thật bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.</i></p>		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý				
	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến - Ủy ban nhân dân Thành phố ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. 				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC - Sở Tư pháp hoặc địa điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND Thành phố - Trao Quyết định nuôi con nuôi và Lễ giao, nhận con nuôi tại Sở Tư pháp 				
3.6	Lệ phí				
	4.500.000 đồng/trường hợp.				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Công dân nộp Hồ sơ được trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2	
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo ngay để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, phải nêu rõ lý do theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; tiến hành số hóa thành phần hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố	Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ 	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của	- Công chức Bộ phận Một	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ	

	Thành phố, bàn giao hồ sơ giấy theo quy định của Thành phố cho công chức Phòng HCTP (không quá 08 giờ làm việc)	cửa - Công chức Phòng HCTP		sơ - Hồ sơ	
B4	Công chức Phòng HCTP: - Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức trả lại hồ sơ kèm theo văn bản nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung gửi cho cá nhân qua Bộ phận Một cửa - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện để tiếp tục giải quyết, công chức lập văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết. Trình ký chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Nếu hồ sơ đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo.	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ	
B5	Công chức kiểm tra hồ sơ, soạn thảo văn bản đề nghị/Giấy mời những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi thể hiện ý kiến về việc người được nhận làm con nuôi được giải quyết làm con nuôi ở nước ngoài. Sau khi soạn thảo văn bản, công chức trình Trưởng phòng HCTP.	- Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn	
B6	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn	
B7	Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ, xem xét ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Dự thảo Công văn	

B8	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Phòng HCTP lấy ý kiến những người liên quan đến việc giải quyết làm con nuôi. - Trình Trưởng phòng HCTP báo cáo Lãnh đạo Sở ký Biên bản lấy ý kiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Phòng HCTP - Những người có liên quan đến việc giải quyết con nuôi 	01 ngày	Biên bản lấy ý kiến về việc giải quyết làm con nuôi	
B9	Công chức dự thảo Tờ trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố	
B10	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình UBND Thành phố <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Văn bản. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức 	Trưởng Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Tờ trình, hồ sơ kèm theo	
B11	Lãnh đạo Sở kiểm tra hồ sơ, xem xét ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Tờ trình, hồ sơ kèm theo	
B12	Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến VPUBND Thành phố	Bộ phận TN&TKQ /Văn thư VPUBND Thành phố	04 giờ	Tờ trình , Quyết định và hồ sơ kèm theo	
B13	UBND Thành phố xem xét, quyết định về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	UBND Thành phố	15 ngày	Quyết định, hồ sơ kèm theo	
B14	Công chức Phòng HCTP nhận Quyết định và hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ/ Văn thư của VPUBND Thành phố	Bộ phận TN&TKQ của VPUBND Thành	04 giờ	Quyết định kèm theo hồ sơ	

		phổ			
B15	Công chức Phòng HCTP dự thảo Thông báo cho người nhận con nuôi đến Sở Tư pháp nhận con nuôi, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn	
B16	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn	
B17	Lãnh đạo Sở xem xét, ký văn bản; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Công văn	
B18	Công chức Phòng HCTP ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi; Biên bản giao nhận con nuôi	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	Biên bản giao nhận con nuôi	
B19	Công chức thực hiện thủ tục giao nhận con nuôi giữa Bên giao và Bên nhận	- Bên giao và Bên nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi	Trong giờ hành chính	Quyết định, Biên bản giao nhận và Sổ đăng ký nuôi con nuôi	
4	BIỂU MẪU				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Đơn xin nhận con nuôi trong nước (Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp) (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)				

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4 x 6 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4 x 6 cm

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Kính gửi:.....1

1. Phần khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân ²⁶		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

Thuộc đối tượng³:

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

Điện thoại/Thư điện tử:.....

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

.....

3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú^{4.8}.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

ÔNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

BÀ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

- 1 Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.
 - 2 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
 - 3 Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.
 - 4 Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
- Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC NGƯỜI
NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ Ở VIỆT NAM NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM
LÀM CON NUÔI**

I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Hộ chiếu;
- (5) Nơi thường trú;
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Hộ chiếu;
- (11) Nơi thường trú;
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (bản chính) trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở,
ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân ¹⁹		
Nơi cư trú		

II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Tình trạng hôn nhân, gia đình

Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ Đã có con nuôi Nêu rõ số lượng con:.....

Thành viên khác sống cùng:

- Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi:.....

- Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

Chưa biết về việc nhận con nuôi

Ủng hộ việc nhận con nuôi Không ủng hộ việc nhận con nuôi

Ý kiến khác:.....

III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

1. Nhà ở

Diện tích:.....

Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):.....

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

Các nguồn thu nhập khác..... (tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):.....

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: Có Không

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người nhận con nuôi

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. PHẦN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ

1. Ý kiến của Tổ trưởng Tổ Dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi¹⁰:

.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Tổ trưởng Tổ dân phố/Trưởng thôn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi³¹¹

.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Người đánh giá

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi người nhận con nuôi cư trú⁴¹²

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà.....
 là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

Họ và tên

¹ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

³ Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá.

⁴ Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI¹**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. PHẦN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Chúng tôi/Tôi là người ký tên dưới đây:

Ông:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Đồng ý cho người có tên dưới đây được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁴:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

II. PHẦN CAM ĐOAN

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chúng tôi/tôi đồng ý cho trẻ em có tên nêu trên được nhận làm con nuôi:

trong nước

nước ngoài

Chúng tôi/Tôi xin khẳng định như sau:

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào.

2. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng, việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng kể từ ngày giao nhận con nuôi, chúng tôi/tôi không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi.

Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

4. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), chúng tôi/tôi có thể thay đổi ý kiến về việc cho người có tên nêu trên làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu chúng tôi/tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁶

Tôi tên là....., số Căn cước
 công dân/ Chứng minh nhân
 dân⁷:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến
 việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CHA, MẸ ĐỂ/**NGƯỜI GIÁM HỘ**

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/ đi kèm chữ)

84

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁸⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
 - Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội
 - Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho cha, mẹ đẻ, người giám hộ về việc đồng ý cho trẻ em..... làm con nuôi.
- Những người có tên trên đã ký tên/đi kèm chữ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁸

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....,
 là người đã tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em.....
 làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**

- 1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho những người liên quan theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.
- 2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 4 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 5 Đánh dấu vào ô tương ứng phía dưới.
- 6 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.
- 7 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 8 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên Ông:.....

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Họ, chữ đệm, tên Bà:.....

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Của người có tên dưới đây được cho làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

II. Nội dung tư vấn

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi chỉ được thực hiện khi gia đình không còn điều kiện và khả năng thực tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Ông/Bà đã xem xét khả năng và điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em chưa?

Chúng tôi/Tôi không có khả năng và điều kiện để tiếp tục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em.

Ý kiến khác:

2. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho Ông/Bà để có được ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

Chúng tôi/Tôi hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

Ý kiến khác:

3. Khi đồng ý cho trẻ em làm con nuôi người khác, Ông/Bà sẽ không còn là cha, mẹ của trẻ em sau khi việc đăng ký nuôi con nuôi đã hoàn tất theo quy định pháp luật¹⁰.

Cha, mẹ nuôi sẽ trở thành cha, mẹ của trẻ em. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sẽ làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giống như quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và con đẻ.⁶

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Ý kiến khác:

4. Ông/Bà không thể đòi lại trẻ em đã cho làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

5. Sau khi con đã cho làm con nuôi, Ông/Bà không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ khi có thỏa thuận khác.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu, chúng tôi không có thỏa thuận _____pyn khác.

Ý kiến khác:

6. Con nuôi có thể thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

7. Ông/Bà có thời gian suy nghĩ là 30 ngày kể từ ngày lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....) về việc thay đổi ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi. Nếu Ông/Bà thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký nuôi con nuôi trong thời hạn nêu trên.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

8. Nếu Ông/Bà đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài:

a) Con của Ông/Bà sẽ được đưa sang một nước khác sinh sống cùng cha, mẹ nuôi là người nước ngoài.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

b) Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và con được nhận làm con nuôi sẽ chấm dứt.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

c) Trường hợp con nuôi là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, nếu pháp luật nước ngoài cho phép, mối quan hệ giữa cha, mẹ đẻ và trẻ em mới được duy trì.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ 1)68

⁹ Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

¹⁰ Trường hợp trẻ em được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

¹¹ Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý LÀM CON NUÔI¹⁶⁹

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:³.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, tôi đồng ý được nhận làm con nuôi và xin khẳng định như sau:

1. Tôi đồng ý được nhận làm con nuôi một cách tự nguyện, không bị ép buộc.
2. Tôi hiểu rằng việc làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định giữa con nuôi và cha, mẹ nuôi.
3. Tôi đã được tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi.
4. Tôi hiểu rằng tôi có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
5. Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày.... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), tôi có thể thay đổi ý kiến về việc được nhận làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁴

Tôi tên là....., số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân:.....
đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ⁶)⁷⁴

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁷⁷⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý làm con nuôi. Người/những người có tên trên đã ký tên/ điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁷

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....
là người đã tiến hành lấy ý kiến của người có tên.....
về việc đồng ý làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

¹ Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho người từ đủ 9 tuổi trở lên theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

² Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

³ Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

⁴ Trong trường hợp lấy ý kiến của trẻ em phải có người làm chứng.

⁵ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

⁶ Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

⁷ Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

89

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN ĐƯỢC
NHẬN LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên:

II. Nội dung tư vấn

1. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu sẽ sống với một gia đình khác, có cha, mẹ khác sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

Cháu hiểu

2. Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và cháu sẽ chấm dứt kể từ ngày cháu được nhận làm con nuôi.

Cháu hiểu

3. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Cháu hiểu

4. Cháu có thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến để thay đổi ý kiến về việc làm con nuôi.

Cháu hiểu

5. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho cháu để có được ý kiến đồng ý cho cháu làm con nuôi

Cháu hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

6. Nếu được làm con nuôi nước ngoài, cháu sẽ sống với gia đình cha mẹ nuôi là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài và nói tiếng nước ngoài.

Cháu hiểu

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Người từ đủ 09 tuổi trở lên được tư vấn

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)*77

8 Trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

9 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI

I. Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân¹:

Cam đoan những nội dung sau đây:

1. Tôi đồng ý cho trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân:

Quốc tịch²:

Nơi cư trú:

2. Tôi tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi, không bị ép buộc, không có bất cứ sự dè dặt hay thỏa thuận vật chất nào. Tôi hiểu việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Tôi hiểu rằng nuôi con nuôi là biện pháp chăm sóc thay thế tốt nhất, bảo đảm trẻ em phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Tôi cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, con dấu)

91

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI³⁸⁰

- Họ, chữ đệm, tên:

- Công tác tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người có tên nêu trên về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI³

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà..... là người đã tiếp nhận
văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em.....
làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

¹ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

² Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

³ Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, công chức Sở Tư pháp tiếp nhận ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của..... tại Tờ trình số..... ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu:.....

Hộ chiếu:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

.....

.....

Nhận người dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

.....

Điều 2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ

của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Điều 4. Giám đốc Sở Tư pháp và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú (để biết);
- Lưu: VT,.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi

Số đăng ký.....

Quyển số.....

Ngày..... tháng..... năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CON NUÔI

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
tại trụ sở..... đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi với những nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹:.....

Đại diện là:

Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Người được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

3. Người nhận con nuôi^{2:82}:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Hộ chiếu ³⁸³		
Nơi cư trú		

4. Người giao con nuôi^{4:84}:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú		

Quan hệ với người được nhận làm con nuôi: Cha đẻ Mẹ đẻ Người giám hộ

Đại diện cơ sở nuôi dưỡng Đại diện UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi

Biên bản này được làm thành 06 bản, 01 bản trao cho cha mẹ nuôi, 01 bản trao cho cha mẹ đẻ/người giám hộ/đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, 01 bản lưu tại cơ quan đăng ký nuôi con nuôi và 01 bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi (đối với nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài).

**Đại diện cơ quan
đăng ký nuôi con nuôi
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bên giao
*(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên/điểm chỉ)*

Bên nhận
*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên/điểm chỉ)*

- 1 Ghi tên của Sở Tư pháp nơi tổ chức giao nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 2 Đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nếu người nhận con nuôi là vợ hoặc chồng được ủy quyền của người kia để có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Nuôi con nuôi thì chỉ ghi thông tin của người có mặt tại lễ giao nhận con nuôi.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022; Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.
- 4 Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng thì người giao con nuôi là đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

Phụ lục 05

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch (QT-QH-01)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số

	<p>điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</i> - Mẫu điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ 	X	

<p>này đã có trong CSDLQGVDC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. - Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết. 		

	<p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp nhận kết quả (bản sao Trích lục hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.</p>				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính				
	Bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh.				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi lưu trữ sổ hộ tịch.</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>				
3.7	Phí				
	8.000 đồng/bản sao trích lục.				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</i></p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>UBND quận, huyện, thị xã có thẩm</i> 	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p><i>Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch</i></p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản</i></p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p><i>quyền</i> - <i>Lĩnh vực Hộ tịch,</i> - <i>Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch</i></p>			<p><i>sao Trích lục hộ tịch</i></p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch.</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 02 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức Phòng Tư pháp truy cập vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch, thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 02 giờ làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

	<p>hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tiếp, công chức Phòng Tư pháp tra cứu Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đánh máy, in bản sao Trích lục hộ tịch trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xin cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức làm công tác hộ tịch gửi lại nội dung biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp in bản sao Trích lục hộ tịch, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký số</p>				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời	Trưởng Phòng Tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	Hồ sơ	
B6	Công chức Phòng Tư pháp truy cập vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch hoàn thiện hồ sơ, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, chuyển Văn thư UBND	- Công chức Phòng Tư pháp - Văn thư UBND	Không quá 01 giờ làm việc	Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời kết quả tra cứu	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo

	cấp huyện đóng dấu, bàn giao cho Bộ phận Một cửa. (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)	cấp huyện		không có thông tin	đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	1. Thu phí cấp bản sao trích lục (8.000đ/bản trích lục) theo quy định 2. Trả kết quả cho công dân 3. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa 4. Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Trích lục hộ tịch bản sao hoặc Công văn trả lời	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch (đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Bản sao Trích lục hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

Đề nghị cơ quan cấp bản sao trích lục⁽⁴⁾

cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký tại: ⁽⁵⁾

ngày tháng năm số..... Quyền số:

Thông tin khác: ⁽⁶⁾

Số lượng bản sao yêu cầu cấp:.....bản⁽⁷⁾.

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: ngày tháng năm

Người yêu cầu

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan đề nghị thực hiện việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây, nay đề nghị cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình.

(6) Trường hợp người yêu cầu không cung cấp được thông tin tại mục ⁽⁵⁾ thì cung cấp bổ sung thông tin khác để phục vụ việc tra cứu.

Ví dụ: Cung cấp thông tin về cha, mẹ để phục vụ việc cấp bản sao Giấy khai sinh; cung cấp thông tin về vợ, chồng để phục vụ việc cấp bản sao Trích lục kết hôn;...

(7) Ghi rõ số lượng bản sao đề nghị cấp.

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC YÊU CẦU
CẤP BẢN SAO GIẤY KHAI SINH, BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH**

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch.

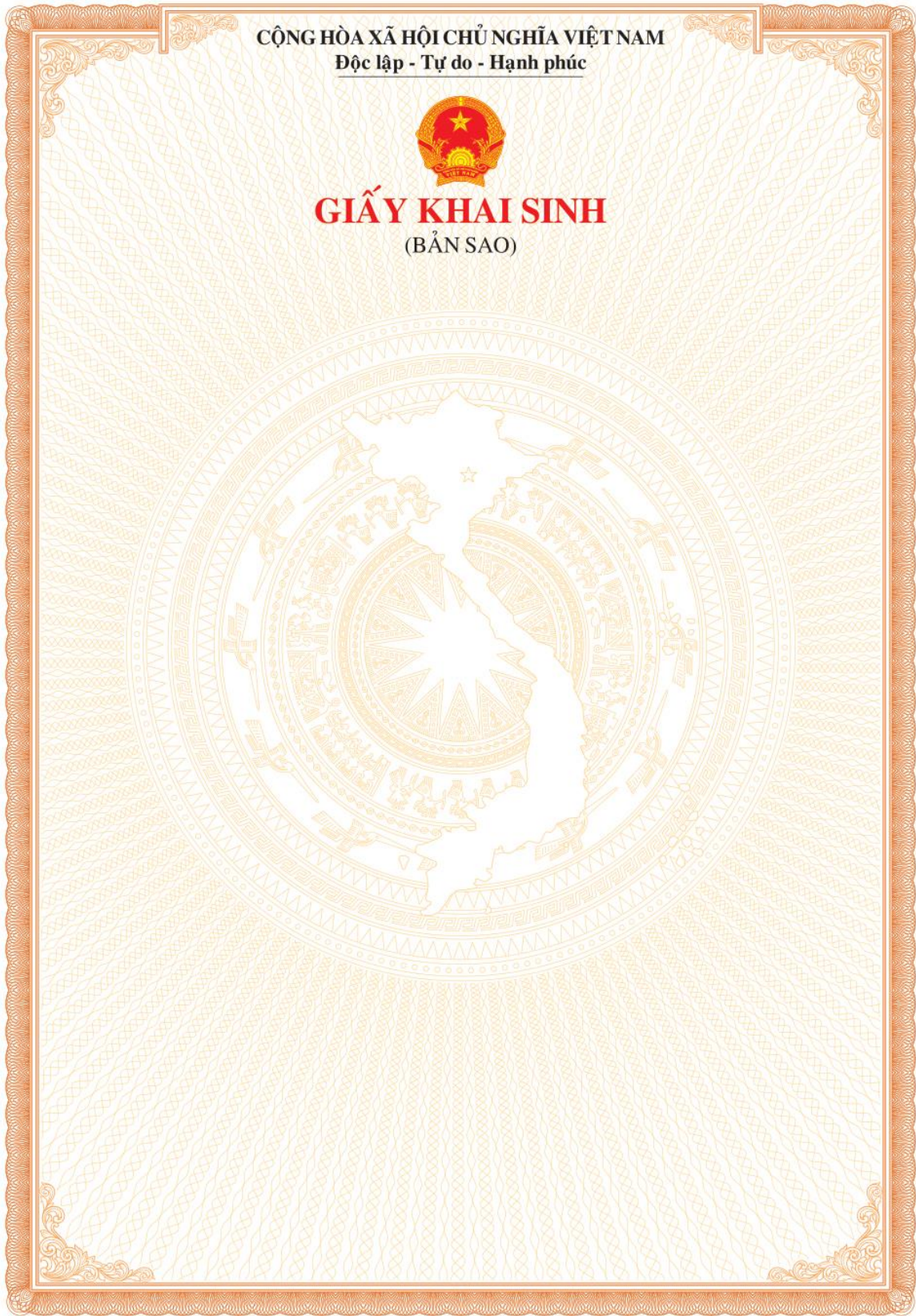
II. Thông tin về giấy tờ hộ tịch đã đăng ký

- (6) Họ, chữ đệm, tên người được đăng ký;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Loại việc yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch;
- (11) Cơ quan đã đăng ký sự kiện hộ tịch trước đây;
- (12) Tên giấy tờ hộ tịch, số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký;
- (13) Số lượng bản sao;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - Trực tiếp
 - Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điện tử động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....(1)

Số: ⁽²⁾ /TLKH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:

Dân tộc:

Quốc tịch:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Nơi cư trú:

.....

.....

Giấy tờ tùy thân:

Giấy tờ tùy thân:

.....

.....

.....

Đăng ký kết hôn tại ⁽³⁾

Số..... ngày..... tháng..... năm.....

Ghi chú:⁽⁴⁾

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....

⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLKT-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾..

Số: ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).
⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.
⁽³⁾ Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.
⁽⁴⁾ Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLCMC-BS , ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN.....⁽³⁾

(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận.....⁽³⁾giữa:

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận.....⁽³⁾tại⁽⁴⁾

.....số ngày

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.
- (3) Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.
- (4) Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾/TL.....-BS

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký việc ⁽⁴⁾

Trong ⁽⁵⁾

Số ngày

Nội dung: ⁽⁶⁾

Nơi đăng ký: ⁽⁷⁾

Số ngày

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁸⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

/TLGCKH-BS

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:.....

Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:

Dân tộc:

Quốc tịch:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân:

Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại: ⁽³⁾

..... số..... cấp ngày..... tháng..... năm

Đã ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại ⁽⁴⁾

..... số..... ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁵⁾**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ đó.
- (4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch, số, ngày tháng năm ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....

⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLGCLH-BS , ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ LY HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ghi vào Sổ hộ tịch việc.....⁽³⁾ đã giải quyết tại nước ngoài với người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Theo:⁽⁵⁾ số do..... cấp ngày

Tại⁽⁶⁾: số ngày.....tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.
- (3) Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.
- (4) Ghi theo thông tin có trong Sổ ghi chú ly hôn, nếu không có thông tin thì để trống.
- (5) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (6) Ghi tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi chú ly hôn, số, ngày, tháng, năm ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ ghi chú ly hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TLGCHT-BS , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã được ghi vào Sổ⁽³⁾

Nội dung ghi:⁽⁴⁾

Theo: ⁽⁵⁾ số.....do

..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi ghi:⁽⁶⁾

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch.
- (3) Ghi rõ loại Sổ hộ tịch (Ví dụ: Sổ đăng ký khai tử, Sổ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc...).
- (4) Ghi theo nội dung đã được ghi vào sổ hộ tịch (Ví dụ: Được thay đổi họ từ Nguyễn Thị Lan thành Smith Thị Lan).
- (5) Ghi tên loại giấy tờ hộ tịch, số, tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch hoặc cấp giấy tờ xác nhận sự kiện hộ tịch đã được đăng ký/giải quyết, ngày đăng ký/cấp giấy tờ đó.
- (6) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch (theo đủ cấp hành chính), tên sổ hộ tịch, quyển số, số đăng ký trong sổ và ngày thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch.
Ví dụ: UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Sổ đăng ký khai tử, quyển số 01, số 123, ngày 18/8/2020.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (QT-QH-02)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết đề nghị đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài. Công chức UBND cấp huyện, Phòng Tư pháp cấp huyện và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

<p>hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	Giấy tờ phải nộp		
	<p>- Giấy chứng sinh.</p> <p>Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì thay thế bằng: văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh, nếu không có văn bản của người làm chứng thì thay thế bằng văn bản cam đoan về việc sinh;</p> <p>Trường hợp trẻ em sinh ra tại nước ngoài thì nộp Giấy chứng sinh hoặc</p>	X	

	<p>giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con;</p> <p><i>Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy.</i></p> <p>+ Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha, mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà trẻ được lựa chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch là phù hợp quy định pháp luật của nước đó;</p> <p>+ Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về nội dung khai sinh;</p>		
	<p>Giấy tờ phải xuất trình</p>		
	<p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (CSDLHTĐT), được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>- Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn. Trường hợp đã có thông tin về việc kết hôn của cha, mẹ trong CSDLHTĐT, CSDLQGVC thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh việc trẻ em nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam (như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, có dấu xác nhận nhập</p>	<p>X</p>	

<p>cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam trong trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với yêu cầu đăng ký khai sinh mà cha, mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn, trên cơ sở thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn cung cấp trong Tờ khai đăng ký khai sinh, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của cha, mẹ trẻ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả tra cứu được lưu trữ dưới dạng điện tử hoặc bản giấy, phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin tại thời điểm tra cứu và đính kèm hồ sơ của người đăng ký. Trường hợp không tra cứu được tình trạng hôn nhân do chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan đăng ký hộ tịch đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú/nơi đã đăng ký kết hôn xác minh, cung cấp thông tin. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận được đề nghị xác minh có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và gửi kết quả về tình trạng hôn nhân của người đó.</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nêu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định</p>	

	<p>phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh) người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh; xuất trình giấy tờ tùy thân; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn (nếu cha mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn và thông tin về việc kết hôn chưa có trong CSDLQGVDC, CSDLHTĐT). - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh. - Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ: <ul style="list-style-type: none"> + Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng. + Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ. 		
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh (bản chính); bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) UBND cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ đăng ký khai sinh đối với trẻ em sinh ra ở Việt Nam trong trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> + Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch. + hoặc Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. + hoặc Cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. + hoặc Cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch. - Hoặc UBND cấp huyện nơi cư trú của trẻ em, có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký khai sinh đối với trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam. <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>				
3.7	Phí, Lệ phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Đăng ký khai sinh đúng hạn: 25.000 đồng/việc. Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 50.000 đồng/việc. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh: 8.000 đồng/bản 				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Công dân		Thành phần hồ sơ theo	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và

	<p>quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài 			<p>Mục 3.2</p> <p><i>Tờ khai đăng ký khai sinh</i></p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh</i></p>	<p>Mật khẩu VNeID</p> <p>Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi</p>
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	

	<p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 02 giờ làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ Thông báo trả lại hồ sơ</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ</p>	

<p>Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVC) để lấy Số định danh cá nhân.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm</p>			SƠ	
--	--	--	----	--

	<p>tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức làm công tác hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con thì chuyển thông tin đến CSDLQGVC để lấy Số định danh cá nhân.</p> <p>- Sau khi CSDLQGVC trả về Số định danh cá nhân, công chức Phòng Tư pháp dự thảo Giấy khai sinh, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	<p>Trưởng Phòng Tư pháp xem xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ hợp lệ, ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh bản điện tử - Nếu hồ sơ không hợp lệ chuyển lại công chức, nêu rõ lý do 	Trưởng Phòng Tư pháp	Không quá 04 giờ làm việc	Giấy khai sinh; Hồ sơ	
B6	<p>Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện đóng dấu, bàn giao kết quả cho công chức Bộ phận Một cửa.</p> <p>(Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Phòng Tư pháp - Văn thư UBND cấp huyện 	Không quá 01 giờ làm việc	Giấy Khai sinh	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận

	Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)				
B7	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Người có yêu cầu đăng ký khai sinh kiểm tra thông tin trên Giấy khai sinh, trong Sổ đăng ký khai sinh và ký tên vào Sổ đăng ký khai sinh, nhận Giấy khai sinh.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công dân - Công chức <p>Phòng Tư pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức Bộ phận Một cửa 	Trong giờ hành chính	Sổ đăng ký khai sinh	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký khai sinh (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ khai sinh, Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính:..... Dân tộc:.....Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ (nếu cha, mẹ trẻ đã ĐKKH):

Số:....., Quyển số:....., đăng ký ngày....tháng....năm..... tại.....

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

⁽²⁾*Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.*

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾*Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước(ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).*

⁽⁴⁾ Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số định danh cá nhân;

(16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(17) Dân tộc;

(18) Quốc tịch;

(19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

(20) Họ, chữ đệm, tên;

(21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số:⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ⁽⁴⁾

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số:⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

3.Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (QT-QH-03)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài. Công chức Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu, có đủ thông tin của hai bên nam, nữ. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký kết hôn (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<ul style="list-style-type: none"> * Giấy tờ phải nộp: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần 	X	

<p>hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó. <p>Giá trị sử dụng của giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài được xác định theo thời hạn ghi trên giấy tờ đó. Trường hợp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân không ghi thời hạn sử dụng thì giấy tờ này và giấy xác nhận của tổ chức y tế có giá trị trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu. <p>* Ngoài giấy tờ nêu trên, tùy từng trường hợp, bên nam, bên nữ phải nộp giấy tờ tương ứng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang phải nộp văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó; - Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp. 		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của công dân Việt Nam. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Người nước ngoài xuất trình bản chính hộ chiếu để chứng minh về nhân thân; trường hợp người nước ngoài không có hộ chiếu để xuất trình thì có thể xuất trình giấy tờ đi lại quốc tế hoặc thẻ cư trú; - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường 	X	

<p>hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p>		
<p>* Lưu ý</p> <p>- Nếu bên kết hôn là công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nhưng qua tra cứu thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; thông qua kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không thể hiện thông tin về việc đã ghi chú ly hôn, hủy việc kết hôn thì cơ quan đăng ký hộ tịch hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn/hủy việc kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi giải quyết việc đăng ký kết hôn.</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng</p>		

	<p>máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ <i>Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy chứng nhận kết hôn), người có yêu cầu đăng ký kết hôn phải nộp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân (đối với người nước ngoài), giấy xác nhận của tổ chức y tế.</i></p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký kết hôn.</p>		
<p>3.3</p>	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Các bên không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có giấy tờ cho phép cư trú do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp. - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng. <p>* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p>		
<p>3.4</p>	<p>Số lượng hồ sơ</p>		
	<p>01 bộ</p>		
<p>3.5</p>	<p>Thời gian xử lý</p>		
	<p>15 ngày.</p>		
	<p>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kết hôn (02 bản chính), mỗi bên vợ, chồng 01 bản. Bản sao Trích lục 		

	kết hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn). - Bản điện tử Trích lục kết hôn (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch).				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài. Trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn thì UBND cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên thực hiện đăng ký kết hôn. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. 				
3.7	Lệ phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp: Lệ phí: 1.000.000 đồng/việc - Miễn lệ phí cho gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài 	Công dân		<p>Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn</i></p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký kết hôn không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công	Công chức Bộ phận	02 giờ làm việc	Hồ sơ	

	<p>chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>			
<p>B4</p>	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>không quá 06 ngày làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

<p>điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>Trường hợp có khiếu nại, tố cáo việc kết hôn không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình hoặc xét thấy có vấn đề cần làm rõ về nhân thân của bên nam, bên nữ hoặc giấy tờ trong hồ sơ đăng ký kết hôn, công chức làm công tác hộ tịch báo cáo Trưởng phòng Tư pháp để phối hợp với cơ quan có liên quan xác minh làm rõ. Trong quá trình thẩm tra, xác minh hồ sơ, nếu thấy cần thiết, thì làm việc trực tiếp với các bên để làm rõ về nhân thân, sự tự nguyện kết hôn, mục đích kết hôn.</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, các bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp từ chối đăng ký kết hôn theo quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Giấy chứng nhận kết hôn điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy chứng</p>				
--	--	--	--	--

	<p>nhận kết hôn điện tử và xác nhận (tôi đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>- Công chức Phòng Tư pháp dự thảo Giấy chứng nhận kết hôn, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	<p>Trưởng Phòng Tư pháp xem xét:</p> <p>- Nếu hồ sơ hợp lệ, ký bản giấy, ký số Giấy chứng nhận kết hôn điện tử</p> <p>- Nếu hồ sơ không hợp lệ chuyển lại công chức, nêu rõ lý do</p>	Trưởng Phòng Tư pháp	không quá 06 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn; Hồ sơ	
B6	<p>- Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện đóng dấu, bàn giao kết quả cho công chức Bộ phận Một cửa. Bản điện tử chỉ lưu hành nội bộ, không chuyển đến công dân.</p> <p>- Trường hợp một hoặc hai bên nam, nữ không thể có mặt để nhận Giấy chứng nhận kết hôn thì theo đề nghị bằng văn bản của họ, công chức báo cáo Trưởng phòng Tư pháp gia hạn thời gian trao Giấy chứng nhận kết hôn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số Giấy chứng nhận kết hôn. Hết 60 ngày mà hai bên nam, nữ không đến nhận Giấy chứng nhận kết hôn thì</p>	<p>- Trưởng Phòng Tư pháp</p> <p>- Công chức Phòng Tư pháp</p> <p>- Văn thư UBND cấp huyện</p>	02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn; Hồ sơ; Sổ đăng ký kết hôn	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận

	<p>Trường Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện hủy Giấy chứng nhận kết hôn đã ký. Nếu sau đó hai bên nam, nữ vẫn muốn kết hôn với nhau thì phải tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn từ đầu.</p> <p>- Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp huyện.</p>				
B7	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>) 2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính 3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của luật hộ tịch. Hai bên Nam Nữ ký Giấy chứng nhận kết hôn; Ký Sổ đăng ký kết hôn; 4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) 5. Đóng dấu của UBND cấp huyện 6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao. Trường Phòng Tư pháp trao Giấy chứng nhận kết hôn 7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân 8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa 9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường Phòng Tư pháp - Công dân - Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa 		<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kết hôn - Sổ Đăng ký kết hôn 	<p>Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				

Sổ đăng ký kết hôn, Giấy Chứng nhận kết hôn (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp), Trích lục kết hôn bản sao (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn).
Tờ khai đăng ký kết hôn (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn tích (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

(2)

Kính gửi: ⁽³⁾Ủy ban nhân dân.....

Thông tin	Bên nữ	Bên nam
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc ⁽⁴⁾		
Quốc tịch ⁽⁴⁾		
Nơi cư trú ⁽⁴⁾		
Giấy tờ tùy thân ⁽⁵⁾		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Đề nghị Quý cơ quan đăng ký.

....., ngày tháng năm.....

Bên nữ
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Bên nam
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

.....

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:bản

Chú thích:

(1) (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký kết hôn.

(4) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(5) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

I. Thông tin bên nữ

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Dân tộc;
- (5) Quốc tịch;
- (6) Số định danh cá nhân;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (9) Kết hôn lần thứ mấy.

II. Thông tin bên nam

- (10) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (11) Họ, chữ đệm, tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (13) Dân tộc;

(14) Quốc tịch;

(15) Số định danh cá nhân;

(16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(17) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(18) Kết hôn lần thứ mấy;

(19) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(20) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:..... Dân tộc:.....

Quốc tịch:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:..... Nơi cư trú:.....

Giấy tờ tùy thân:..... Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký kết hôn:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

Vợ
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chồng
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Căn cứ ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2) /TLKH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)**Họ, chữ đệm, tên vợ:**..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại (3)

Số..... ngày.....tháng.....năm.....

Ghi chú:**Thực hiện trích lục từ:** (5)**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC**
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

4. Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (QT-QH-04)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài. Công chức Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ)
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai tử (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký khai tử thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp. Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy báo tử hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy báo tử thì không phải nộp bản giấy. 	X	

<p>- Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử;</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p>		

	<p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử), người có yêu cầu đăng ký khai tử phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký khai tử theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai tử không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai tử.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>		

3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính				
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục khai tử (bản chính); bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử); bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử). - Bản điện tử Trích lục khai tử (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử cho người nước ngoài hoặc công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài chết tại Việt Nam; - Hoặc Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>				
3.7	Lệ phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí Đăng ký khai tử đúng hạn: 25.000 đồng/việc. Lệ phí: Đăng ký khai tử không đúng hạn: 50.000 đồng/việc. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc Gửi qua bưu chính Hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</i></p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm 	Công dân		<p>Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p><i>Tờ khai đăng ký khai tử</i></p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai</i></p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p><i>quyền</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lĩnh vực Hộ tịch,</i> - <i>Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài</i> 			<i>tử</i>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai tử không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	

B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Ngay sau khi tiếp nhận</p>	<p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Hồ sơ (trường hợp hồ sơ bản giấy)</p>	
B4	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 02 giờ làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn không quá 01 ngày làm việc.</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

	<p>người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai tử theo hình thức trực tiếp, thì công chức làm công tác hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai tử theo hình thức trực tuyến công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>- Công chức Phòng Tư pháp in Trích lục khai tử, trình Trưởng Phòng ký, ký số</p>				
B5	<p>Trưởng Phòng Tư pháp xem xét:</p> <p>- Nếu hồ sơ hợp lệ, ký bản giấy, ký số Trích lục khai tử bản điện tử</p> <p>- Nếu hồ sơ không hợp lệ chuyển lại công chức, nêu rõ lý do</p>	Trưởng Phòng Tư pháp	không quá 01 ngày làm việc	Trích lục khai tử; Hồ sơ	
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của	- Công chức Phòng Tư pháp	01 giờ làm việc.	Trích lục khai tử Sổ Đăng ký khai tử	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công

	<p>Thành phố, bàn giao Bộ phận Một cửa.</p> <p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ Đăng ký khai tử theo quy định của luật hộ tịch.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao Trích lục khai tử.</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>- Công dân</p> <p>- Công chức Bộ phận Một cửa</p>		<p>Hồ sơ</p>	<p>dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận</p> <p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký khai tử (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ đăng ký khai tử, Trích lục khai tử, Trích lục đăng ký khai tử (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp), Bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử).				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai tử cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú cuối cùng: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết:

Số Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: ⁽⁴⁾ do.....

..... cấp ngày tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: , ngày tháng năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁵⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai tử

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai tử.

II. Thông tin về người được đăng ký khai tử

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Số định danh cá nhân;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú cuối cùng (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (11) Thời gian chết: giờ, phút, ngày, tháng, năm (tách biệt riêng các trường thông tin giờ, phút, ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi chết;

(13) Nguyên nhân chết (có chú thích: nếu chưa xác định được/chưa rõ thì để trống);

(14) Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế giấy báo tử: số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp (tách biệt riêng các trường thông tin số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp; có chú thích nếu không có thì để trống);

(15) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(16) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai tử nhận Trích lục khai tử (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLKT

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: **Dân tộc:** **Quốc tịch:**

Số định danh cá nhân:⁽³⁾

Giấy tờ tùy thân:

.....

Đã chết vào lúc.....**giờ**.....**phút, ngày**.....**ghi bằng chữ:**

.....

Nơi chết:

.....

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục khai tử(ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo Số trong Sổ đăng ký khai tử.

⁽³⁾ Chỉ ghi trong trường hợp đã được cấp Số định danh cá nhân.

Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử sốdo.....
.....cấp ngày

Họ, chữ đệm, tên người đi khai tử:.....

Giấy tờ tùy thân:

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....⁽¹⁾Số: ⁽²⁾ /TLKT-BS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút,

ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾ ..

Số: ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)***Chú thích:**⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.⁽³⁾ Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

⁽⁴⁾ Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

5. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (QT-QH-05)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài. Công chức thuộc UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

	<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con (do người có yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm 	X	

<p>một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con. + Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con. - Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh vềnhân thân. 		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). 	X	
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có 		

trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; *số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử*. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con/bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con) người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con phải xuất trình giấy tờ tùy thân để xác định nhân thân; nộp bản chính giấy tờ, tài liệu là chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký nhận cha, mẹ, con.

- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng

	<p>ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ		
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống; - Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp 		
3.5	Thời gian xử lý		
	15 ngày.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính); bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con). - Bản điện tử Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Công Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN7TKQ) của UBND cấp huyện nơi cư trú của người được nhận là cha, mẹ, con đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; Hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hoặc giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; Hoặc giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài; Hoặc giữa người nước ngoài với nhau mà một hoặc cả hai bên thường trú tại Việt Nam. <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>		
3.8	Lệ phí, Phí		
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 1.000.000 đồng/việc. - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 		

	- Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc nộp trực tuyến (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền</i> - <i>Lĩnh vực Hộ tịch,</i> - <i>Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài</i> <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản</p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con</p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p>sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con không bổ</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

	sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa			
	Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)	Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp	01 giờ làm việc	
B3	- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn	Công chức Phòng Tư pháp;	Không quá 07 ngày làm việc	- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

<p>trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Công chức làm công tác hộ tịch xác minh, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời gian 07 ngày liên tục, đồng thời gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết trong thời gian 07 ngày liên tục tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>+ Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, cập nhật thông tin đăng ký nhận cha, mẹ, con và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con theo hình thức trực tuyến, công chức làm công tác hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con điện tử và</p>				
---	--	--	--	--

	<p>xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con, cập nhật thông tin đăng ký nhận cha, mẹ, con và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung. Công chức Phòng Tư pháp in Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B4	Trưởng Phòng Tư pháp ký Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản giấy, ký số Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	không quá 07 ngày làm việc	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
B5	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa.	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ làm việc	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ</p> <p><i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i></p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con (cả hai bên phải có mặt tại UBND cấp huyện, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu) kiểm tra</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân - Công chức Phòng Tư pháp 	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con - Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con. 	Thông tin

	<p>thông tin trên Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con và ký tên vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Trao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính); bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>				<p>đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ đăng ký nhận cha mẹ con; Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp); bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con).				
	Biểu mẫu điện tử tương tác nhận cha, mẹ, con (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON

Kính gửi: ⁽³⁾Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con: ⁽⁴⁾.....

Đề nghị cơ quan công nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch: ⁽²⁾.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾

.....

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Là..... của người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch: ⁽²⁾.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾

.....

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Tôi cam đoan việc nhận.....nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại.....ngàytháng.....năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao ⁽⁶⁾: Có Không
Số lượng:.....bản

Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha⁽⁵⁾

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký nhận cha, mẹ, con.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Chỉ khai trong trường hợp người yêu cầu không đồng thời là người nhận cha/mẹ/con.

⁽⁵⁾ Chỉ khai trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON**

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được nhận cha/mẹ/con.

II. Thông tin về người nhận

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về người được nhận

- (14) Họ, chữ đệm, tên;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(16) Giới tính;

(17) Dân tộc;

(18) Quốc tịch;

(19) Số định danh cá nhân;

(20) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(21) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(22) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(23) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nhận Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....⁽⁴⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽⁵⁾ /TLCMC

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC
ĐĂNG KÝ NHẬN⁽⁶⁾

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾**giữa:**

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Việc nhận⁽³⁾ có hiệu lực kể từ ngày cấp Trích lục./.

⁽⁴⁾Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽⁵⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con.

⁽⁶⁾ Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2) /TLCMC-BS

....., ngày..... tháng..... năm.....

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN (3)

(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận (3) giữa:

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận (3) tại (4)

..... số ngày

Thực hiện trích lục từ: (5)**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)***Chú thích:**⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.⁽³⁾ Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.⁽⁴⁾ Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.⁽⁵⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

6. Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (QT-QH-06)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với công dân đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài. Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử

	<p>dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu;</p> <p>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.</p> <p>- Giấy chứng sinh.</p> <p>+ Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có văn bản của người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.</p> <p>+ Trường hợp trẻ em sinh ra tại nước ngoài thì nộp Giấy chứng sinh</p>	X	

<p>hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con (nếu có);</p> <p><i>Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy.</i></p> <p>- Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha, mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước mà trẻ được chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch phù hợp quy định của pháp luật nước đó.</p> <p>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</p> <p>+ Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con nêu trên thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</p> <p>- Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh về nhân thân.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con;</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp).</p> <p>- Trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa</p>	X	

<p>được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam thì xuất trình giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam (như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam.</p>		
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. - Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật. - Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ: <ul style="list-style-type: none"> + Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng. 		

	+ Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.				
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ				
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính				
	- Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống; - Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp				
3.5	Thời gian xử lý				
	15 ngày.				
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính); bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con).				
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) UBND cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ là công dân Việt Nam đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con mà một bên có yêu cầu là người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.8	Lệ phí, Phí				
	- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: Đăng ký khai sinh đúng hạn: 25.000 đồng/việc. Đăng ký khai sinh quá hạn: 50.000 đồng/việc. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.000.000 đồng/việc - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại); nộp lệ phí nếu thuộc	Công dân		Thành phần hồ sơ theo	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật

	<p>trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký khai sinh, đăng ký nhận cha, mẹ, con; nộp phí cấp bản sao Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con nếu có yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 			<p>Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con</p>	<p>khẩu VNeID</p>
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>02 giờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	

	<p>liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>		
B4	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung,</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 07 ngày làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ thông báo trả</p>	

<p>hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu;</p> <p>+ Công chức Phòng Tư pháp xác minh, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời gian 07 ngày liên tục, đồng thời gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết trong thời gian 07 ngày liên tục tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>+ Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh, đăng ký nhận cha, mẹ, con và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con thì chuyển thông tin đến CSDLQGVC để lấy Số định danh cá nhân. Sau khi CSDLQGVC trả về Số định danh cá nhân, Công chức Phòng Tư pháp in Giấy khai sinh,</p>			<p>lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	
---	--	--	--	--

	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản giấy, ký số Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	không quá 07 ngày làm việc	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa.	- Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả mời công dân đến nhận

B7	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con (cả hai bên phải có mặt tại UBND cấp huyện, xuất trình giấy tờ tùy thân) kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, Giấy khai sinh và ký tên vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, Sổ đăng ký khai sinh</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Trao Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính); bản sao Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>- Công chức Bộ phận Một cửa</p> <p>- Công dân</p> <p>- Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>- Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con</p> <p>Hồ sơ Sổ Đăng ký khai sinh; Sổ đăng ký nhận, cha, mẹ, con</p>	
4	Biểu mẫu				
Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)					
Tờ khai đăng ký khai sinh; Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)					
Sổ đăng ký khai sinh; Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con; Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con; Bản sao Trích lục đăng ký nhận ca, mẹ, con (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)					

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾Nơi cư trú: ⁽²⁾Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾**Họ, chữ đệm, tên người cha:**Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾Nơi cư trú: ⁽²⁾Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾*Thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ (nếu cha, mẹ trẻ đã ĐKKH): Số:.....,**Quyển số:, đăng ký ngày tháng năm tại.....*

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng: bản

.....

Chú thích:⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON

Kính gửi: ⁽⁷⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Đề nghị cấp bản sao ⁽⁶⁾: Có Không
Số lượng:.....bản

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con: ⁽⁴⁾

Đề nghị cơ quan công nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Là..... của người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Tôi cam đoan việc nhận.....nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại.....ngàytháng.....năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha⁽⁵⁾

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký nhận cha, mẹ, con.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có sổ định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Chỉ khai trong trường hợp người yêu cầu không đồng thời là người nhận cha/mẹ/con.

⁽⁵⁾ Chỉ khai trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Căn cứ ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Căn cứ ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: ⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ ⁽⁴⁾.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số: ⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “*Sổ đăng ký khai sinh*” hoặc “*Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “*Sổ đăng ký khai sinh*” hoặc “*Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử*”.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽⁸⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽⁹⁾ /TLCMC

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC
ĐĂNG KÝ NHẬN⁽¹⁰⁾

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾**giữa:**

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Việc nhận⁽³⁾ có hiệu lực kể từ ngày cấp Trích lục./.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

⁽⁸⁾Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽⁹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con.

⁽¹⁰⁾ Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLCMC-BS , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN⁽³⁾

(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾ giữa:

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận⁽³⁾ **tại**⁽⁴⁾ số ngày

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.

⁽³⁾ Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.

⁽⁴⁾ Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.

⁽⁵⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

7. Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (QT-QH-07)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đề nghị đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu thực hiện đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài. Công chức Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ)
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<ul style="list-style-type: none"> * Giấy tờ phải nộp: - Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cử; giấy tờ chứng minh điều 	X	

<p>kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên; trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên;</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có</p>		

	<p>trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký giám hộ), người có yêu cầu đăng ký giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký giám hộ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ		
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính		

	<ul style="list-style-type: none"> - Việc giám hộ giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài cùng cư trú tại Việt Nam. - Cá nhân có đủ các điều kiện sau đây có thể làm người giám hộ: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. + Có tư cách đạo đức tốt và các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ. + Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xoá án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác. + Không phải là người bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con chưa thành niên. - Pháp nhân có đủ các điều kiện sau đây có thể làm người giám hộ: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực pháp luật dân sự phù hợp với việc giám hộ. + Có điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.
3.5	Thời gian xử lý
	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính), bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ). - Bản điện tử Trích lục đăng ký giám hộ (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch).
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ thực hiện đăng ký giám hộ giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài cùng cư trú tại Việt Nam. <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>
3.8	Phí, Lệ phí
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 50.000 đồng/việc - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục
3.9	Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ.</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám hộ (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>	Công dân		<p>Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám hộ</p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm</p>	Công chức		- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn	

	<p>tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký giám hộ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>	<p>Bộ phận Một cửa</p>	<p>02 giờ</p>	<p>thiện hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	
<p>B3</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng</p>			

<p>Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Tư pháp</p>			
<p>B3</p> <p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 01 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên; Không quá 02 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

	<p>hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy yêu cầu đăng ký giám hộ đủ điều kiện theo quy định pháp luật, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký giám hộ theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký giám hộ theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký giám hộ điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký giám hộ điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức Phòng Tư pháp dự thảo Trích lục đăng ký giám hộ, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B4	Trưởng Phòng Tư pháp ký Trích lục đăng ký giám hộ bản giấy, ký số Trích lục đăng ký giám hộ bản điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	Không quá 01 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám	Trích lục đăng ký giám hộ	

			hộ đương nhiên; Không quá 02 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử		
B5	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa.	- Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	Trích lục đăng ký giám hộ; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>) 2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính 3. Công dân kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký giám hộ, ký tên vào Sổ đăng ký giám hộ, nhận Trích lục đăng ký giám hộ. 4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) 5. Đóng dấu của UBND cấp huyện 6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao đăng ký giám hộ. 7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân 8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân	Trong giờ hành chính	Trích lục đăng ký giám hộ, Sổ đăng ký giám hộ	

B7	Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tu pháp	Trong giờ hành chính	Sổ đăng ký giám hộ, hồ sơ đăng ký giám hộ	Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ đăng ký giám hộ; Trích lục đăng ký giám hộ (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp); Bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ).				
	Biểu mẫu điện tử tương tác nhận giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ

Kính gửi: ⁽¹⁾Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan đăng ký việc giám hộ giữa:

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Lý do đăng ký giám hộ:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày..... tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁴⁾: Có , Không

Số lượng: bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký giám hộ

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về người giám hộ

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính;
- (8) Dân tộc;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số định danh cá nhân;
- (11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

III. Thông tin về người được giám hộ

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Giới tính;
- (16) Dân tộc;
- (17) Quốc tịch;
- (18) Số định danh cá nhân;

(19) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/Thẻ CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(21) Lý do đăng ký giám hộ;

(22) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(23) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký giám hộ nhận Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN⁽¹¹⁾**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ⁽¹²⁾ /TLGH

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ**Người giám hộ:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

.....

Nơi cư trú:.....

.....

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

.....

Nơi cư trú:.....

.....

Việc giám hộ có hiệu lực kể từ ngày cấp Trích lục./.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)*⁽¹¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục đăng ký giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).⁽¹²⁾ Ghi số trong Sổ đăng ký giám hộ.

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:⁽²⁾ /TLGH-BS

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ(BẢN SAO)**Người giám hộ:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký giám hộ tại:⁽³⁾

Số ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)***Chú thích:**⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.⁽³⁾ Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký giám hộ, số, ngày tháng năm đăng ký.⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký giám hộ hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

8. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (QT-QH-08)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài. Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ

	<p>tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu (nếu người yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	

<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự. - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác 		

	<p>nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>- Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ), người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký chấm dứt giám hộ.</p>	
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ	

3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính				
	Không có				
3.5	Thời gian xử lý				
	02 ngày làm việc.				
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính), bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ). - Bản điện tử Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi đã đăng ký giám hộ thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.8	Phí, Lệ phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 50.000 đồng - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến - Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký chấm dứt giám hộ; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt	Công dân		Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p>giám hộ.</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám hộ</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	

<p>thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>				
<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký,</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>			

	quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)				
B3	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p>	Công chức Phòng Tư pháp	05 giờ làm việc	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	

	<p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức Phòng Tư pháp in Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B4	Trưởng Phòng Tư pháp ký Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ bản giấy, ký số Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ bản điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	05 giờ làm việc	Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ	
B5	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa.	- Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	1. Đề nghị công dân xuất trình bản	- Công chức	Trong giờ	Trích lục	

	chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>) 2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính 3. Công dân kiểm tra thông tin, ký tên vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ 4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) 5. Đóng dấu của UBND cấp huyện 6. Trả công dân: Bản chính, Bản sao đăng ký chấm dứt giám hộ. 7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân 8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	Bộ phận Một cửa - Công dân	hành chính	đăng ký chấm dứt giám hộ	
B7	Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tu pháp	Trong giờ hành chính	- Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác chấm dứt giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan đăng ký chấm dứt việc giám hộ giữa:

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú⁽²⁾:

.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

.....

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú ⁽²⁾:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân⁽³⁾:

.....

Đã đăng ký giám hộ tại ⁽⁴⁾

ngày tháng năm số.....quyển số:

Lý do chấm dứt việc giám hộ:

.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: , ngày tháng năm
Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁵⁾: Có , Không
Số lượng: ... bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký chấm dứt giám hộ.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký).

⁽⁵⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về người giám hộ

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính;
- (8) Dân tộc;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số định danh cá nhân;
- (11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về người được giám hộ

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Giới tính;
- (16) Dân tộc;
- (17) Quốc tịch;
- (18) Số định danh cá nhân;

(19) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(21) Đăng ký giám hộ: số, ngày, tháng, năm đăng ký, cơ quan đăng ký;

(22) Lý do chấm dứt giám hộ;

(23) đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(24) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nhận Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....⁽¹³⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:⁽¹⁴⁾ /TLCDGH

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC
ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ**Người giám hộ:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:.....Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:.....Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký giám hộ tại: ⁽³⁾

Số.....ngày.....tháng.....năm

Đã chấm dứt giám hộ.**Lý do chấm dứt:****NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)*⁽¹³⁾Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).⁽¹⁴⁾Ghi theo số trong Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ.⁽³⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TLCDGH-BS

....., ngày..... tháng..... năm

TRÍCH LỤC
ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ
(BẢN SAO)

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký giám hộ tại: ⁽³⁾.....số.....ngày..... tháng năm

Đã đăng ký chấm dứt giám hộ, sốngày.....tháng.....năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ.

⁽³⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký).

⁽⁴⁾ Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

9. Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (QT-QH-09)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết đề nghị thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	<p>Áp dụng đối với cá nhân đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này</p>
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác thực hiện đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<ul style="list-style-type: none"> * Giấy tờ phải nộp: - Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, 	X	

<p>bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. + Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh 		

	<p><i>nhân dân/cần cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục thay đổi/cải chính/ bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc/bản sao Trích lục thay đổi/ cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch/ xác định lại dân tộc), người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo quy định pháp luật hộ tịch. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. 		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc cải chính hộ tịch chỉ được giải quyết sau khi xác định có sai sót trong đăng ký hộ tịch; không cải chính nội dung trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác. + Giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ kể từ ngày 01/01/2016 mà thông tin hộ tịch còn thiếu thì được bổ sung, nếu có giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hợp lệ chứng minh. <p>Yêu cầu ghi bổ sung quốc tịch Việt Nam chỉ thực hiện đối với giấy tờ hộ tịch được cấp kể từ ngày 01/01/2016, sau khi đã xác định người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>		

3.5	Thời gian xử lý
	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
	<p>- Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc (bản chính), bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc).</p> <p>- Bản điện tử Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người nước ngoài giải quyết việc cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch của người nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p> <p>- Hoặc UBND cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài</p> <p>- Hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước; xác định lại dân tộc.</p> <p>- Hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử trong Trích lục khai tử hoặc Giấy chứng tử.</p> <p>- Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc mà việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp thì thẩm quyền giải quyết được xác định như sau:</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc;</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người đó thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở của Sở Tư pháp đã đăng ký việc hộ tịch trước đây thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>
3.8	Lệ phí, Phí

	<p>- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu)</p> <p>- Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 25.000 đồng/việc.</p> <p>- Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục</p>				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; nộp phí cấp bản sao Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền</i> - <i>Lĩnh vực Hộ tịch,</i> - <i>Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc</i> 	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác thực hiện đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin</p>	<p>Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID</p>

	<p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (trên Công Dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			<p>hộ tịch, xác định lại dân tộc</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến)</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>01 giờ làm việc</p>		
B4	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>- 02 giờ làm việc - Không quá 01 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính tịch, xác định dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì hạn được kéo dài không quá 02 ngày làm việc.</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

thức nộp hồ sơ trực tuyến).

+ Nếu thấy việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, cập nhật thông tin đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.

Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).

Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, cập nhật thông tin đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản

	lý hộ tịch điện tử dùng chung. Công chức Phòng Tư pháp dự thảo Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc điện tử trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc điện tử bản giấy, ký số Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	- 02 giờ làm việc - Không quá 01 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 02 ngày làm việc	Hồ sơ	
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa.	- Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
	1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân</i>	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân	Trong giờ hành chính	Hồ sơ Trích lục thay đổi hộ tịch, Trích lục cải	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc

B7	<p><i>không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Công dân kiểm tra thông tin trên Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc, ký tên vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc (bản chính); bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p>			chính hộ tịch, Trích lục xác định lại dân tộc; Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	gia
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tu pháp	Trong giờ hành chính		
4	Biểu mẫu				
Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)					
Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)					
Trích lục thay đổi/ cải chính/ bổ sung thông tin hộ tịch/ xác định lại dân tộc (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)					
Biểu mẫu điện tử tương tác thay đổi/ cải chính/ bổ sung thông tin hộ tịch/ xác định lại dân tộc (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)					

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ VIỆC THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH,
BỔ SUNG THÔNG TIN HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC**

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:⁽²⁾Giấy tờ tùy thân:⁽³⁾

Quan hệ với người được thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch:

Đề nghị cơ quan đăng ký việc ⁽⁴⁾ cho người có tên dưới đây:**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:⁽²⁾.....Dân tộc:⁽²⁾.....Quốc tịch:⁽²⁾Nơi cư trú:⁽²⁾Giấy tờ tùy thân:⁽³⁾Đã đăng ký ⁽⁵⁾ tại.....

ngày..... tháng năm số: Quyển số:.....

Nội dung:⁽⁶⁾**Lý do:**

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị cấp bản sao⁽⁷⁾: Có , Không ; số lượng:.....bản⁽⁷⁾.

Làm tại: , ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Ý kiến của người được thay đổi họ, chữ đệm, tên (nếu người đó từ đủ 9 tuổi trở lên); xác định lại dân tộc (nếu người đó từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi)

Ý kiến của cha và mẹ (nếu thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi)

.....
.....
.....

.....
.....
.....

định lại dân tộc.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ nội dung loại việc đề nghị đăng ký.

Ví dụ: thay đổi họ, tên/ cải chính phần khai về chữ đệm của người mẹ/ xác định lại dân tộc/ bổ sung phần khai về năm sinh của người cha.

(5) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây có liên quan.

Ví dụ: Đã đăng ký khai sinh tại UBND xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ngày 05 tháng 01 năm 2015, số 10 quyển số 01/2015.

(6) Ghi rõ nội dung đề nghị thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông hộ tịch, xác định lại dân tộc.

Ví dụ: - Được thay đổi họ từ Nguyễn Văn Nam thành Vũ Văn Nam.

- Được cải chính năm sinh từ 1975 thành 1976.

(7) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC THỰC HIỆN
ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH, BỔ SUNG THÔNG TIN HỘ TỊCH,
XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC**

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.

II. Thông tin về người có nội dung thay đổi

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nơi cư trú: (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về nội dung đề nghị đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc

- (14) Tên loại Giấy tờ hộ tịch đã đăng ký (số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký);
- (15) Nội dung đề nghị thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông hộ tịch, xác định lại dân tộc;
- (16) Lý do thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông hộ tịch, xác định lại dân tộc;
- (17) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu:...

Không

(18) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(19) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống thông qua việc xác thực điện tử theo quy định.

ỦY BAN NHÂN DÂN
(15)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (16) /TL.....

....., ngày.....thángnăm.....

TRÍCH LỤC

.....(17)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được (18)

Trong (19)

Số: ngày

Nơi đăng ký:

Nội dung(6):

.....
.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

(15) Ghi tên cơ quan cấp Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).

(16) Ghi theo số trong Sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc và chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế (Ví dụ: 01/TLĐHT nếu là việc thay đổi hộ tịch)

(17) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.

(18) Ghi theo nội dung thực tế giải quyết: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh, quê quán ...; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha...; xác định lại dân tộc.

(19) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung được yêu cầu thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.

(6) Ghi rõ nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Ví dụ: thay đổi họ từ Nguyễn Văn Nam thành Vũ Văn Nam; bổ sung thông tin về ngày tháng sinh thành ngày 01 tháng 01...)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾/TL.....-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
 (BẢN SAO)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký việc ⁽⁴⁾

Trong ⁽⁵⁾

Sốngày

Nội dung: ⁽⁶⁾

Nơi đăng ký: ⁽⁷⁾

Số ngày

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁸⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

10. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (QT-QH-10)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu thực hiện ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ

<p>tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai ghi chú kết hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu hộ tịch điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu ghi chú kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	

<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; - Nếu công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì phải nộp Trích lục về việc đã ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn (Trích lục ghi chú ly hôn). - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú kết hôn. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu ghi chú kết hôn. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (trực tuyến). <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản 		

	<p>chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ ghi chú kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ ghi chú kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Trường hợp nhận kết quả (Trích lục ghi chú kết hôn/bản sao Trích lục ghi chú kết hôn) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu ghi chú kết hôn phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ ghi chú kết hôn theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>- Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau hoặc với người nước ngoài đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài được ghi vào Sổ hộ tịch nếu tại thời điểm kết hôn, các bên đáp ứng đủ điều kiện kết hôn và không vi phạm điều cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.</p> <p>- Nếu vào thời điểm đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, việc kết hôn không đáp ứng điều kiện kết hôn, nhưng không vi phạm điều cấm theo quy định của Luật Hôn</p>		

	<p>nhân và gia đình, nhưng vào thời điểm yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn, hậu quả đã được khắc phục hoặc việc ghi chú kết hôn là nhằm bảo vệ quyền lợi của công dân Việt Nam và trẻ em, thì việc kết hôn cũng được ghi vào Sổ hộ tịch.</p> <p>* Yêu cầu ghi chú kết hôn bị từ chối trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc kết hôn vi phạm điều cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. - Công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam. 				
3.5	Thời gian xử lý				
	12 ngày				
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục ghi chú kết hôn (bản chính); bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn). - Bản điện tử Trích lục ghi chú kết hôn (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục ghi chú kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>				
3.8	Lệ phí, Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí 50.000 đồng/việc - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
	<p>Công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi hồ sơ qua bưu chính</p> <p>hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố</p>	Công dân		Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

B1	<p>(https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ ghi chú kết hôn tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí ghi chú kết hôn, nộp phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn.</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			<p>Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

	<p>tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu ghi chú kết hôn không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu ghi chú kết hôn.</p>			<p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> <p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng</p>	<p>02 giờ làm việc</p>	<p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Hồ</p>	

	<p>Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	Tư pháp		sơ(trường hợp hồ sơ bản giấy)	
B4	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu</p>	Công chức Phòng Tư pháp	05 ngày làm việc	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

	<p>cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy yêu cầu ghi chú kết hôn đủ điều kiện, không thuộc trường hợp từ chối ghi vào sổ việc kết hôn theo quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi chú kết hôn theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin ghi chú kết hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi chú kết hôn theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục ghi chú kết hôn điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục ghi chú kết hôn điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin ghi chú kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức Phòng Tư pháp dự thảo Trích lục ghi chú kết hôn, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký Trích lục ghi chú kết hôn bản giấy, ký số Trích lục ghi chú kết hôn bản điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	05 ngày làm việc	Hồ sơ	

B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa	- Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Trích lục ghi chú kết hôn; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả mời công dân đến nhận
B7	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của luật hộ tịch.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Công dân nhận kết quả: + Bản điện tử Trích lục ghi chú kết hôn gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân + Trích lục ghi chú kết hôn qua bưu chính; + Trích lục ghi chú kết hôn tại UBND cấp huyện.</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p>	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân	Trong giờ hành chính	- Trích lục ghi chú kết hôn - Sổ hộ tịch.	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tư pháp	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai ghi chú kết hôn (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục ghi chú kết hôn (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

Biểu mẫu điện tử tương tác nhận ghi chú kết hôn (Thông tư số 03/2023/TT-BTP)
--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI CHÚ KẾT HÔN

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan ghi vào sổ việc kết hôn sau đây:

Họ, chữ đệm, tên bên nữ:	Họ, chữ đệm, tên bên nam:
---------------------------------------	--

Ngày, tháng, năm sinh:	Ngày, tháng, năm sinh:
------------------------------	------------------------------

Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾	Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾
---	---

Nơi cư trú: ⁽²⁾	Nơi cư trú: ⁽²⁾
----------------------------------	----------------------------------

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾	Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾
--	--

Đã đăng ký kết hôn tại⁽⁴⁾

số

cấp ngày..... tháng năm

Trước khi kết hôn lần này chưa từng kết hôn/đã từng kết hôn nhưng hôn nhân đã chấm dứt⁽⁵⁾:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:bản

.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi chú kết hôn.
- (2) *Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.*
- Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.*
- (3) *Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).*
- (4) Ghi tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng năm cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Đăng ký kết hôn tại Cộng hòa Pháp, Giấy chứng nhận kết hôn số 0A3456 cấp ngày 08/3/2016.
- (5) Trường hợp chưa từng kết hôn thì ghi rõ “Chưa từng kết hôn”. Trường hợp đã từng kết hôn thì ghi rõ căn cứ chấm dứt quan hệ hôn nhân. Nếu căn cứ chấm dứt quan hệ hôn nhân là ly hôn thì ghi rõ hình thức văn bản ly hôn, ngày có hiệu lực, tên cơ quan cấp.
- (6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC KẾT HÔN

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin người vợ

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Dân tộc;
- (8) Quốc tịch;
- (9) Số định danh cá nhân;
- (10) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (11) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin người chồng

- (12) Họ, chữ đệm, tên;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (14) Dân tộc;
- (15) Quốc tịch;
- (16) Số định danh cá nhân;

- (17) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về việc kết hôn

- (19) Nơi đăng ký kết hôn: tên cơ quan, tên quốc gia đã đăng ký kết hôn;
- (20) Giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (số, ngày, tháng năm cấp);
- (21) Tình trạng hôn nhân trước khi kết hôn lần này;
- (22) Đề nghị cấp bản sao:
- Có
- Số lượng bản sao yêu cầu:...
- Không
- (23) Phương thức nhận kết quả:
- Trực tiếp
 - Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (24) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày tháng năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống thông qua việc xác thực điện tử theo quy định.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽²⁰⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²¹⁾ /TLGCKH

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ KẾT HÔN

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

.....

.....

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

.....

.....

.....

Đăng ký kết hôn tại:⁽³⁾

..... số..... cấp ngày..... tháng năm.....

Đã được ghi vào Sổ đăng ký kết hôn./.

⁽²⁰⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²¹⁾ Ghi số đăng ký trong Sổ đăng ký kết hôn.

⁽³⁾ Ghi tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng năm cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Đăng ký kết hôn tại Cộng hòa Pháp, Giấy chứng nhận kết hôn số 0A3456 cấp ngày 08/3/2016.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLGCKH-BS

..., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên

vợ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

.....

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

.....

Giấy tờ tùy thân:

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên

chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

.....

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

.....

Giấy tờ tùy thân:

.....

.....

Đăng ký kết hôn tại: ⁽³⁾ số..... cấp ngày.....thángnăm

Đã ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại ⁽⁴⁾số.....

ngày.....thángnăm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ đó.
- (4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch, số, ngày tháng năm ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

11. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (QT-QH-11)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

	<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tờ khai ghi chú ly hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</i> - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu ghi chú ly hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Bản án, quyết định ly hôn, hủy kết hôn, văn bản thỏa 	X	

<p>thuận ly hôn hoặc giấy tờ khác công nhận việc ly hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú ly hôn. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu ghi chú ly hôn. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điện tử động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền (trong trường hợp công dân Việt Nam từ nước ngoài về thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi chú ly hôn, công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam yêu cầu ghi chú ly hôn tại Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh) trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu</p>		

	<p>nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ ghi chú ly hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ ghi chú ly hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Trường hợp nhận kết quả (Trích lục ghi chú ly hôn/bản sao Trích lục ghi chú ly hôn) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu ghi chú ly hôn xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ ghi chú ly hôn theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>- Bản án, quyết định ly hôn, hủy kết hôn, văn bản thỏa thuận ly hôn đã có hiệu lực pháp luật hoặc giấy tờ khác công nhận việc ly hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.</p> <p>- Việc ly hôn, hủy kết hôn của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài giải quyết không thuộc trường hợp có đơn yêu cầu thi hành tại Việt Nam hoặc có đơn yêu cầu không công nhận tại Việt Nam.</p>		

	- Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài, sau đó về nước thường trú hoặc làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì phải ghi chú ly hôn. Trường hợp đã nhiều lần ly hôn hoặc hủy việc kết hôn thì chỉ làm thủ tục ghi chú lần ly hôn, hủy việc kết hôn gần nhất.
3.5	Thời gian xử lý
	12 ngày.
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
	- Trích lục ghi chú ly hôn (bản chính), bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn). - Bản điện tử Trích lục ghi chú ly hôn (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục ghi chú ly hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch).
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa nơi đã đăng ký kết hôn hoặc ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn trước đây thực hiện ghi chú ly hôn. Trường hợp việc kết hôn hoặc ghi chú việc kết hôn trước đây thực hiện tại Sở Tư pháp thì việc ghi chú ly hôn do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện. Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì việc ghi chú ly hôn do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trên thực hiện. Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam thì việc ghi chú ly hôn do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của công dân Việt Nam thực hiện. - Công dân Việt Nam từ nước ngoài về thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi chú ly hôn mà việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi công dân Việt Nam thường trú thực hiện. - Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu ghi chú ly hôn để kết hôn mới mà việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ kết hôn mới thực hiện. - Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn để làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, thì thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi đăng ký kết hôn mới. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.
3.8	Phí, Lệ phí
	- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 50.000 đồng

	<p>- Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục</p>				
3.9 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc <i>nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</i></p> <p>Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí, nộp phí cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.</p> <p><i>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</i></p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài <p><i>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu</i></p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p><i>Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn</i></p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn</i></p>	<p>Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID</p>

	<i>theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</i>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu ghi chú lý hôn không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu ghi chú lý hôn.</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải	Công chức Bộ phận Một cửa;	02 giờ làm việc	Hồ sơ	

<p>quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>			
<p>B4 - Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến). + Nếu thấy yêu cầu ghi chú ly hôn là phù hợp quy định pháp luật, việc ly hôn, hủy việc kết hôn không thuộc trường hợp có</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>05 ngày làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

	<p>đơn yêu cầu thi hành tại Việt Nam hoặc có đơn yêu cầu không công nhận tại Việt Nam được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi chú ly hôn theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ ghi chú ly hôn, cập nhật thông tin ghi chú ly hôn trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi chú ly hôn theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục ghi chú ly hôn điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục ghi chú ly hôn điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ ghi chú ly hôn, cập nhật thông tin ghi chú ly hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức Phòng Tư pháp in Trích lục ghi chú ly hôn, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký Trích lục ghi chú ly hôn bản giấy, ký số Trích lục ghi chú ly hôn bản điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	05 ngày làm việc	Trích lục ghi chú ly hôn; Hồ sơ	
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao Bộ phận Một cửa	- Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ làm việc	Trích lục ghi chú ly hôn; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông

					báo đã có kết quả mời công dân đến nhận
B7	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của luật hộ tịch.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Công dân được nhận kết quả theo một trong các phương thức sau đây: + Nhận bản điện tử Trích lục ghi chú ly hôn gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân đó; + Nhận kết quả là Trích lục ghi chú ly hôn thông qua hệ thống bưu chính; + Nhận kết quả là Trích lục ghi chú ly hôn tại UBND cấp huyện.</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân 	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục ghi chú ly hôn - Sổ ghi chú ly hôn 	Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tư pháp	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	
4	Biểu mẫu				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai ghi chú ly hôn (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục ghi chú ly hôn (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác ghi chú ly hôn (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI CHÚ LY HÔN

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được ghi chú:

Đề nghị ghi vào sổ hộ tịch việc ⁽⁴⁾..... đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾..... Dân tộc: ⁽²⁾..... Quốc tịch: ⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Nơi cư trú hiện nay: ⁽²⁾

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh:

Nơi đăng ký kết hôn trước đây:

Đã với ông/bà:

Họ, chữ đệm tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾..... Dân tộc: ⁽²⁾..... Quốc tịch: ⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Theo ⁽⁵⁾.....

sốdo ⁽⁶⁾.....

.....cấp ngày..... tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁷⁾: Có , Không

Số lượng: bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi chú ly hôn.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.

(5) Ghi rõ tên loại giấy tờ (Bản án/quyết định/ thỏa thuận/các hình thức khác), số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn.

(6) Ghi rõ tên cơ quan nước ngoài đã giải quyết ly hôn/hủy kết hôn.

(7) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC LY HÔN**

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được ghi chú;
- (6) Đề nghị ghi chú (lựa chọn 1 trong 2 loại việc):
 - Ly hôn
 - Hủy việc kết hôn

II. Thông tin bên nữ

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nơi cư trú hiện nay (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (14) Nơi cư trú trước khi xuất cảnh;
- (15) Nơi đăng ký kết hôn trước đây.

III. Thông tin bên nam

- (16) Họ, chữ đệm, tên;
- (17) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (18) Dân tộc;

(19) Quốc tịch;

(20) Số định danh cá nhân;

(21) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm.

(22) Nơi cư trú hiện nay (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(23) Nơi cư trú trước khi xuất cảnh;

(24) Nơi đăng ký kết hôn trước đây.

IV. Thông tin về việc ly hôn

(25) Nơi ly hôn/hủy việc kết hôn: tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài

(26) Giấy tờ chứng minh việc ly hôn (Bản án/Quyết định/Giấy tờ hợp lệ khác; số, ngày, tháng, năm cấp);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu:...

Không

(28) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(29) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm hoàn tất việc cung cấp thông tin); người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống thông qua việc xác thực điện tử theo quy định.

ỦY BAN NHÂN DÂN

⁽²²⁾CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: ⁽²³⁾ /TLGCLH

....., ngày.....thángnăm.....

TRÍCH LỤC GHI CHÚ LY HÔN**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc:Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ghi vào sổ hộ tịch việc ⁽²⁴⁾.....đã giải quyết tại nước ngoài với người có tên dưới đây:**Họ, chữ đệm, tên:**⁽²⁵⁾Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc:Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Theo:⁽⁵⁾..... số do.....cấp ngày./.**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)*⁽²²⁾Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).⁽²³⁾Ghi số đăng ký trong Sổ ghi chú ly hôn.⁽²⁴⁾ Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.⁽²⁵⁾ Nếu trong giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn không có hoặc người yêu cầu ghi chú không cung cấp được thì để trống.⁽⁵⁾ Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLGCLH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ LY HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ghi vào Sổ hộ tịch việc.....⁽³⁾ đã giải quyết tại nước ngoài với người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Theo:⁽⁵⁾số do..... cấp ngày

Tại:⁽⁶⁾ số ngày.....tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.
- (3) Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.
- (4) Ghi theo thông tin có trong Sổ ghi chú ly hôn, nếu không có thông tin thì để trống.
- (5) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (6) Ghi tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi chú ly hôn, số, ngày, tháng, năm ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ ghi chú ly hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

12. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)(QT-QH-12)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch). Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một

<p>số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu hộ tịch điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/khai tử/nuôi con nuôi/giám hộ, nhận cha, mẹ, con/ Mẫu hộ tịch điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa</p>	X	

<p>chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</p> <p>- Người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>		
<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>	X	
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>-</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p>		

	<p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Trường hợp nhận kết quả (Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác/bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính Không có		
3.5	Thời gian xử lý		
	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<p>- Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (bản chính), bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/bản sao</p>		

<p>Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác).</p> <p>- Bản điện tử Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh/ Bản điện tử Trích lục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>					
3.7 Nơi tiếp nhận và trả kết quả					
<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) nơi cư trú của công dân Việt Nam ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> <p>UBND huyện nơi cư trú của người có trách nhiệm khai tử ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>					
3.8 Lệ phí, Phí					
<p>- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu)</p> <p>- Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 50.000 đồng</p> <p>- Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục</p>					
3.9 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí; nộp phí cấp bản sao Trích lục hộ tịch tương ứng nếu có</p>	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

B1	<p>yêu cầu.</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài <p>Công dân cung cấp thông tin theo Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/khai tử/nuôi con nuôi/giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ theo quy định; nộp phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác, hoàn tất nộp hồ sơ.</p>			<p>Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/khai tử/nuôi con nuôi/giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	

	<p>tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Hồ sơ(trường hợp hồ sơ bản giấy)</p>	
B4	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các</p>	<p>Công chức Phòng</p>	<p>- 02 giờ làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ</p>	

<p>thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch đủ điều kiện, phù hợp quy định pháp luật, trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung ghi chú vào Sổ hộ tịch, cập nhật thông tin ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác điện tử cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị</p>	<p>Tư pháp</p>	<p>đối với hồ sơ không phải xác minh;</p> <p>Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 01 ngày làm việc.</p>	<p>điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	
---	----------------	---	--	--

	<p>số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung ghi chú vào Sổ hộ tịch, cập nhật thông tin ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>- Công chức Phòng Tư pháp in Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	<p>Trưởng Phòng Tư pháp ký Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác bản giấy, ký số Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác bản điện tử</p>	<p>Trưởng phòng Tư pháp</p>	<p>- 02 giờ làm việc đối với hồ sơ không phải xác minh; Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 01 ngày làm việc</p>	<p>Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác</p>	

B6	<p>Công chức Phòng Tư pháp chuyên kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa.</p>	<p>- Công chức Phòng Tư pháp - Văn thư UBND cấp huyện</p>	02 giờ làm việc		<p>Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả mời công dân đến nhận</p>
B7	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>) 2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính 3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của luật hộ tịch. 4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) 5. Đóng dấu của UBND cấp huyện 6. Công dân nhận kết quả theo một trong các phương thức sau đây: + Nhận bản điện tử Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân đó hoặc thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp; + Nhận kết quả thông qua bưu chính; + Nhận kết quả tại UBND cấp huyện. 7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p>	<p>- Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân</p>	Trong giờ hành chính	<p>- Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác</p>	<p>Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia</p>

B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tu pháp	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai ghi vào sổ hộ tịch việc: khai sinh/khai tử/giám hộ, nhận cha, mẹ, con/các việc hộ tịch khác (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh/ Trích lục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh/ Trích lục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh:

Đề nghị cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁴⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁴⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã được đăng ký khai sinh tại ⁽⁵⁾

Giấy khai sinh số ⁽⁶⁾ cấp ngày..... /..... /

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao Giấy khai sinh ⁽⁸⁾: Có , Không
Số lượng: bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký khai sinh.

⁽⁶⁾ Ghi số, ngày, tháng, năm cơ quan nước ngoài cấp Giấy khai sinh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương Giấy khai sinh.

⁽⁷⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh.

II. Thông tin về người được khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh;
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin: ngày, tháng, năm);
- (15) Dân tộc;
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày tháng năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin: ngày, tháng, năm);
- (22) Dân tộc;
- (23) Quốc tịch;
- (24) Số định danh cá nhân;

(25) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

V. Thông tin về việc đăng ký khai sinh

(27) Nơi đăng ký khai sinh (tên cơ quan, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh);

(28) Giấy khai sinh (số, ngày, tháng, năm cấp);

(29) Đề nghị cấp bản sao Giấy khai sinh:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu

Không

(30) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận)

(31) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Là con nuôi của:

Họ, chữ đệm, tên mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên cha:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Theo ⁽⁴⁾

.....số..... do⁽⁵⁾

cấp ngày tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: , ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng: bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ tên giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

(5) Ghi rõ tên cơ quan nước ngoài đã giải quyết việc nuôi con nuôi.

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC NUÔI CON NUÔI

I. Thông tin về người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về con nuôi

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính;
- (8) Dân tộc;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số định danh cá nhân;
- (11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về mẹ nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Dân tộc;
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về cha nuôi

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (22) Dân tộc;
- (23) Quốc tịch;

(24) Số định danh cá nhân;

(25) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

V. Thông tin về việc đăng ký nuôi con nuôi

(27) Nơi đăng ký việc nuôi con nuôi: tên cơ quan, tên quốc gia đã đăng ký;

(28) Giấy tờ chứng nhận việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (số, ngày, tháng, năm cấp);

(29) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu:...

Không

(30) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(31) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC KHAI TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú cuối cùng: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết:

Theo ⁽⁴⁾

số do ⁽⁵⁾

..... cấp

ngày..... tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....
Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không
Số lượng:.....bản

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử.
- (2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.
Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.
- (3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).
- (4) Ghi rõ tên giấy tờ hộ tịch được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (5) Ghi rõ tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký khai tử.
- (6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ HỘ TỊCH TƯƠNG TÁC GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC KHAI TỬ

I. Thông tin về người yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch khai tử

- (1) Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai tử.

II. Thông tin về người được khai tử

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Nơi cư trú cuối cùng (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (9) Số định danh cá nhân;
- (10) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (11) Thời gian chết: giờ, phút, ngày, tháng, năm (tách biệt riêng các trường thông tin giờ, phút, ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi chết;
- (13) Nguyên nhân chết (có chú thích: nếu chưa xác định được/chưa rõ thì để trống).

III. Thông tin về việc khai tử

- (14) Nơi đăng ký khai tử tại: tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đăng ký;
- (15) Giấy tờ chứng minh việc đăng ký khai tử (số, ngày, tháng, năm cấp);
- (16) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu:...

Không

(17) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(18) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm hoàn tất việc cung cấp thông tin); người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống thông qua việc xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC

Kính gửi: ⁽¹⁾Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc⁽⁴⁾

cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch:

⁽²⁾

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Nội dung ghi vào sổ hộ tịch⁽⁴⁾:

.....

.....

Theo ⁽⁵⁾

số do ⁽⁶⁾

..... cấp ngày..... tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁷⁾: Có , Không

Số lượng: bản

.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch.
- (2) *Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.*
Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.
- (3) *Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).*
- (4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký (ví dụ: thay đổi hộ tịch).
- (5) Ghi rõ tên giấy tờ hộ tịch được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (6) Ghi rõ tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch.
- (7) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC GHI VÀO SỔ VIỆC HỘ TỊCH KHÁC

I. Thông tin về người yêu cầu ghi vào sổ việc hộ tịch khác

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin của công dân Việt Nam đã được đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Dân tộc;
- (8) Quốc tịch;
- (9) Số định danh cá nhân;
- (10) Giấy tờ tùy thân: loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (11) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về sự kiện hộ tịch thay đổi

- (12) Nội dung hộ tịch thay đổi;
- (13) Giấy tờ chứng minh việc thay đổi hộ tịch: tên loại giấy tờ (số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp, tên quốc gia);
- (14) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu:...

Không

(15) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(16) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC GIÁM HỘ, NHẬN CHA, MẸ, CON

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc ⁽⁴⁾

cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Là: ⁽⁵⁾ **của người có tên dưới đây:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã được giải quyết theo ⁽⁶⁾

sốdo ⁽⁷⁾

.....cấp ngày..... tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:....., ngày ... tháng năm

Người yêu cầu
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không
Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (giám hộ, nhận cha, mẹ, con).

(5) Ghi rõ mối quan hệ: là cha/mẹ/con/người giám hộ.

(6) Ghi rõ tên giấy tờ chứng minh sự kiện hộ tịch đã được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

(7) Ghi rõ tên cơ quan nước ngoài đã giải quyết sự kiện hộ tịch.

(8) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC GIÁM HỘ, NHẬN CHA, MẸ, CON

I. Thông tin về người yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con

(1) Họ, chữ đệm, tên;

(2) Số định danh cá nhân;

(3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về người giám hộ hoặc người nhận cha, mẹ, con

(5) Họ, chữ đệm, tên;

(6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(7) Giới tính;

(8) Dân tộc;

(9) Quốc tịch;

(10) Số định danh cá nhân;

(11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về người được giám hộ hoặc được nhận là cha, mẹ, con

(13) Họ, chữ đệm, tên;

(14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(15) Giới tính;

(16) Dân tộc;

(17) Quốc tịch;

(18) Số định danh cá nhân;

(19) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về việc đăng ký giám hộ, nhận cha, mẹ, con

(21) Nơi đăng ký việc nhận cha, mẹ, con/giám hộ: tên cơ quan, tên quốc gia đã đăng ký;

(22) Giấy tờ chứng nhận việc nhận cha, mẹ, con/giám hộ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (số, ngày, tháng, năm cấp);

(23) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu:...

Không

(24) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(25) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

ỦY BAN NHÂN DÂN

⁽²⁶⁾CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:⁽²⁷⁾ /TLGCHT

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC ^(*)**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã được ghi vào Sổ

..... số..... Quyền số

Nội dung ghi:⁽³⁾Theo:⁽⁴⁾

số..... do

..... cấp ngày..... tháng năm

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

^(*) Trích lục này sử dụng cho thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (ngoài các việc khai sinh, kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn).

⁽²⁶⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁷⁾ Ghi theo số đăng ký trong Sổ hộ tịch tương ứng.

⁽³⁾ Ghi theo nội dung đã được ghi vào Sổ hộ tịch (Ví dụ:Được thay đổi họ từ Nguyễn Thị Lan thành Smith Thị Lan)

⁽⁴⁾ Ghi tên loại giấy tờ hộ tịch, số, tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch hoặc cấp giấy tờ xác nhận sự kiện hộ tịch đã được đăng ký/giải quyết, ngày đăng ký/cấp giấy tờ đó.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:⁽²⁾ /TLGCHT-BS

..., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã được ghi vào Sổ⁽³⁾**Nội dung ghi:**⁽⁴⁾Theo: ⁽⁵⁾

số.....do..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi ghi:⁽⁶⁾**Thực hiện trích lục từ:**⁽⁷⁾**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)*

Chú thích

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch.
- (3) Ghi rõ loại Sổ hộ tịch (Ví dụ: Sổ đăng ký khai tử, Sổ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc...).
- (4) Ghi theo nội dung đã được ghi vào sổ hộ tịch (Ví dụ:Được thay đổi họ từ Nguyễn Thị Lan thành Smith Thị Lan).
- (5) Ghi tên loại giấy tờ hộ tịch, số, tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch hoặc cấp giấy tờ xác nhận sự kiện hộ tịch đã được đăng ký/giải quyết, ngày đăng ký/cấp giấy tờ đó.
- (6) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch (theo đủ cấp hành chính), tên sổ hộ tịch, quyển số, số đăng ký trong sổ và ngày thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch.
Ví dụ: UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Sổ đăng ký khai tử, quyển số 01, số 123, ngày 18/8/2020.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

13. Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (QT-QH-13)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài. Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và

	<p>biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã nộp đủ các giấy tờ hiện có (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký lại khai sinh, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy khai sinh, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình 	X	

	(theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh); bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. + Trường hợp người yêu cầu không có giấy tờ nêu trên thì phải nộp bản sao giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ như: Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân. Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
-	<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong 		

tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; *số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử*. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại khai sinh theo quy định pháp luật hộ tịch.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy

	<p>bỏ kết quả đăng ký lại khai sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài đã đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh đều bị mất. - Người có yêu cầu còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại khai sinh. - Người yêu cầu có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao giấy tờ, tài liệu có nội dung liên quan đến việc đăng ký lại khai sinh. 		
3.5	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh (bản chính); bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thực hiện đăng ký lại khai sinh. - Trường hợp việc khai sinh trước đây được đăng ký tại UBND cấp xã thì việc đăng ký lại khai sinh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trên thực hiện. - Trường hợp khai sinh trước đây được đăng ký tại UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì việc đăng ký lại khai sinh do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện. <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>		
3.8	Lệ phí, Phí		
	- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối		

	với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 50.000 đồng - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục				
3.9 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính <i>hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</i></p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký lại khai sinh; nộp phí cấp bản sao Giấy khai sinh nếu có yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh.</p> <p>- <i>Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</i></p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền</i> - <i>Lĩnh vực Hộ tịch,</i> - <i>Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài</i> <p><i>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai sinh (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực</i></p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p><i>Tờ khai đăng ký lại khai sinh</i></p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai sinh</i></p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<i>tuyên hoặc bằng cách thức khác theo quy định, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</i>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký lại</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	

	khai sinh.				
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)	Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ	
B4	Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ	Công chức Phòng Tư pháp	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc.	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	

<p>sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>Trường hợp việc đăng ký khai sinh trước đây được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp thì Phòng Tư pháp có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã/Sở Tư pháp nơi thực hiện việc đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ Sổ hộ tịch.</p> <p>Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã/Sở Tư pháp đã đăng ký khai sinh trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được Sổ hộ tịch.</p> <p>Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.</p> <p>+ Sau khi nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được Sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký khai sinh hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng</p>				
---	--	--	--	--

	<p>ký lại khai sinh theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký lại khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại khai sinh theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức in Giấy khai sinh, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh bản điện tử	Trưởng phòng Tư pháp	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm	Hồ sơ	

			việc.		
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện đóng dấu, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa	- Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Giấy khai sinh; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>) 2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính 3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của luật hộ tịch. 4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) 5. Trả công dân: Giấy khai sinh (bản chính); bản sao Giấy khai sinh. 7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân 8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân	Trong giờ hành chính	- Giấy khai sinh - Sổ đăng ký khai sinh	
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tư pháp	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký lại khai sinh (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị quan đăng ký lại khai sinh cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký khai sinh tại: ⁽⁶⁾

Giấy khai sinh số: ⁽⁷⁾, quyển số ⁽⁷⁾ ngày /
...../.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

pháp)

Biểu mẫu điện tử tương tác khai sinh (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁸⁾: Có , Không
Số lượng: bản

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại khai sinh

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ cơ sở y tế đó; trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh) nơi sinh ra; trường hợp không rõ nơi sinh đầy đủ thì chỉ ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Ghi tên cơ quan đã đăng ký khai sinh trước đây.

(7) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

(8) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký lại khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin: ngày, tháng, năm; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán;
- (13) Số định danh cá nhân;
- (14) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm.

III. Thông tin về người mẹ của người được đăng ký lại khai sinh

- (15) Họ, chữ đệm, tên;
- (16) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin: ngày, tháng, năm);
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;
- (19) Số định danh cá nhân;
- (20) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (21) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được đăng ký lại khai sinh

- (22) Họ, chữ đệm, tên;
- (23) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 3 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (24) Dân tộc;
- (25) Quốc tịch;

- (26) Số định danh cá nhân;
 (27) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
 (28) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

V. Thông tin về việc đăng ký khai sinh trước đây

- (29) Cơ quan đăng ký khai sinh trước đây;
 (30) Giấy khai sinh (số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký);
 (31) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

- (32) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy khai sinh, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điện tử động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại Cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: ⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ ⁽⁴⁾.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

⁽²⁾

Số: ⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

14. Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (QT-QH-14)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân. Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ

<p>tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</p> <p>- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Văn bản cam đoan về việc chưa được đăng ký khai sinh;</p>	X	

<p>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, <i>thẻ căn cước</i>, <i>Căn cước điện tử</i>, <i>Giấy chứng nhận căn cước</i>, Hộ chiếu; giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản</p>		

chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; *số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử*. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký khai sinh theo quy định pháp luật hộ tịch.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh.

- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.

	Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.				
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ				
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (bản chính hoặc bản sao được chứng thực hợp lệ) như: giấy tờ tùy thân; Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trong đó có ghi nơi sinh tại Việt Nam.				
3.5	Thời gian xử lý				
	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.				
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh (bản chính), bản sao Giấy khai sinh(trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của người Việt Nam định cư tại nước ngoài. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.8	Lệ phí, Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 50.000 đồng - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính <i>hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố</i>	Công dân		Thành phần hồ sơ theo	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

B1	<p>(https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ đăng ký khai sinh tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký khai sinh; nộp phí cấp bản sao Giấy khai sinh nếu có yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh.</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			Mục 3.2	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả</p>	Công chức Bộ phận Một cửa		<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p>	

	<p>cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh.</p>			<p>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>02 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	

	<p>hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>				
B4	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến). Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>- Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc.</p>	<p>Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

	<p>trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.</p> <p>+ Sau khi nhận được kết quả xác minh hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức in Giấy khai sinh, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh	Trưởng phòng	- Không quá 02	Hồ sơ	

	bản điện tử	Tư pháp	ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc		
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, bàn giao cho Bộ phận Một cửa.	- Công chức Phòng Tư pháp - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Giấy khai sinh; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả mời công dân đến nhận
B7	1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>) 2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính 3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của luật hộ tịch. 4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) 5. Trả kết quả: Giấy khai sinh (bản chính), bản sao Giấy khai sinh 7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân 8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân đề nghị đăng ký khai sinh	Trong giờ hành chính	- Sổ theo dõi hồ sơ - Giấy khai sinh - Sổ đăng ký khai sinh	
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tư pháp	Trong giờ hành chính	Sổ đăng ký khai sinh, hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch

					vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký khai sinh (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác khai sinh (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

.....

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ (nếu cha, mẹ trẻ đã ĐKKH): Số:....., Quyền số:, đăng ký ngày tháng năm tại.....

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không
Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

⁽²⁾*Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.*

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ *Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước(ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).*

⁽⁴⁾ Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số định danh cá nhân;

(16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(17) Dân tộc;

(18) Quốc tịch;

(19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

(20) Họ, chữ đệm, tên;

(21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: ⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ ⁽⁴⁾.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số: ⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

15. Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (QT-QH-15)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài. Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và

	<p>biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
<p>3.2</p>	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại kết hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký lại kết hôn, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	<p>X</p>	

<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn.</p>		X
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của cả hai bên có yêu cầu đăng ký lại kết hôn. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy</p>		

	<p>ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy chứng nhận kết hôn), người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại kết hôn theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại kết hôn không cung cấp được giấy tờ nêu trên quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại kết hôn.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>- Việc kết hôn đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký kết hôn và bản chính Giấy chứng nhận kết hôn đều bị mất.</p> <p>- Cả hai bên yêu cầu đăng ký lại kết hôn còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại kết hôn.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<p>- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), mỗi bên vợ, chồng 01 bản.</p> <p>- Bản điện tử Trích lục kết hôn (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Công Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Công Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây.</p> <p>+ Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì việc đăng ký lại do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trên thực hiện.</p> <p>+ Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì việc đăng ký lại do UBND cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực</p>		

	hiện; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì do UBND cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.8	Lệ phí, Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu) - Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 1.000.000đ - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</i> (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ đăng ký lại kết hôn tại Bộ phận một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký lại kết hôn. - <i>Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</i> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền</i> 	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p><i>Tờ khai đăng ký lại kết hôn</i></p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại kết hôn</i></p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p>- Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại kết hôn (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ,</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p>	

	<p>hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký lại kết hôn.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>02 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>- Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>- không quá 02 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

<p>bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>Trường hợp việc đăng ký kết hôn trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp thì công chức Phòng Tư pháp báo cáo Trưởng phòng Tư pháp có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã/Sở Tư pháp nơi đăng ký kết hôn trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ Sổ hộ tịch.</p> <p>Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Sở Tư pháp/Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được Sổ hộ tịch.</p> <p>+ Sau khi nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được Sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký kết hôn hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ</p>		việc.		
---	--	-------	--	--

	<p>đăng ký lại kết hôn theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký lại kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại kết hôn theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Giấy chứng nhận kết hôn điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy chứng nhận kết hôn điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức làm công tác hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký lại kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức Phòng Tư pháp in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số</p>				
B5	<p>Trưởng Phòng Tư pháp ký Giấy chứng nhận kết hôn bản giấy, ký số Giấy chứng nhận kết hôn bản điện tử</p>	<p>Trưởng phòng Tư pháp</p>	<p>- không quá 02 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12</p>	<p>Giấy chứng nhận kết hôn; Hồ sơ</p>	

			ngày làm việc		
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện đóng dấu, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa	- Công chức Phòng Tư pháp - Văn thư UBND cấp huyện - Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Hai bên Nam, Nữ phải có mặt tại UBND cấp huyện, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn và ký tên vào Sổ đăng ký kết hôn, ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Đóng dấu của UBND cấp huyện</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), mỗi bên vợ, chồng 01 bản; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p>	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công dân	Trong giờ hành chính	Giấy chứng nhận kết hôn	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức	Trong giờ	Sổ đăng	

		Phòng Tư pháp	hành chính	ký kết hôn, hồ sơ	
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký lại kết hôn (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục kết hôn (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác kết hôn (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KẾT HÔN

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan đăng ký lại kết hôn theo nội dung dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: ⁽²⁾Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: ⁽²⁾Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký kết hôn tại: ⁽⁴⁾
ngày tháng năm

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: ⁽⁵⁾, Quyền số: ⁽⁵⁾

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng: bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại kết hôn.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký kết hôn trước đây.

⁽⁵⁾ Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ LẠI KẾT HÔN**

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại kết hôn

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin người vợ

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Dân tộc;
- (8) Quốc tịch;

(9) Số định danh cá nhân;

(10) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(11) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin người chồng

(12) Họ, chữ đệm, tên;

(13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(14) Dân tộc;

(15) Quốc tịch;

(16) Số định danh cá nhân;

(17) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về việc đăng ký kết hôn trước đây

(19) Nơi đăng ký kết hôn trước đây;

(20) Giấy chứng nhận kết hôn (số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký);

(21) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(22) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký lại kết hôn nhận Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:..... Dân tộc:.....

Quốc tịch:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:..... Nơi cư trú:.....

Giấy tờ tùy thân:..... Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký kết hôn:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

Vợ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chồng

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)

Số: (2) /TLKH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)**Họ, chữ đệm, tên vợ:**..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại (3)

Số..... ngày..... tháng..... năm.....

Ghi chú:(4)**Thực hiện trích lục từ:** (5)**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC**
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

16. Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài(QT-QH-16)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài. Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ

	<p>tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác thực hiện đăng ký lại khai tử, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng tử/Trích lục khai tử, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	

<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ. Nếu không có bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p style="padding-left: 20px;">- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai tử. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. - Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ 		

	<p>liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử), người có yêu cầu đăng ký lại khai tử phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại khai tử theo quy định pháp luật hộ tịch. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người có yêu cầu đăng ký lại khai tử không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại khai tử. 		
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Việc khai tử của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của người nước ngoài đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai tử và bản chính Giấy chứng tử đều bị mất.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục khai tử (bản chính), bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử). - Bản điện tử Trích lục khai tử (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) 		

	<p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi đăng ký khai tử cho người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư tại nước ngoài trước đây đăng ký lại khai tử;</p> <p>- Trường hợp việc đăng ký khai tử trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trên thực hiện đăng ký lại khai tử;</p> <p>- Trường hợp việc đăng ký khai tử trước đây thực hiện tại UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì UBND cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người yêu cầu không cư trú tại Việt Nam thì UBND cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện đăng ký lại khai tử.</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>				
3.8	Lệ phí, Phí				
	<p>- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Công Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu)</p> <p>- Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp huyện: Lệ phí: 50.000đ</p> <p>- Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục</p>				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính <i>hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia</i> (https://dichvucong.gov.vn) <i>hoặc Cổng dịch vụ công thành phố</i> (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>- Nếu nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký lại khai tử; nộp phí cấp bản sao Trích lục khai tử nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử.</p> <p>- <i>Nếu nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</i></p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p><i>Tờ khai đăng ký lại khai tử</i></p> <p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai tử</i></p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu và VNeID

	<p>- Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài</p> <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai tử (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra ính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

	<p>lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu đăng ký lại khai tử không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký lại khai tử.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>02 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>- không quá 02 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 04 ngày làm việc.</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

<p>khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại khai tử theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký lại khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại khai tử theo hình thức trực tuyến, công chức Phòng Tư pháp gửi lại biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký lại khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch. Công chức</p>				
---	--	--	--	--

	Phòng Tư pháp trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số Trích lục khai tử				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số Trích lục khai tử	Trưởng phòng Tư pháp	- không quá 02 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 04 ngày làm việc	Trích lục khai tử; Hồ sơ	
B6	Công chức Phòng Tư pháp chuyển kết quả từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư UBND cấp huyện đóng dấu, bàn giao cho Bộ phận Một cửa.	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ làm việc	Trích lục khai tử; Hồ sơ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	<ol style="list-style-type: none"> Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (<i>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</i>) Xác nhận đã đối chiếu bản chính Đề nghị công dân kiểm tra thông tin trên Trích lục khai tử, trong Sổ đăng ký khai tử và ký tên vào Sổ đăng ký khai tử. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) Trả kết quả cho công dân: Trích lục khai tử (bản chính), bản sao Trích lục khai tử Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân 	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Trích lục khai tử	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia

	7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa				
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Phòng Tu pháp	Trong giờ hành chính	- Sổ đăng ký khai tử, Hồ sơ	
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký lại khai tử (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục khai tử (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác khai tử (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KHAI TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

.....

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại khai tử cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú cuối cùng: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết: ⁽⁴⁾

Đã đăng ký khai tử tại: ⁽⁵⁾ ngày tháng năm.....

Giấy chứng tử/Trích lục khai tử số: ⁽⁶⁾, quyển số: ⁽⁶⁾

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Đề nghị cấp bản sao⁽⁷⁾: Có , Không

Số lượng: bản

Chú thích:

⁽¹⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại khai tử.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾Trường hợp chưa xác định được thì để trống.

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký khai tử trước đây.

⁽⁶⁾ Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

⁽⁷⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ LẠI KHAI TỬ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại khai tử

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai tử.

II. Thông tin về người được đăng ký lại khai tử

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Số định danh cá nhân;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú cuối cùng (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi sinh sống trước khi chết);
- (11) Thời gian chết: giờ, phút, ngày, tháng, năm (tách biệt riêng các trường thông tin giờ, phút, ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi chết;
- (13) Nguyên nhân chết (có chú thích: nếu chưa xác định được/chưa rõ thì để trống).

III. Thông tin về việc đăng ký khai tử trước đây

- (14) Nơi đăng ký khai tử trước đây;
- (15) Giấy chứng tử/Trích lục khai tử (số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký);
- (16) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(17) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng tử/Trích lục khai tử, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký lại khai tử nhận Trích lục khai tử (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽²⁸⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁹⁾ /TLKT

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:⁽³⁾

Giấy tờ tùy thân:

.....

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày..... ghi bằng chữ:

.....

Nơi chết:

.....

Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử sốdo.....

.....cấp ngày

Họ, chữ đệm, tên người đi khai tử:

.....

Giấy tờ tùy thân:

.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

⁽²⁸⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục khai tử(ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁹⁾ Ghi theo Số trong Sổ đăng ký khai tử.

⁽³⁾ Chỉ ghi trong trường hợp đã được cấp Số định danh cá nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLKT-BS

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút,

ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾ ..Số: ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.

⁽³⁾ Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

17. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch (QT-QH-17)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch của cá nhân Công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi

	<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu điện tử tương tác đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch; - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); 	X	

<p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng</p>		

	<p>hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp nhận kết quả (Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.</p>				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính				
	<p>- Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch.</p> <p>- Bản điện tử Xác nhận thông tin hộ tịch (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp huyện nơi lưu trữ sổ hộ tịch.</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>				
3.7	Phí				
	8.000 đồng/ Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia</i> (https://dichvucong.gov.vn) hoặc <i>Cổng dịch vụ công thành phố</i> (https://dichvucong.hanoi.gov.vn). Cổng DVC kết nối với CSDLDC	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2 <i>Tờ khai xác nhận thông tin hộ tịch</i>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p>để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn: - Dịch vụ công trực tuyến, - UBND quận, huyện, thị xã có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch</p>			<p><i>Biểu mẫu điện tử tương tác xác nhận thông tin hộ tịch</i></p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. (i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung,</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 04 giờ</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

	<p>hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 04 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
	<p>Công chức Phòng Tư pháp truy cập vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch, thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại</p>	<p>Công chức Phòng Tư pháp</p>	<p>Không quá 01 ngày làm việc. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	

B4	<p>bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức Phòng Tư pháp lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tiếp, công chức Phòng Tư pháp tra cứu Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đánh máy, in Công văn trả lời trình Trưởng Phòng Tư pháp ký, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức làm công tác hộ tịch gửi lại nội dung Công văn trả lời điện tử tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Công văn trả lời và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu cấp xác nhận</p>				
----	--	--	--	--	--

	thông tin hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Tư pháp in Công văn trả lời, trình Trưởng Phòng Tư pháp ký số				
B5	Trưởng Phòng Tư pháp ký, ký số Công văn trả lời	Trưởng Phòng Tư pháp	Không quá 04 giờ làm việc	Hồ sơ	
B6	Công chức Phòng Tư pháp truy cập vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch hoàn thiện hồ sơ, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, chuyển Văn thư UBND cấp huyện đóng dấu, bàn giao cho Bộ phận Một cửa. (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)	-Công chức Phòng Tư pháp -Văn thư UBND cấp huyện	Không quá 04 giờ làm việc	Công văn trả lời	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	1. Thu phí xác nhận thông tin hộ tịch(8.000đ/văn bản) theo quy định 2. Trả kết quả cho công dân 3. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa 4. Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Công văn trả lời	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai xác nhận thông tin hộ tịch (đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác xác nhận thông tin hộ tịch (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THÔNG TIN HỘ TỊCH

Kính gửi⁽¹⁾:

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu/Tên cơ quan, tổ chức:

Nơi cư trú của cá nhân (*trường hợp chưa có số định danh cá nhân*)/Địa chỉ cơ quan, tổ chức: .

Số định danh cá nhân/Giấy tờ tùy thân⁽²⁾:

Quan hệ với người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch⁽³⁾:

Đề nghị cơ quan cấp Xác nhận thông tin hộ tịch cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:.....Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân⁽²⁾:.....

Lý do đề nghị xác nhận⁽⁴⁾:

Nội dung xác nhận⁽⁵⁾:.....

Tôi cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu⁽⁶⁾*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*Số lượng:.....bản⁽⁷⁾.Phương thức nhận kết quả⁽⁸⁾:.....**Chú thích:**

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đề nghị cấp Xác nhận thông tin hộ tịch.
- (2) Ghi số định danh cá nhân hoặc thông tin về loại giấy tờ tùy thân sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); ghi rõ số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm (*Ví dụ:* Căn cước công dân số 001089123500 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2021). Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị ghi tên, giấy tờ của người đại diện theo pháp luật;
- (3) Trường hợp đề nghị cấp xác nhận thông tin hộ tịch của mình thì ghi Bản thân; trường hợp đề nghị cấp xác nhận thông tin hộ tịch của người khác thì ghi rõ mối quan hệ với người được cấp xác nhận. Ví dụ: Vợ/chồng/con/thực hiện theo ủy quyền;
- (4) Mục này dành cho cơ quan, tổ chức đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch;
- (5) Nêu rõ, đầy đủ nội dung, thời điểm đăng ký ban đầu; nội dung, căn cứ và thời gian thực hiện các việc thay đổi, điều chỉnh thông tin hộ tịch tính đến thời điểm cấp văn bản xác nhận.
Ví dụ: Xác nhận thông tin về việc kết hôn mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền đã cho phép thực hiện việc thay đổi họ, chữ đệm, tên, cải chính năm sinh của người vợ hoặc người chồng hoặc hai vợ chồng đã ly hôn.
- (6) Trường hợp chủ thể yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch là cơ quan, tổ chức thì ký, đóng dấu của cơ quan, tổ chức theo quy định.
- (7) Ghi rõ số lượng đề nghị cấp.
- (8) Ghi rõ phương thức nhận kết quả: trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. Nếu nhận kết quả qua đường bưu chính thì phải cung cấp địa chỉ nơi nhận và nộp phí dịch vụ bưu chính

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THÔNG TIN HỘ TỊCH

I. Thông tin về người yêu cầu cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch.

II. Thông tin về người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nội dung xác nhận;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - Trực tiếp
 - Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Phụ lục 06

B. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

II. Lĩnh vực nuôi con nuôi

1. Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (QT-QH-30)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none">- Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu thực hiện ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.- Công chức Phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i>- Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện

	<p>pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i> 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi	X	
	Biểu mẫu điện tử tương tác ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi (nếu công dân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)		
	<p>Hộ chiếu hoặc Căn cước công dân do Cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu ghi chú việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (xuất trình bản chính để đối chiếu)</p> <p><i>Trường hợp các thông tin cá nhân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, được Hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến)</i></p>		X
	<p><i>Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú bao gồm: Căn cước công dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</i></p>		X

	<i>thì công dân không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</i>		
	Giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X
	Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc ghi chú. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.		X
	Văn bản chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được thực hiện phù hợp với điều ước quốc tế của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên).	X	
	<p>Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với giấy tờ xuất trình, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin đề ưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó + Người yêu cầu thực hiện thủ tục có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký theo quy định của pháp luật hộ tịch và pháp luật nuôi con nuôi, không được yêu cầu người đăng ký nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch và pháp luật nuôi con nuôi không quy định phải nộp. <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ thì người yêu cầu được sử dụng bản 		

	điện tử này. + Trường hợp nhận kết quả (Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định pháp luật hộ tịch và pháp luật nuôi con nuôi.				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính Việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau hoặc giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi trong các trường hợp: - Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên; - Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định pháp luật của nước ngoài, trừ trường hợp vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.				
3.5	Thời gian xử lý				
	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.7	Phí, Lệ phí				
	- Lệ phí: 50.000 đồng/việc. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản theo Thông tư số 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu Thông báo về việc đã

	<p>quốc gia hoặc Công dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp huyện có thẩm quyền.</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến - Quận, Huyện, Thị xã - Lĩnh vực Nuôi con nuôi - Thủ tục Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (trên Công dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ theo thành phần hồ sơ phải nộp.</p>				gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, in Giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. 	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, bàn giao cho công chức Phòng Tư pháp	Công chức Bộ phận Một cửa	01 giờ	- Hồ sơ	
	Công chức Phòng Tư pháp:	Công chức Phòng Tư pháp	- 02 giờ	- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ	
	- Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức trả lại hồ sơ kèm theo thông báo và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ		- Trường hợp xác		

B4	- Đối với hồ sơ không đủ điều kiện để tiếp tục giải quyết, công chức lập thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, trình ký chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho công dân - Đối với hồ sơ đủ điều kiện, trình Lãnh đạo Phòng xem xét		minh: 02 ngày		
B5	Trưởng Phòng xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét. - Nếu hồ sơ không hợp lệ chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng Phòng Tur pháp	02 giờ	Trích lục ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi; Hồ sơ	
B6	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét hồ sơ, ký giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 giờ	Trích lục ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi; Hồ sơ	
B7	Công chức Phòng Tur pháp chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Văn thư đóng dấu, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa. -Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định. (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo. Đối với trường hợp phải xác minh theo quy định thì tổng thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	Văn thư	01 giờ	Trích lục ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi	
B8	Trả kết quả cho công dân	Bộ phận một cửa	Trong giờ hành chính	Trích lục ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi	Thông tin đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi				
	- Trích lục ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan				

có thẩm quyền của nước ngoài.

- Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (bản sao). (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi:⁽¹⁾Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân:⁽³⁾

Đề nghị cơ quan ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Là con nuôi của:

Họ, chữ đệm, tên mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Họ, chữ đệm, tên cha:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Theo⁽⁴⁾..... số..... do⁽⁵⁾.....

cấp ngàytháng.....năm.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi.
- (2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.
- (3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).
- (4) Ghi rõ tên giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.
- (5) Ghi rõ tên cơ quan nước ngoài đã giải quyết việc nuôi con nuôi.
- (6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC NUÔI CON NUÔI**

I. Thông tin về người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về con nuôi

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính;
- (8) Dân tộc;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số định danh cá nhân;
- (11) Giấy tờ tùy thân Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về mẹ nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Dân tộc;
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Giấy tờ tùy thân Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về cha nuôi

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (22) Dân tộc;
- (23) Quốc tịch;

- (24) Số định danh cá nhân;
 (25) Giấy tờ tùy thân Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm);
 (26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

V. Thông tin về việc đăng nuôi con nuôi

- (27) Nơi đăng ký việc nuôi con nuôi tên cơ quan, tên quốc gia đã đăng ký;
 (28) Giấy tờ chứng nhận việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (số, ngày, tháng, năm cấp);
 (29) Đề nghị cấp bản sao
 Có
 Số lượng bản sao yêu cầu ...
 Không
 (30) Phương thức nhận kết quả
 Trực tiếp
 Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
 (31) Hồ sơ đính kèm theo quy định.
 * Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.
 * Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).
 * Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /-

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2025

TRÍCH LỤC

**Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết
tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài**

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:	Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:
.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....	Ngày, tháng, năm sinh:.....
Quốc tịch:.....	Quốc tịch:.....
.....
Hộ chiếu:.....	Hộ chiếu:.....
.....
.....
Nơi cư trú:.....	Nơi cư trú :.....
.....
.....
.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... **Giới tính:**.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... **Quốc tịch:**.....
Nơi sinh:.....
Nơi cư trú:.....
 Việc nuôi con nuôi được giải quyết tại.....theo.....³
 của.....⁴, cấp ngày..... tháng..... năm.....
 Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, số..... ngày.... tháng.....
 năm.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, dấu)

1 Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Châu Âu và Ngoại giao Cộng hòa Pháp cấp ngày 02/02/2015.

2 Ghi tên cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã giải quyết việc nuôi con nuôi. Ví dụ, Tòa án sơ thẩm thành phố Pa-ri (Paris), Cộng hòa Pháp.

3 Ghi tên giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Giấy tờ này có thể là Phán quyết của tòa án, hoặc Quyết định của cơ quan hành chính.

4 Ghi tên quốc gia giải quyết việc nuôi con nuôi. Ví dụ, Cộng hòa Pháp.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2025

Số1:/-

78TRÍCH LỤC

**Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết
tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
(BẢN SAO)**

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:.....

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu²:.....

Hộ chiếu²:.....

Nơi cư trú :.....

Nơi cư trú :.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... **Giới tính:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... **Quốc tịch:**

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi tại:.....

số..... ngày..... tháng..... năm.....³

Thực hiện trích lục từ⁴ :.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, dấu)

1 Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch.

2 Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Châu Âu và Ngoại giao Cộng hòa Pháp cấp ngày 02/02/2015.

3 Ghi tên cơ quan đã thực hiện ghi vào sổ, số đăng ký, ngày, tháng, năm thực hiện ghi vào sổ. Ví dụ: Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, số 01, ngày 19/11/2020.

4 Ghi rõ thực hiện việc trích lục từ Sổ đăng ký nuôi con nuôi hay từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Phụ lục 07

B. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

III. Lĩnh vực chứng thực

1. Quy trình: Cấp bản sao từ sổ gốc (QT-QH-18)

1	Mục đích		
	Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc		
2	Phạm vi		
	Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p> <p>3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;</p> <p>4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>6. Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người có gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình <i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i>			X
	Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo <i>bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng</i> , phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao			X
	Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong ngày UBND cấp huyện tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. Hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện.			
3.6	Phí			
	8.000 đồng/ 1 bản sao			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả

B1	<p>Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền; hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện.</p>	Công dân	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Bộ phận TN & TKQ	01 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Hồ sơ
B3	<p>Công chức Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận TN & TKQ thụ lý hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp không tìm thấy sổ gốc hoặc trong sổ gốc không có thông tin về nội dung yêu cầu cấp bản sao thì trả lời cho công dân.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao cho người yêu cầu; + Nội dung bản sao phải ghi theo đúng nội dung đã ghi trong sổ gốc. 	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

B4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	01 giờ	Trích lục bản sao từ sổ gốc: Bản giấy/bản điện tử
B5	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư phòng Tư pháp	0.5 giờ	Trích lục bản sao từ sổ gốc: Bản giấy/bản điện tử
B6	Công chức Phòng Tư pháp tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	- Sổ theo dõi hồ sơ - Trích lục bản sao từ sổ gốc: Bản giấy/bản điện tử
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	
4	Biểu mẫu			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ 3. Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 4. Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả 5. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 6. Sổ theo dõi hồ sơ. 			

2. Quy trình: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (QT-QH-20)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận thuộc thẩm quyền của Phòng Tư pháp cấp huyện.
2	Phạm vi
	<p>- Áp dụng đối với việc Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.</p> <p>- Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này</p>
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2024 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; 3. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

	8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp. Bản sao, chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính	x		
3.3	Số lượng hồ sơ: Không quy định			
3.4	Thời gian xử lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày Phòng Tư pháp cấp huyện tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà Phòng Tư pháp cấp huyện không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp	Cá nhân /Tổ chức	Trong giờ	Theo Mục 3.2

	huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.		hành chính	
B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	<p>-Sổ theo dõi hồ sơ</p> <p>- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p>
B3	Thực hiện đối chiếu bản chính với bản sao, đóng dấu chứng thực, ghi số chứng thực, vào sổ	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ	Hồ sơ
B4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	01 giờ	Bản sao được chứng thực từ bản chính: Bản giấy/bản điện tử
B5	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Bản sao được chứng thực từ bản chính: Bản giấy/bản điện tử

B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	- Sổ theo dõi hồ sơ - Bản sao được chứng thực từ bản chính: Bản giấy/bản điện tử
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

3. Quy trình: Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (QT-QH-21)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được).		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được). - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i>				X
	Giấy tờ, văn bản mà công dân sẽ ký/điểm chỉ. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch).			X	
3.3	Số lượng hồ sơ				
	Không quy định				
3.4	Thời gian xử lý				
	Trong ngày Phòng Tư pháp cấp huyện tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.6	Phí				
	10.000 đồng/trường hợp				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền	Cá nhân	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2	

B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	<p>Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thì hướng dẫn để công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo 	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	01 giờ	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
B5	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố,	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ

	bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.			- Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	- Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

4. Quy trình: Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (QT-QH-22)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch. - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p> <p>3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;</p> <p>4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực xuất trình <i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử</i>		X

	để người thực hiện chứng thực kiểm tra và nộp 01 (một) bộ hồ sơ .			
	Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			X
	Dự thảo hợp đồng, giao dịch sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			X
	Trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.			X
	Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.			
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày Phòng Tư pháp cấp huyện tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2

B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Thực hiện sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	01 giờ	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B5	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ Hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản

				giấy/bản điện tử
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	-Hợp đồng, giao dịch được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

5. Quy trình: Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (QT-QH-23)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch. - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i>		X

	Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		
	Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		
	<i>Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình bản chính để đối chiếu).</i>	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày Phòng Tư pháp cấp huyện tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	Thực hiện việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ	Hồ sơ trình
B4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	01 giờ	Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật: Bản giấy/bản điện tử
B5	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật: Bản giấy/bản điện tử
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	- Sổ theo dõi hồ sơ Hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	- Hợp đồng, giao dịch được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử

4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

6. Quy trình: Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (QT-QH-24)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực. - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực xuất trình <i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn</i>		X

	<i>cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i>			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	Không quy định			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong ngày Phòng Tư pháp cấp huyện tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân /Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. -Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	Chụp từ bản chính hợp đồng giao dịch đang được lưu trữ	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ	Hồ sơ trình
B4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	01 giờ	Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B5	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử - Sổ theo dõi hồ sơ Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	- Bản sao hợp đồngm giao dịch được chứng thực : Bản giấy/bản điện tử

4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

7. Quy trình: Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp (QT-QH-26)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ</i>		X

	<i>chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử;</i>		
	Bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực bằng cử nhân ngoại ngữ trở lên về thứ tiếng nước ngoài cần dịch hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với thứ tiếng nước ngoài cần dịch; trừ trường hợp dịch ngôn ngữ không phổ biến mà người dịch không có bằng cử nhân ngoại ngữ, bằng tốt nghiệp đại học nhưng thông thạo ngôn ngữ cần dịch		X
	Bản dịch đính kèm giấy tờ, văn bản cần dịch.	X	
	<p>* Phòng Tư pháp chỉ chứng thực chữ ký người dịch không phải là cộng tác viên khi người đó tự dịch giấy tờ, văn bản của mình.</p> <p>* Giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch: + Giấy tờ, văn bản đã bị tẩy xóa, sửa chữa; thêm, bớt nội dung không hợp lệ. + Giấy tờ, văn bản bị hư hỏng, cũ nát không xác định được nội dung. + Giấy tờ, văn bản đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được dịch. + Giấy tờ, văn bản có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. + Giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, trừ giấy hộ chiếu, thẻ căn cước, thẻ thường trú, thẻ cư trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ: Không quy định		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong ngày Phòng Tư pháp cấp huyện tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.		
3.6	Phí		
	10.000 đồng/trường hợp		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2
B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	<p>Công chức Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thì hướng dẫn để công dân bổ sung, hoàn thiện - Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo 	Công chức Phòng Tư pháp	02 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	01 giờ	Giấy tờ, văn bản được

	văn thư đề phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu			chứng thực chữ ký người dịch: Bản giấy/bản điện tử
B5	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Sổ theo dõi hồ sơ Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch: Bản giấy/bản điện tử
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch: Bản giấy/bản điện tử
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký người dịch: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

8. Quy trình: Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản (QT-QH-27)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i></p>		

	Dự thảo hợp đồng, giao dịch		X	
	Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu)			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ;	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Công chức Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thì hướng dẫn để công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo 	Công chức Phòng Tư pháp	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B4	Soạn thảo dự thảo Hợp đồng, trình lãnh đạo Phòng Tư pháp xem xét	Công chức Phòng Tư pháp	04 giờ	Hồ sơ trình
B5	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	04 giờ	<p>Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử</p>
B6	Văn thư phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	<p>Sổ theo dõi hồ sơ</p> <p>Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử</p>

B7	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B8	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

9. Quy trình: Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản (QT-QH-28)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Dự thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản	X	

	Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân, Căn cước, Căn cước điện tử, hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu)			X
	Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	50.000 đồng/văn bản			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. -Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ;	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Công chức Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thì hướng dẫn để công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo 	Công chức Phòng Tư pháp	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B4	Soạn thảo dự thảo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, trình lãnh đạo Phòng Tư pháp xem xét	Công chức Phòng Tư pháp	04 giờ	Hồ sơ
B5	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	04 giờ	Văn bản khai nhận di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B6	Văn thư Phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Sổ theo dõi hồ sơ Văn bản khai nhận di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B7	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Văn bản thỏa thuận phân

	thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.			chia di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B8	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	Văn bản khai nhận di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

10. Quy trình: Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản (QT-QH-29)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản. - Lãnh đạo, công chức thuộc Phòng Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn</i>		

	<i>cước điện tử và nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.</i>			
	Dự thảo văn bản khai nhận di sản			X
	Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	50.000 đồng/văn bản			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo Mục 5.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Công chức Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì hướng dẫn để công dân bổ sung, hoàn thiện - Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo 	Công chức Phòng Tư pháp	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B4	Soạn thảo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, trình lãnh đạo Phòng Tư pháp	Công chức Phòng Tư pháp	04 giờ	Hồ sơ
B5	Lãnh đạo Phòng Tư pháp ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Phòng Tư pháp	04 giờ	Văn bản khai nhận di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B6	Văn thư Phòng Tư pháp phát hành bản giấy và bản điện tử	Văn thư Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Sổ theo dõi hồ sơ
B7	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Phòng Tư pháp	0.5 giờ	Văn bản khai nhận di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử Văn bản thỏa

				thuận phân chia di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B8	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	Văn bản khai nhận di sản được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

C. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

III. Lĩnh vực chứng thực

1. Quy trình: Cấp bản sao từ sổ gốc (QT-XP-19)

1	Mục đích Quy định trình tự và cách thức thực hiện Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc		
2	Phạm vi - Áp dụng đối với hoạt động Cấp bản sao từ sổ gốc - Áp dụng đối với lãnh đạo, công chức thuộc UBND cấp xã - Áp dụng đối với Bộ phận TN&TKQ		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p> <p>3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;</p> <p>4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>6. Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người có gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình <i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i>			X
	Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao.			X
	Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. Hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện.			
3.6	Phí			
	8.000 đồng/ 1 bản sao			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
T	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
T				

B1	<p>Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền; hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện.</p>	Công dân	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. -Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. -Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	<p>-Sổ theo dõi hồ sơ</p> <p>- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p>
B3	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch thâm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không tìm thấy sổ gốc hoặc trong sổ gốc không có thông tin về nội dung yêu cầu cấp bản sao thì trả lời cho công dân. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: <ul style="list-style-type: none"> + Căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao cho người yêu cầu; + Nội dung bản sao phải ghi theo 	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02 giờ	<p>Sổ cấp bản sao trích lục;</p> <p>Trích lục bản sao;</p> <p>Công văn trả lời không có thông tin</p>

	đúng nội dung đã ghi trong sổ gốc.			
B4	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 giờ	Trích lục bản sao được cấp từ sổ gốc
B5	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	Trích lục bản sao được cấp từ sổ gốc
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	Sổ theo dõi hồ sơ Bản sao được cấp từ sổ gốc
4	Biểu mẫu			
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ 3. Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 4. Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả 5. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 6. Sổ theo dõi hồ sơ 7. Đơn đề nghị cấp bản sao từ sổ gốc 8. Bản sao được cấp từ sổ gốc 			

2. Quy trình: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (QT- XP-20)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.
2	Phạm vi
	<p>- Áp dụng đối với việc Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.</p> <p>- Lãnh đạo, công chức Tư pháp, Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC</p>
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Thủ đô ngày 28/06/2024; 2. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 3. Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2024 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; 4. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 5. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 6. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 7. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 8. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. 9. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

	<p>10. Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho công chức cấp xã thuộc ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>11. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực.</p> <p>Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp. Bản sao, chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.</p>	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	<p>- Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà UBND cấp xã thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>		
3.6	Phí		
	<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp huyện; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân /Tổ chức	Trong giờ hành	Theo mục 3.2
B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	-Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đối chiếu bản chính với bản sao, (đóng dấu chứng thực, ghi số chứng thực, vào sổ) - Trình lãnh đạo UBND cấp xã ký/ký số. - Trường hợp công chức Tư pháp - Hộ tịch được Chủ tịch UBND ủy 	Công chức Tư pháp - Hộ tịch; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã;	03 giờ	Hồ sơ

	quyền ký /ký số. Hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức tham mưu			
B4	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	Bản sao được chứng thực từ bản chính:
B5	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	Bản giấy/bản điện tử - Sổ theo dõi hồ sơ - Bản sao được chứng thực từ bản chính: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

3. Quy trình: Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (QT-XP-21)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được). - Áp dụng đối với lãnh đạo, công chức thuộc UBND cấp xã, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Thủ đô ngày 28/06/2024; 2. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 3. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 4. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 6. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 7. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. 8. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 9. Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho công chức cấp xã thuộc ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; 10. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành

	chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.		
3.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<p>Trường hợp không được chứng thực chữ ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực chữ ký không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. + Người yêu cầu chứng thực chữ ký xuất trình Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu không còn giá trị sử dụng hoặc giả mạo. + Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. + Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 24 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác. 		
3.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i>	X	
	Giấy tờ, văn bản mà công dân sẽ ký/điểm chỉ.	X	
3.4	Số lượng hồ sơ		
	Không quy định		
3.5	Thời gian xử lý		
	Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.		
3.6	Phí		
	10.000 đồng/trường hợp		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.3
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. -Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. -Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Công chức Tư pháp - Hộ tịch thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu cần bổ sung thì hướng dẫn để công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Lãnh đạo UBND cấp xã hoặc Công	Lãnh đạo UBND	01 giờ	Giấy tờ, văn bản

	chức Tư pháp - Hộ tịch được Chủ tịch UBND ủy quyền ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	cấp xã hoặc Công chức Tư pháp - Hộ tịch		được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
B5	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	Bản giấy/bản điện tử - Sổ theo dõi hồ sơ - Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	- Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

4. Quy trình: Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (QT-XP-22)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch. - Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ thực hiện Quy trình này. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p> <p>3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;</p> <p>4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.		
3.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực xuất trình <i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn</i>	X	

	<i>cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử</i> để người thực hiện chứng thực kiểm tra và nộp 01 (một) bộ hồ sơ.						
	Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;				X		
	Văn bản thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;				X		
	Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.				X		
	Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.						
3.4	Số lượng hồ sơ						
	01 bộ						
3.5	Thời gian xử lý						
	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.						
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả						
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.						
3.7	Phí						
	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch						
3.8	Quy trình xử lý công việc						
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả			
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính				

	Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
B2	<p>Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ:</p> <p>Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>	Công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	-Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Công chức Tư pháp - Hộ tịch thẩm định, trình dự thảo việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 giờ	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B5	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	Hợp đồng, giao dịch được

	thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.			chứng thực
B7	Thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	-Hồ sơ -Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch -Hợp đồng, giao dịch được chứng thực
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

5. Quy trình: Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (QT-XP-23)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch. - Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ thực hiện Quy trình này. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p> <p>3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;</p> <p>4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐ-VHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử.</i>		X

	Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		
	Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X		
	<i>Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình bản chính để đối chiếu).</i>		X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.	Công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	-Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Thực hiện việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.</p> <p>Trình Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký chứng thực.</p>	<p>Công chức Tur pháp - Hộ tịch</p>	02 giờ	<p>Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật</p>
B4	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tur pháp – Hộ tịch tham mưu</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã</p>	01 giờ	<p>Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật</p>
B5	<p>Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử</p>	<p>Công chức Văn phòng – Thống kê</p>	0.5 giờ	<p>Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật: Bản giấy/bản điện tử - Sổ theo dõi hồ sơ</p>
B6	<p>Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.</p>	<p>Công chức Tur pháp - Hộ tịch</p>	0.5 giờ	<p>- Sổ theo dõi hồ sơ - Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch</p>

B7	Công chức Bộ phận TN&TKQ, thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	- Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

6. Quy trình: Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (QT-XP-24)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực. - Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ thực hiện Quy trình này. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn</i>	X	

	<i>cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử và nộp 01 (một) bộ hồ sơ.</i>			
	Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			
	Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			
3.3	Số lượng hồ sơ: Không quy định			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân /Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. -Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả	Công chức Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	-Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	Chụp từ bản chính hợp đồng giao dịch đang được lưu trữ	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02 giờ	Hồ sơ
B4	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 giờ	Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B5	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	-Hồ sơ -Sổ theo dõi hồ sơ - Sổ chứng thực bản sao từ từ bản chính
B7	Công chức Bộ phận TN&TKQ, thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận N&TKQ	Trong giờ hành chính	- Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực:

				Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

7. Quy trình: Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở (QT-XP-25)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản - Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy</i>		

	<i>tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử và nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực</i>			
	Dự thảo hợp đồng, giao dịch			X
	Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu)			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã			
3.6	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Thẩm định hồ sơ:</p> <p>- Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ	<p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p>
B4	Trình Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký: Ký/ký số.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ	Hồ sơ
B5	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	04 giờ	Hợp đồng, giao dịch
B6	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5	Hợp đồng, giao dịch

B7	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực : Bản giấy/bản điện tử; Sổ theo dõi hồ sơ
B8	Công chức Bộ phận TN&TKQ thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	- Hồ sơ - Hợp đồng, giao dịch được chứng thực: Bản giấy/bản điện tử
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

8. Quy trình: Chứng thực Di chúc (QT-XP-26)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Chứng thực di chúc		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc chứng thực di chúc - Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Dự thảo di chúc	X	
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập</i>		X

	<i>cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử và nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực</i>			
	Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu)			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	50.000 đồng/di chúc			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	-Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>sơ.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo:</p> <p>- Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực người lập di chúc tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu cần giải trình và bổ sung thêm, cán bộ thụ lý hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản để công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	08 giờ	<p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p>
B4	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	04 giờ	Hồ sơ
B6	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	Di chúc được chứng thực

B7	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	Di chúc được chứng thực
B8	Công chức Bộ phận TN&TKQ thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	-Sổ theo dõi chứng thực hợp đồng, giao dịch -Di chúc đã chứng thực
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

9. Quy trình: Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (QT-XP-27)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản - Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ thực hiện Quy trình này. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Dự thảo văn bản thỏa từ chối nhận di sản	X	
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử</i>		X

	và nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.			
	Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.			
3.6	Phí			
	50.000 đồng/văn bản			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. -Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ;	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>- Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>	Công chức Tư Pháp - Hộ tịch	04 giờ	<p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p>
B4	Trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký chứng thực.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ	Hồ sơ trình
B5	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	04 giờ	Văn bản từ chối nhận di sản được chứng thực
B6	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	Văn bản từ chối nhận di sản được chứng thực
	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	Văn bản từ chối nhận di

B7	thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.			sản được chứng thực
B8	Công chức Bộ phận TN&TKQ thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	Văn bản từ chối nhận di sản được chứng thực
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

10. Quy trình: Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (QT-XP-28)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở. - Lãnh đạo, công chức UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ thực hiện Quy trình này. 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p> <p>3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;</p> <p>4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</p> <p>8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Dự thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản	X	
	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng</i>		

	<i>thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử và nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.</i>				X
	Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu)				X
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.6	Phí				
	50.000 đồng/văn bản				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2	
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.	Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01 giờ	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	

	<p>-Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>-Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực. - Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu, công chức hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ 	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B4	Trình Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký chứng thực.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ	Hồ sơ
B5	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	04 giờ	Hồ sơ
B6	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực

B7	Công chức Bộ phận TN&TKQ đóng dấu, thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

11. Quy trình: Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở (QT-XP-29)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở		
2	Phạm vi		
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với việc thực hiện thủ tục Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở - Lãnh đạo, công chức thuộc UBND cấp xã, Bộ phận TN&TKQ thực hiện Quy trình này 		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. 3. Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 4. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 5. Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 6. Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; 7. Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 8. Quyết định số 100/QĐ-TTĐVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Dự thảo văn bản khai nhận di sản	X	

	Người yêu cầu chứng thực <i>xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử và nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.</i>				X
	Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).				X
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.6	Phí				
	50.000 đồng/văn bản				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC - UBND cấp xã; hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.	Cá nhân/Tổ chức	Trong giờ hành chính	Theo Mục 5.2	
B2	Bộ phận TN & TKQ kiểm tra hồ sơ: Công chức Bộ phận TN & TKQ truy cập Hệ thống thông tin giải	Công chức Bộ phận TN&TKQ	01 giờ	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	

	<p>quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước trên.</p>			
B3	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, công chức hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Trường hợp đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo</p>	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ	<p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>
B4	Soạn thảo dự thảo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ	Hồ sơ
B5	Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận Văn phòng – Thống kê để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu	Lãnh đạo UBND cấp xã	04 giờ	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản

B6	Bộ phận Văn phòng – Thống kê phát hành bản giấy và bản điện tử	Công chức Văn phòng – Thống kê	0.5 giờ	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản
B7	Tiếp nhận kết quả, chuyển kết quả sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, bàn giao cho Bộ phận TN & TKQ. Đồng thời lưu hồ sơ theo dõi.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	0.5 giờ	-Sổ chứng thực chữ ký, Sổ theo dõi hồ sơ - Văn bản thỏa thuận phân chia di sản
B8	Công chức Bộ phận TN&TKQ thu phí, trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận TN&TKQ	Trong giờ hành chính	phân chia di sản
4	Biểu mẫu			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ			
	Biểu mẫu theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp			

Phụ lục 08

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch (QT-XP-01)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của tổ chức/công dân có đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ</p>	X	

<p>này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. - Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng 		

	<p>hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp nhận kết quả (bản sao Trích lục hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.</p>				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính				
	Bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh.				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi đang lưu giữ Sổ hộ tịch</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>				
3.7	Phí				
	8.000 đồng/bản sao trích lục				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền 	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch</p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p>- Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch</p>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch.</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa - Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 02 giờ làm việc</p>	<p>- Trích lục bản sao hộ tịch - Công văn trả lời kết quả tra cứu không có thông tin.</p>	

	<p>định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tiếp, sau khi tra cứu thông tin trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công chức làm công tác hộ tịch in bản sao Trích lục hộ tịch trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, chuyển Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xin cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức làm công tác hộ tịch gửi lại nội dung biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức làm công tác hộ tịch in bản sao Trích lục hộ tịch, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.</p>				
B5	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trích lục hộ tịch (bản sao) - Hoặc: Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo bổ sung hồ sơ - Hoặc: Công văn trả lời kết quả tra cứu không có thông tin. <p>Sau đó chuyển văn bản đến công chức Tư pháp – hộ tịch đối với văn bản giấy và văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.</p> <p>Đối với Trích lục hộ tịch (bản sao) được ký số trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, Lãnh đạo UBND xã chuyển đến công chức Văn phòng – thống kê để đóng dấu, phát hành trên Hệ thống</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Không quá 01 giờ làm việc	Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời kết quả tra cứu	

	đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp.				
B6	<p>- Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử tới Bộ phận Một cửa. Trong trường hợp Hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, đẩy lên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p> <p>- Đối với văn bản giấy nhận mà công chức Tư pháp – hộ tịch nhận được từ Lãnh đạo UBND xã tại Bước 5, công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển công chức Văn phòng – thống kê để đóng dấu. Công chức Tư pháp – hộ tịch nhận văn bản đã có chữ ký lãnh đạo UBND xã và đóng dấu chuyển Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p> <p>(Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)</p> <p>- Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định</p>	<p>- Công chức Tư pháp</p> <p>- Hộ tịch;</p> <p>- Công chức Văn phòng – thống kê</p> <p>- Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Không quá 01 giờ làm việc	<p>- Trích lục bản sao hộ tịch hoặc công văn trả lời kết quả tra cứu không có thông tin</p>	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	- Trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<p>- Trích lục hộ tịch</p> <p>- Công văn trả lời kết quả tra cứu không có thông tin.</p>	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục hộ tịch bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác cấp bản sao Trích lục hộ tịch (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

Đề nghị cơ quan cấp bản sao trích lục⁽⁴⁾

cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký tại: ⁽⁵⁾

ngày tháng năm số..... Quyền số:

Thông tin khác: ⁽⁶⁾

Số lượng bản sao yêu cầu cấp:.....bản⁽⁷⁾.

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan đề nghị thực hiện việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây, nay đề nghị cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình.

(6) Trường hợp người yêu cầu không cung cấp được thông tin tại mục (5) thì cung cấp bổ sung thông tin khác để phục vụ việc tra cứu.

Ví dụ: Cung cấp thông tin về cha, mẹ để phục vụ việc cấp bản sao Giấy khai sinh; cung cấp thông tin về vợ, chồng để phục vụ việc cấp bản sao Trích lục kết hôn;...

(7) Ghi rõ số lượng bản sao đề nghị cấp.

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC YÊU CẦU
CẤP BẢN SAO GIẤY KHAI SINH, BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH**

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch.

II. Thông tin về giấy tờ hộ tịch đã đăng ký

- (6) Họ, chữ đệm, tên người được đăng ký;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Loại việc yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch;
- (11) Cơ quan đã đăng ký sự kiện hộ tịch trước đây;
- (12) Tên giấy tờ hộ tịch, số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký;
- (13) Số lượng bản sao;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - Trực tiếp
 - Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽¹⁾.....



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ ⁽⁴⁾.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số: ⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....(1)

Số: ⁽²⁾ /TLKH-BS ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

.....
.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

.....
.....

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

.....
.....

.....
.....

Đăng ký kết hôn tại ⁽³⁾

.....
.....

Số..... ngày..... tháng..... năm.....

Ghi chú:⁽⁴⁾

.....
.....

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁵⁾

.....
.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số: ⁽²⁾ /TLKT-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾

Số:..... ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.
- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số:⁽²⁾ _____ /TLGH-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ
(BẢN SAO)

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi cư trú:.....

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi cư trú:.....

Đã đăng ký giám hộ tại:⁽³⁾

Số ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký giám hộ, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký giám hộ hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....(1)

Số:⁽²⁾ _____ /TLCDGH-BS

....., ngày.....tháng.....năm

TRÍCH LỤC
ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ
(BẢN SAO)

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:.....

Đăng ký giám hộ tại: ⁽³⁾

..... số..... ngày..... tháng..... năm.....

Đã đăng ký chấm dứt giám hộ, số..... ngày..... tháng..... năm.....

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾.....

.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký).

(4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số: ⁽²⁾ /TLCMC-BS , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾**giữa:**

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận⁽³⁾**tại**⁽⁴⁾

..... số ngày

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.
- (3) Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.
- (4) Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số:⁽²⁾/TL.....-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

.....

Nơi cư trú:

.....

Đã đăng ký việc ⁽⁴⁾.....

Trong ⁽⁵⁾.....

.....

Số ngày

Nội dung: ⁽⁶⁾.....

.....

Nơi đăng ký: ⁽⁷⁾.....

.....

Số ngày

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁸⁾.....

.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số: ⁽²⁾ /TLGCKH-BS , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại:⁽³⁾

.....số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại ⁽⁴⁾

.....số..... ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ đó.
- (4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch, số, ngày tháng năm ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số: ⁽²⁾ /TLGCLH-BS , ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC GHI CHÚ LY HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ghi vào Sổ hộ tịch việc.....⁽³⁾ đã giải quyết tại nước ngoài với người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Theo:⁽⁵⁾

..... số do

..... cấp ngày

Tại⁽⁶⁾:

..... số ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.
- (3) Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.
- (4) Ghi theo thông tin có trong Sổ ghi chú ly hôn, nếu không có thông tin thì để trống.
- (5) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (6) Ghi tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi chú ly hôn, số, ngày, tháng, năm ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ ghi chú ly hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số:⁽²⁾ /TLGCHT-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã được ghi vào Sổ⁽³⁾

Nội dung ghi:⁽⁴⁾

Theo: ⁽⁵⁾

số..... do.....

..... cấp ngày..... tháng năm

Nơi ghi:⁽⁶⁾

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch.
- (3) Ghi rõ loại Sổ hộ tịch (Ví dụ: Sổ đăng ký khai tử, Sổ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc...).
- (4) Ghi theo nội dung đã được ghi vào sổ hộ tịch (Ví dụ: Được thay đổi họ từ Nguyễn Thị Lan thành Smith Thị Lan).
- (5) Ghi tên loại giấy tờ hộ tịch, số, tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch hoặc cấp giấy tờ xác nhận sự kiện hộ tịch đã được đăng ký/giải quyết, ngày đăng ký/cấp giấy tờ đó.
- (6) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch (theo đủ cấp hành chính), tên sổ hộ tịch, quyển số, số đăng ký trong sổ và ngày thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch.
- Ví dụ:* UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Sổ đăng ký khai tử, quyển số 01, số 123, ngày 18/8/2020.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Thủ tục đăng ký khai sinh (QT-XP-02)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký khai sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký khai sinh. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,

<p>chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh. <p><i>Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc</i></p>	X	

<p><i>cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập. - Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. 		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). - Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn. Trường hợp đã có thông tin về việc kết hôn của cha, mẹ trong CSDLHTĐT, CSDLQGVC thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>(Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân. Trường hợp Giấy chứng nhận kết hôn được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân).</p>	X	
<p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với yêu cầu đăng ký khai sinh mà cha, mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn, trên cơ sở thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn cung cấp trong Tờ khai đăng ký khai sinh, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của cha, mẹ trẻ trên Hệ thống 		

thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả tra cứu được lưu trữ dưới dạng điện tử hoặc bản giấy, phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin tại thời điểm tra cứu và đính kèm hồ sơ của người đăng ký. Trường hợp không tra cứu được tình trạng hôn nhân do chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan đăng ký hộ tịch đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú/nơi đã đăng ký kết hôn xác minh, cung cấp thông tin. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận được đề nghị xác minh có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và gửi kết quả về tình trạng hôn nhân của người đó.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em.

- Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi thì sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi.

Sau khi lập biên bản, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ.

- Trường hợp trẻ chưa xác định được cha thì họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha của trẻ để trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh.

- Trường hợp trẻ chưa xác định được mẹ mà khi đăng ký khai sinh cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh; phần khai về mẹ của trẻ để trống.

- Trường hợp trẻ không thuộc diện bị bỏ rơi, chưa xác định được cả cha và mẹ thì thực hiện tương tự như đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi, nhưng trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”.

- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản

chụp giấy tờ đó.

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; *số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử*. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh; xuất trình giấy tờ tùy thân; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn (nếu cha mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn và thông tin về việc kết hôn chưa có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT).

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh.

	<p>- Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.</p> <p>- Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ:</p> <p>+ Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>	
3.3	Số lượng hồ sơ	
	01 bộ	
3.4	Thời gian xử lý	
	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	
	<p>- Giấy khai sinh (bản chính), bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh).</p> <p>- Bản điện tử Giấy khai sinh (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>	
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả	
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) thuộc UBND cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ đăng ký khai sinh cho trẻ em; Hoặc UBND cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi; Hoặc UBND cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>	
3.7	Lệ phí, Phí	

	<p>- Miễn Lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu).</p> <p>- Nếu công dân nộp hồ sơ Đăng ký quá hạn trực tiếp tại UBND cấp xã: Lệ phí: 5.000 đồng.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</p>				
3.8 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí; nộp phí cấp bản sao Giấy khai sinh nếu có yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng, đăng nhập vào hệ thống (tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh. <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy</p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Tờ khai đăng ký khai sinh</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh</p>	<p>Cổng Dịch vụ công Quốc gia thực hiện đăng nhập một lần, điều hướng người dùng tới Cổng Dịch vụ công thành phố để thực hiện các bước tiếp theo</p>

	tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 01 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến	Công chức Bộ phận	Không quá 01 giờ làm	Hồ sơ	

	<p>công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp).</p>	<p>Một cửa; Công chức Tư pháp – Hộ tịch</p>	<p>việc</p>		<p>Các hệ thống phần mềm liên thông đồng bộ 2 chiều</p>
<p>B4</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử</p>	<p>Công chức Tư pháp – Hộ tịch</p>	<p>Không quá 04 giờ làm việc</p>	<p>- Giấy khai sinh - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ Thông báo bổ sung hồ sơ</p>	

<p>hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDLQGVDC để lấy Số định danh cá nhân.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Công dân xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDLQGVDC để lấy Số định danh cá nhân.</p>				
<p>B5</p> <p>Sau khi CSDLQGVDC trả về Số định danh cá nhân, công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh bản điện tử.</p>	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>Giấy khai sinh</p>	

B6	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu.</p> <p>- Công chức Văn phòng-Thống kê phát hành văn bản bản giấy, bản điện tử. Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch, đẩy kết quả bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố và chuyển kết quả giải quyết cho Bộ phận một cửa.</p> <p>- Bản giấy chuyển công chức tư pháp - hộ tịch để chuyển Bộ phận Một cửa trả kết quả cho công dân (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức Văn phòng-Thống kê Công chức tư pháp - hộ tịch Công chức Văn phòng-Thống kê Công chức tư pháp - hộ tịch Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Không quá 01 giờ làm việc		Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, Giấy chứng nhận kết hôn (Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình. Trường hợp Giấy chứng nhận kết hôn được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công dân không cần xuất trình. Trường hợp Giấy chứng sinh được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu của ngành y tế, công dân không phải nộp giấy này).</p> <p>2. Xác nhận đối chiếu bản chính</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa Công dân</p>	Trong giờ hành chính	<p>- Giấy khai sinh - Bản sao Trích lục khai sinh</p>	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia

<p>3. Công dân kiểm tra thông tin trên Giấy khai sinh, Sổ đăng ký khai sinh, ký vào Tờ khai, Sổ đăng ký khai sinh theo Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản trích lục khai sinh (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trắcông dân: Bản chính Giấy khai sinh, Bản sao Giấy khai sinh</p> <p>6. Gửi Giấy khai sinh bản điện tử đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>8. Bàn giao hồ sơ cho công chức Tư pháp-Hộ tịch lưu giữ</p>				
4	Biểu mẫu			
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	Tờ khai đăng ký khai sinh (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			
	Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP - Bộ Tư pháp)			
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (Thông tư số 03/2023/TT-BTP).			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ (nếu cha, mẹ trẻ đã ĐKKH):

Số:, Quyền số:, đăng ký ngày ... tháng ... năm
tại

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự
thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số định danh cá nhân;
- (16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

**GIẤY KHAI SINH**

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ ⁽⁴⁾.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số: ⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “*Sổ đăng ký khai sinh*” hoặc “*Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “*Sổ đăng ký khai sinh*” hoặc “*Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử*”.

3. Thủ tục đăng ký kết hôn (QT-XP-03)

1	Mục đích
	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký kết hôn. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

	<p>hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu, có đủ thông tin của hai bên nam, nữ. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký kết hôn (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không đăng ký thường trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trường hợp các thông tin về tình trạng hôn nhân đã có 	X	

<p>trong CSDLQGVDC, CSDLHTĐT được điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVDC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân Việt Nam đăng ký thường trú tại địa bàn xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn, hủy việc kết hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. 	X	
<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với yêu cầu đăng ký kết hôn, cơ quan đăng ký hộ tịch tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của người yêu cầu đăng ký kết hôn trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả tra cứu được lưu trữ dưới dạng điện tử hoặc bản giấy, phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin tại thời điểm tra cứu và đính kèm hồ sơ của người đăng ký. Trường hợp không tra cứu được tình trạng hôn nhân do chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì cơ quan đăng ký hộ tịch đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú/nơi đã đăng ký kết hôn xác minh, cung cấp thông tin. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận được đề nghị xác minh có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và gửi kết quả về tình trạng hôn nhân của người đó. - Nếu bên kết hôn là công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nhưng qua tra cứu thông tin trong 		

Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; thông qua kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không thể hiện thông tin về việc đã ghi chú ly hôn, hủy việc kết hôn thì cơ quan đăng ký hộ tịch hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn/hủy việc kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi giải quyết việc đăng ký kết hôn.

- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; *số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử*. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (bản chính Giấy chứng nhận kết hôn/bản sao Trích lục kết hôn), người có yêu cầu đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (nếu thông tin về tình trạng hôn nhân chưa có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT).

	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký kết hôn. 		
3.3	Số lượng hồ sơ 01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Các bên không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng. <p>* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ theo quy định thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), mỗi bên vợ, chồng 01 bản; bản sao Trích lục kết hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn). - Bản điện tử Trích lục kết hôn (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>		
3.8	Lệ phí, Phí		

	<p>- Miễn Lệ phí.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục</p>				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ đăng ký kết hôn tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký kết hôn; nộp phí cấp bản sao Trích lục kết hôn nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống (Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VneID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú của bên Nam hoặc bên Nữ - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký kết hôn <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Tờ khai đăng ký kết hôn</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn</p>	Cổng Dịch vụ công Quốc gia thực hiện đăng nhập một lần, điều hướng người dùng tới Cổng Dịch vụ công thành phố để thực hiện các bước tiếp theo
B2	Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành	Công chức Bộ	Không quá 02	Phiếu kiểm soát quá	

	<p>chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký kết hôn không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký kết hôn, và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>	<p>phận Một cửa</p>	<p>giờ làm việc</p>	<p>trình giải quyết hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)</p>	
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký,</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Tư pháp hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>		

	<p>quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp).</p>				
B4	<p>- Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, các bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp từ chối đăng ký kết hôn theo quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin</p>	<p>Công chức Tư pháp hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc Trường hợp xác minh thì không quá 04 ngày làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	

	<p>đăng ký kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Giấy chứng nhận kết hôn điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy chứng nhận kết hôn điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thông nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p>				
B5	Công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký bản giấy Giấy chứng nhận kết hôn; ký số Giấy chứng nhận kết hôn.	Công chức tư pháp - hộ tịch	Không quá 01 giờ làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn	
B6	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn bản giấy, ký số Giấy chứng nhận kết hôn Bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, bản giấy Trích lục đăng ký kết hôn bản sao (nếu có); chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử tới Bộ phận Một cửa. Trong trường hợp, hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp - hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, đầy</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức VP-TK Công chức Một cửa	Không quá 02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận; đồng thời hiển thị trạng thái hồ sơ đã được giải quyết

<p>lên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và chuyển Bộ phận Một cửa.</p> <p>Lưu ý: Bản kết quả điện tử chưa có chữ ký của bên vợ, bên chồng chỉ lưu hành nội bộ, không chuyển đến công dân.</p> <p>- Bản giấy chuyển công chức tư pháp - hộ tịch để chuyển Bộ phận Một cửa trả kết quả cho công dân nhận Giấy chứng nhận kết hôn.</p>				
<p>B7</p> <p>- Người có yêu cầu đăng ký kết hôn (hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu) kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký tên vào Sổ đăng ký kết hôn, ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.</p> <p>- Công chức một cửa scan lại Giấy chứng nhận kết hôn (Bản có đầy đủ chữ ký của bên vợ, bên chồng; chữ ký của lãnh đạo UBND xã và dấu của UBND xã) cập nhật lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố thay thế Bản kết quả điện tử tại Bước 6. Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử (Bản có đầy đủ chữ ký của bên vợ, bên chồng; chữ ký của lãnh đạo UBND xã và dấu của UBND xã) đến Tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân.</p> <p>- Công chức Một cửa xác nhận đã đối chiếu bản chính và đề nghị công dân kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn và trong Sổ đăng ký kết hôn; hoàn tất hồ sơ và ký vào Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>- Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết</p>	<p>Công chức TP-HT Công chức Một cửa; Công dân Công chức Văn phòng-Thống kê</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc (kể từ thời điểm công dân đến Bộ phận Một cửa)</p>	<p>Giấy chứng nhận kết hôn</p>	<p>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</p>

	<p>quả tại UBND cấp xã.</p> <p>- Thu phí cấp bản sao trích lục(nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>- Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.</p> <p>(Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo. Đối với trường hợp phải xác minh theo quy định thì tổng thời gian giải quyết không quá 05 ngày)</p>				
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức tư pháp - hộ tịch	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký kết hôn (nếu trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ đăng ký kết hôn; Giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao Trích lục kết hôn trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn(Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(1)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

(2)

Kính gửi: ⁽³⁾Ủy ban nhân dân

Thông tin	Bên nữ	Bên nam
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc ⁽⁴⁾		
Quốc tịch ⁽⁴⁾		
Nơi cư trú ⁽⁴⁾		
Giấy tờ tùy thân ⁽⁵⁾		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Đề nghị Quý cơ quan đăng ký.

....., ngày tháng năm.....

Bên nữ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Bên nam

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:bản

Chú thích:

(1) (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký kết hôn.

(4) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(5) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN**I. Thông tin bên nữ**

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Dân tộc;
- (5) Quốc tịch;
- (6) Số định danh cá nhân;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (9) Kết hôn lần thứ mấy.

II. Thông tin bên nam

- (10) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (11) Họ, chữ đệm, tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (13) Dân tộc;
- (14) Quốc tịch;
- (15) Số định danh cá nhân;
- (16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (17) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (18) Kết hôn lần thứ mấy;
- (19) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

□ Không

(20) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:..... Dân tộc:.....

Quốc tịch:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:..... Nơi cư trú:.....

Giấy tờ tùy thân:..... Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký kết hôn:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

Vợ
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chồng
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Căn cứ ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Căn cứ ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2) /TLKH-BS

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

.....

.....

Giấy tờ tùy thân:

Họ, chữ đệm, tên chồng:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nơi cư trú:

.....

.....

Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại (3)

.....

Số..... ngày..... tháng năm

Ghi chú: (4)**Thực hiện trích lục từ:** (5)

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

4. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con(QT-XP-04)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký nhận cha, mẹ, con thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân đăng ký nhận cha, mẹ, con. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,

<p>chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con (do người có yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</p> <p>+ Trường hợp không có văn bản nêu trên thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con về mối quan hệ cha, mẹ, con và có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</p>	X	

<p>* Giấy tờ phải xuất trình:- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p>	X	
<p>Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình</p>		

	<p>thức trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con/bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con) người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con phải xuất trình giấy tờ tùy thân để xác định nhân thân; nộp bản chính giấy tờ, tài liệu lầ chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký nhận cha, mẹ, con. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống; - Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp; <p>- Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh theo quy định thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.		

3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính); bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con). - Bản điện tử Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền				
3.8	Lệ phí, Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu). - Nếu công dân đăng ký trực tiếp tại UBND cấp xã: Lệ phí: 10.000 đồng - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con: 8.000đồng/bản sao trích lục 				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc nộp trực tuyến (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con. - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống (Tài khoản gồm Tên 	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	

<p>Đăng nhập và Mật khẩu VneID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký nhận cha mẹ con <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con</p>	
<p>B2 Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 04 giờ làm việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo quy định. - Phiếu hẹn trả kết quả. - Phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 	

	<p>bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa Công chức tư pháp - hộ tịch</p>	<p>Không quá 03 giờ làm việc</p>		
B4	<p>- Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu</p>	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 08 giờ làm việc. Trường hợp cần xác minh: 05 ngày làm việc</p>	<p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)</p>	

	<p>người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, cập nhật thông tin đăng ký nhận cha, mẹ, con và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con, cập nhật thông tin đăng ký nhận cha, mẹ, con và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p>				
B5	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký bản giấy Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con; ký số Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p>	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch</p>	<p>Không quá 04 giờ làm việc</p>	<p>-Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con</p>	

B6	Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản giấy, ký số Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, bản giấy; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê đóng dấu.	Lãnh đạo UBND cấp xã	Không quá 04 giờ làm việc	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	Công chức Văn phòng - Thống kê phát hành văn bản bản giấy, bản điện tử (Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử đến Bộ phận Một cửa). Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy kết quả bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố chuyển kết quả giải quyết cho Bộ phận một cửa. Đối với văn bản bản giấy sau khi đóng dấu, công chức Văn phòng – thống kê chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp - hộ tịch chuyển kết quả bản giấy cho Bộ phận Một cửa.	Công chức VP-TK Công chức TP-HT Bộ phận một cửa	Không quá 02 giờ làm việc		
B8	- Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con đến bộ phận Một cửa (cả hai bên phải có mặt, xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ đối với trường hợp nộp bản chụp) - Công chức Một cửa xác nhận đã đối chiếu bản chính và đề nghị công dân kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con; hoàn tất hồ sơ và ký vào Sổ theo quy định của luật hộ tịch. - Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử đến Tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân. - Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) - Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	Công chức Một cửa; Công dân Công chức Văn phòng-Thống kê	Không quá 02 giờ làm việc (kể từ thời điểm công dân đến Bộ phận Một cửa)	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân
B9	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức tư	Trong giờ	Hồ sơ	

		pháp - hộ tịch	hành chính		
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con; Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con; Bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con: ⁽⁴⁾

Đề nghị cơ quan công nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Là..... của người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Tôi cam đoan việc nhận.....nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại.....ngàytháng.....năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha⁽⁵⁾

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

`Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký nhận cha, mẹ, con.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Chỉ khai trong trường hợp người yêu cầu không đồng thời là người nhận cha/mẹ/con.

(5) Chỉ khai trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được nhận cha/mẹ/con.

II. Thông tin về người nhận

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về người được nhận

- (14) Họ, chữ đệm, tên;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Giới tính;
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;

(19) Số định danh cá nhân;

(20) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(21) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(22) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(23) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nhận Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TLCMC

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC

ĐĂNG KÝ NHẬN⁽³⁾

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾ giữa:

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc: Quốc tịch.....

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Việc nhận⁽³⁾ có hiệu lực kể từ ngày cấp

Trích lục./.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

⁽¹⁾Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con.

⁽³⁾ Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾/TLCMC-BS , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾ giữa:

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận⁽³⁾ tại⁽⁴⁾ số ngày**Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾**

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.
- (3) Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.
- (4) Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

5. Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (QT-XP-05)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,

	<p>chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu;</p> <p>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.</p> <p>- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; <i>Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy.</i></p> <p>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</p> <p>+ Trường hợp không có văn bản nêu trên thì các bên nhận cha, mẹ,</p>	X	

	con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.		
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con; - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp). 	X	
	<p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. - + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản 		

	<p>cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ: + Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng. + Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống; - Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp.</p> <p>- Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh theo quy định thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính); bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con).		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>		
3.8	Lệ phí, Phí		
	- Miễn Lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		

	<p>- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu).</p> <p>- Nếu công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã: - Đăng ký khai sinh quá hạn: 5.000 đồng/việc; Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 10.000đồng/việc.</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục</p>				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại); nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký khai sinh, đăng ký nhận cha, mẹ, con; nộp phí cấp bản sao Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con nếu có yêu cầu cấp bản sao</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha mẹ con 	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con</p>	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 04 giờ làm việc	<p>Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ</p>	

	<p>động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức tư pháp - hộ tịch	Không quá 02 giờ làm việc	Hồ sơ	
B4	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do</p>	Công chức tư pháp - hộ tịch	Không quá 02 ngày làm		Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

	<p>người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức tư pháp - hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu;</p> <p>+ Nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh, đăng ký nhận cha, mẹ, con và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, chuyển thông tin đến CSDLQGVC để lấy Số định danh cá nhân.</p>		<p>việc</p> <p>-</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh: Không quá 05 ngày làm việc</p>		
B5	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã, Công chức tư pháp - hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>		<p>- Giấy khai sinh</p> <p>- Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con</p>
B6	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh bản điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch, chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, ban hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển kết quả bản</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã, Công chức TP-HT, Công chức VP-TK, Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>		<p>Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công</p>

	<p>điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch và đẩy kết quả bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố chuyển kết quả giải quyết cho Bộ phận một cửa).</p> <p>- Kết quả bản giấy được chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch.</p>				dân đến nhận
B7	<p>1. Tiếp nhận kết quả hồ sơ từ công chức Tư pháp-Hộ tịch</p> <p>2. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân)</p> <p>3. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>4. Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con (cả hai bên phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu) kiểm tra thông tin trong Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con, Giấy khai sinh, thông tin trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, Sổ đăng ký khai sinh; Ký tên vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, Sổ đăng ký khai sinh</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>5. Thu phí cấp bản sao trích lục(nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>6. Trả kết quả: Bản chính, Bản sao.</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p>	Công chức Bộ phận Một cửa Công dân	Trong giờ hành chính		- Giấy khai sinh /Trích lục nhận cha, mẹ, con

	9. Bàn giao hồ sơ cho công chức Tư pháp-Hộ tịch lưu trữ theo quy định				
B8	Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định	Công chức tư pháp - hộ tịch	Trong giờ hành chính		Hồ sơ
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký khai sinh (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con; Trích lục nhận cha, mẹ, con; Bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:ghi bằng chữ:

Giới tính:..... Dân tộc:.....Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ (nếu cha, mẹ trẻ đã ĐKKH):

Số:....., Quyên số:....., đăng ký ngày....tháng....năm.....
tại.....

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

⁽¹⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số định danh cá nhân;
- (16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con: ⁽⁴⁾

Đề nghị cơ quan công nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Là..... của người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Tôi cam đoan việc nhận.....nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại.....ngàytháng.....năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha⁽⁵⁾

.....

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không
Số lượng:.....bản

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký nhận cha, mẹ, con.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Chỉ khai trong trường hợp người yêu cầu không đồng thời là người nhận cha/mẹ/con.

(5) Chỉ khai trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được nhận cha/mẹ/con.

II. Thông tin về người nhận

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về người được nhận

- (14) Họ, chữ đệm, tên;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Giới tính;
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;
- (19) Số định danh cá nhân;

(20) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(21) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(22) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(23) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nhận Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ ⁽⁴⁾

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số: ⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

ỦY BAN NHÂN DÂN.....⁽⁴⁾**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:⁽⁵⁾ /TLCMC , ngày..... tháng năm**TRÍCH LỤC**
ĐĂNG KÝ NHẬN⁽⁶⁾**Xác nhận đăng ký việc nhận**⁽³⁾ **giữa:**

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Việc nhận⁽³⁾ có hiệu lực kể từ ngày cấp

Trích lục./.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)⁽⁴⁾Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).⁽⁵⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con.⁽⁶⁾ Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLCMC-BS, ngày tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾**giữa:**

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận.....⁽³⁾**tại**⁽⁴⁾.....**số**
ngày

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.
- (3) Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.
- (4) Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

6. Thủ tục đăng ký khai tử (QT-XP-06)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký khai tử thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký khai tử. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số

	<p>123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai tử (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu đăng ký khai tử thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	* Giấy tờ phải nộp:	X	

<p>- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp. Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy báo tử hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy báo tử thì không phải nộp bản giấy.</p> <p>- Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.</p>		

<p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử), người có yêu cầu đăng ký khai tử phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký khai tử theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai tử không cung cấp được giấy</p>	
---	--

	tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai tử.				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục khai tử (bản chính); bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử). - Bản điện tử Trích lục khai tử (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử - Hoặc Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết. <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>				
3.7	Lệ phí, Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn Lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu). - Đăng ký khai tử quá hạn trực tiếp tại UBND cấp xã: 5.000 đồng/việc - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ đăng ký khai tử tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	Cổng Dịch vụ công Quốc gia

	<p>phải nộp lệ phí đăng ký khai tử; nộp phí cấp bản sao Trích lục khai tử nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai tử <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử</p>	<p>đăng nhập một lần, điều hướng người dùng tới Cổng Dịch vụ công thành phố để thực hiện bước tiếp theo</p> <p>Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID</p>
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

	<p>thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai tử không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối giải quyết hồ sơ và báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp).</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 3 giờ làm việc</p>	<p>- Trích lục khai tử, - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện</p>	

<p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận Một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai tử theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai tử theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông</p>		<p>giải quyết/ Thông báo bổ sung hồ sơ</p>	
--	--	--	--

	tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.				
B5	Công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục khai tử bản giấy, ký số Trích lục khai tử bản điện tử	- Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 01 giờ làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Trích lục khai tử	
B6	- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục khai tử bản giấy, ký số Trích lục khai tử bản điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, ban hành. - Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp - hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch, đẩy kết quả bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố và chuyển kết quả giải quyết cho Bộ phận một cửa. - Bản giấy kết quả chuyển cho công chức Tư pháp - hộ tịch. Công chức Tư pháp - hộ tịch chuyển kết quả giải quyết tới Bộ phận một cửa. (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức Tư pháp - Hộ tịch Công chức Văn phòng - Thống kê Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 02 giờ làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Trích lục khai tử	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B7	1. Tiếp nhận kết quả hồ sơ từ công chức Tư pháp - Hộ tịch	Công chức Bộ	Trong giờ hành	- Sổ theo dõi hồ sơ	Thông tin

	<p>2. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, Giấy báo tử (nếu có) và hồ sơ (Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân)</p> <p>3. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>4. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai đăng ký khai tử và Sổ đăng ký khai tử theo quy định của Luật hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>5. Thu phí cấp bản sao trích lục khai tử (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, bản sao Trích lục khai tử (đóng dấu của UBND cấp xã)</p> <p>7. Gửi Trích lục khai tử bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân (Miễn phí)</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Bàn giao hồ sơ cho công chức Tư pháp-Hộ tịch lưu trữ theo quy định</p>	phận Một cửa	chính	- Trích lục khai tử	đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký khai tử (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục khai tử, Bản sao Trích lục khai tử (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾

.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

.....

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai tử cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú cuối cùng: ⁽²⁾

.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

.....

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

.....

Nguyên nhân chết:

Số Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: ⁽⁴⁾ do

..... cấp ngày tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁵⁾: Có , Không

Số lượng: bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai tử.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Nếu ghi theo Giấy báo tử, thì gạch cụm từ “Giấy tờ thay thế Giấy báo tử”; nếu ghi theo số Giấy tờ thay thế Giấy báo tử thì ghi rõ tên, số giấy tờ và gạch cụm từ “Giấy báo tử”; trường hợp không có thì mục này để trống.

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai tử

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai tử.

II. Thông tin về người được đăng ký khai tử

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Số định danh cá nhân;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú cuối cùng (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (11) Thời gian chết: giờ, phút, ngày, tháng, năm (tách biệt riêng các trường thông tin giờ, phút, ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi chết;
- (13) Nguyên nhân chết (có chú thích: nếu chưa xác định được/chưa rõ thì để trống);
- (14) Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế giấy báo tử: số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp (tách biệt riêng các trường thông tin số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp; có chú thích nếu không có thì để trống);
- (15) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(16) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai tử nhận Trích lục khai tử (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽⁷⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽⁸⁾ /TLKT , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:⁽³⁾

Giấy tờ tùy thân:

.....

Đã chết vào

lúc.....giờ.....phút, ngày.....

ghi bằng chữ:.....

Nơi chết:

Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử số

.....do.....

..... cấp ngày

Họ, chữ đệm, tên người đi khai tử:.....

.....

Giấy tờ tùy thân:

.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

⁽⁷⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽⁸⁾ Ghi theo Số trong Sổ đăng ký khai tử.

⁽³⁾ Chỉ ghi trong trường hợp đã được cấp Số định danh cá nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN
(1)
.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2) /TLKT-BS

....., ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:.....

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày.....ghi bằng chữ:

.....

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: (3)

Số:ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:(4)

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

(4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

7. Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động (QT-XP-07)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân đăng ký khai sinh lưu động thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với cá nhân đăng ký khai sinh lưu động. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện

	<p>tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu.</p> <p>- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; <i>Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy.</i></p> <p>- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh;</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp).</p>	X	

	- Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn. Trường hợp đã có thông tin về việc kết hôn của cha, mẹ trong CSDLHTĐT, CSDLQGVC thì không phải xuất trình.		
	<p>* Lưu ý: Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ: + Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng. + Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính Trẻ em sinh ra mà cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký khai sinh cho con; cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích hoặc những người này không có điều kiện đi đăng ký khai sinh cho trẻ.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	Tối đa không quá 05 ngày làm việc.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính		
	Giấy khai sinh (bản chính).		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Công Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Tại nhà riêng của công dân hoặc tại địa điểm đăng ký khai sinh lưu động 		

3.8	Lệ phí				
	<p>- Miễn Lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu).</p> <p>- Đăng ký khai sinh quá hạn theo hình thức trực tiếp: Lệ phí: 5.000 đồng</p>				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.</p> <p>Tại địa điểm đăng ký khai sinh lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai sinh; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>Trường hợp công dân không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho công dân nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Tờ khai.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch hỗ trợ công dân kê khai trên Cổng DVC của Thành phố (Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID)</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm 	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 01 giờ làm việc	<p>Thành phần hồ sơ theo mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh</p>	

	quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh lưu động				
B2	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp).	Công chức Một cửa Công chức Tư pháp hộ tịch	Không quá 01 giờ làm việc		
B3	Sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDLQGVC để lấy Số định danh cá nhân Sau khi CSDLQGVC trả về Số định danh cá nhân, công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo Giấy khai sinh, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký bản giấy, ký số Giấy khai sinh điện tử		Không quá 01 giờ làm việc		
B4	- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh bản điện tử bản giấy; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành. - Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, đẩy kết	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức VP-TK Công chức TP-HT Công	Không quá 01 giờ làm việc	Giấy khai sinh	

	quả bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố và chuyển kết quả giải quyết trên hệ thống cho Bộ phận một cửa. - Kết quả bản giấy được chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch.	chức Bộ phận Một cửa			
B5	Công chức tư pháp - hộ tịch đem theo Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh, ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ đăng ký khai sinh ghi rõ “Đăng ký lưu động”. Trường hợp công dân không biết chữ, khi trả kết quả đăng ký hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch đọc lại nội dung Giấy khai sinh cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Sổ đăng ký khai sinh	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 02 ngày làm việc		Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch đồng bộ thông tin
B6	(Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân) - Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) - Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân - Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa - Lưu trữ hồ sơ theo quy định	Công chức Tư pháp - Hộ tịch Công chức Một cửa	Trong giờ hành chính	Giấy khai sinh	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký khai sinh (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾ ...

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁵⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ (nếu cha, mẹ trẻ đã ĐKKH):

Số:, Quyền số:, đăng ký ngày ... tháng ... năm
tại

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự
thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không
Số lượng:.....bản

Chú thích:

⁽¹⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

⁽²⁾ Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

⁽³⁾ Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

⁽⁴⁾ Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁵⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

⁽⁶⁾ Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số định danh cá nhân;
- (16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:

Ngày, tháng, năm đăng ký:

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ ⁽⁴⁾

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số: ⁽³⁾...../GKS-BS

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

8. Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động (QT-XP-08)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký kết hôn lưu động thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký kết hôn lưu động. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ

<p>tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>* Giấy tờ phải nộp</p> <p>- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn.</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình</p> <p>- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn.</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp).</p>	X	
	<p>Lưu ý: Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai bên nam, nữ cùng thường trú trên địa bàn cấp xã mà một hoặc cả hai bên nam, nữ là người khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký kết hôn được. - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; <p>* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p>				
3.5	Thời gian xử lý				
	Không quá 05 ngày làm việc.				
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính				
	Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), mỗi bên vợ, chồng 01 bản.				
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Tại nhà riêng của công dân hoặc tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động 				
3.8	Lệ phí				
	Miễn Lệ phí.				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động chuẩn bị đầy đủ các mẫu Tờ khai, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động.</p> <p>Trường hợp công dân không biết chữ thì công chức ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Tờ khai.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch hỗ trợ công</p>	Công chức tư pháp - hộ tịch	Không quá 02 giờ làm việc	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p>dân kê khai thông tin trên Cổng DVC của Thành phố. Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký kết hôn lưu động <p>Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh về điều kiện kết hôn của các bên; hướng dẫn người dân điền thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p>			Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	Công chức Một cửa Công chức tư pháp - hộ tịch	Không quá 02 giờ làm việc		
B3	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch cập nhật thông tin trong Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo Giấy chứng nhận kết hôn trình Lãnh đạo UBND cấp xã xem</p>	Công chức tư pháp - hộ tịch	Không quá 02 giờ làm việc		

	xét, ký 02 Giấy chứng nhận kết hôn bản giấy và ký số bản điện tử Giấy chứng nhận kết hôn.				
B4	<p>- Lãnh đạo UBND ký 02 Giấy chứng nhận kết hôn bản giấy, ký số Giấy chứng nhận kết hôn bản điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy kết quả bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố chuyển kết quả giải quyết trên hệ thống cho Bộ phận một cửa.</p> <p>Lưu ý: Bản kết quả điện tử (chưa có chữ ký/điểm chỉ của bên vợ, bên chồng) chỉ lưu hành nội bộ, không chuyển cho công dân.</p> <p>- Kết quả bản giấy được chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch.</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức VP-TK Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Không quá 02 ngày làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn	Hệ thống hiển thị trạng thái hồ sơ đã được giải quyết
B5	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký kết hôn, hướng dẫn các bên kiểm tra nội dung Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn, cùng các bên nam, nữ ký vào Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký kết hôn ghi rõ “Đăng ký lưu động”.</p> <p>Trường hợp công dân không biết chữ, khi trao Giấy chứng nhận kết hôn, công chức tư pháp - hộ tịch phải đọc lại nội dung Giấy chứng nhận kết hôn cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Sổ đăng ký kết hôn.</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>- Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Không quá 02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận kết hôn Hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia

<p>Công chức Tư pháp – hộ tịch scan Giấy chứng nhận kết hôn (có đầy đủ chữ ký/điểm chỉ của bên vợ, bên chồng; chữ ký của lãnh đạo UBND xã; dấu của UBND xã) chuyển Bộ phận Một cửa. Bộ phận Một cửa cập nhật kết quả giải quyết lên hệ thống thay thế Bản kết quả điện tử tại Bước 6. Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử (có đầy đủ chữ ký/điểm chỉ của bên vợ, bên chồng; chữ ký của lãnh đạo UBND xã, dấu của UBND xã) đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân.</p> <p>(Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao Giấy chứng nhận kết hôn cho 02 bên Nam, Nữ - Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) - Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa - Lưu trữ hồ sơ theo quy định 				
<p>4 Biểu mẫu</p>				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	Tờ khai đăng ký kết hôn (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			
	Giấy Chứng nhận kết hôn, Trích lục kết hôn (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)			

Chú thích:

(1) (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký kết hôn.

(4) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(5) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

I. Thông tin bên nữ

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Dân tộc;
- (5) Quốc tịch;
- (6) Số định danh cá nhân;
- (7) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (9) Kết hôn lần thứ mấy.

II. Thông tin bên nam

- (10) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (11) Họ, chữ đệm, tên;
- (12) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (13) Dân tộc;
- (14) Quốc tịch;
- (15) Số định danh cá nhân;
- (16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (17) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (18) Kết hôn lần thứ mấy;
- (19) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(20) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:..... Dân tộc:.....

Quốc tịch:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:..... Nơi cư trú:.....

Giấy tờ tùy thân:..... Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký kết hôn:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

Vợ
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chồng
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2020

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2) /TLKH-BS , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên	Họ, chữ đệm, tên
vợ:	chồng:
Ngày, tháng, năm sinh:
Dân tộc:	Ngày, tháng, năm sinh:
Quốc tịch:	Dân tộc:
Nơi cư trú:	Quốc tịch:
.....	Nơi cư trú:
Giấy tờ tùy thân:
.....	Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại (3)

.....

Số..... ngày..... tháng

..... năm

Ghi chú: (4)

.....

Thực hiện trích lục từ: (5)

.....

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

9. Thủ tục đăng ký khai tử lưu động (QT-XP-09)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký khai tử lưu động thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký khai tử lưu động. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

	<p>hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>* Giấy tờ phải nộp</p> <p>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu;</p> <p>- <i>Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp. Trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy báo tử hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy báo tử thì không phải nộp bản giấy.</i></p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình</p> <p>- <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử;</i></p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định</p>	X	

	<p>thẩm quyền trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp).</p> <p>- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</p>		
	<p>Lưu ý: Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính Người chết không có người thân thích, người thân thích không sống cùng địa bàn xã hoặc là người già, yếu, khuyết tật không đi đăng ký khai tử được.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	Thực hiện ngay. Tối đa không quá 05 ngày làm việc.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính		
	Trích lục khai tử (bản chính).		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Tại nhà riêng của công dân hoặc tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động 		
3.8	Lệ phí		
	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn Lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn, đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu). - Đăng ký khai tử quá hạn theo hình thức trực tiếp: Lệ phí: 5.000 đồng 		

3.9 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch được giao nhiệm vụ đăng ký khai tử lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai tử, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, thuận lợi cho người dân.</p> <p>Tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai tử, kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai tử; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>Trường hợp công dân không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Tờ khai.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch hỗ trợ công dân kê khai trên Cổng DVC Thành phố (Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID)</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai tử lưu động 	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 01 giờ làm việc	<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp</p> <p>- Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải</p>	Công chức Một cửa Công chức tư	Không quá 01 giờ làm việc		

	quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)	pháp - hộ tịch			
B3	Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Lãnh đạo UBND cấp xã. Trường hợp Lãnh đạo UBND cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch, in Trích lục khai tử, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số.	Công chức tư pháp - hộ tịch	không quá 01 giờ làm việc		
B4	- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục khai tử bản giấy, ký số Trích lục khai tử bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành. - Hệ thống tự động chuyển kết quả bản điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp - hộ tịch tải kết quả bản điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy kết quả bản điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố chuyển kết quả giải quyết cho Bộ phận một cửa. - Bản giấy chuyển công chức tư pháp - hộ tịch.	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức VP-TK Công chức TP-HT Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 01 giờ làm việc	Trích lục khai tử	
B5	Công chức tư pháp - hộ tịch đem theo Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử để trả kết quả cho công dân tại địa điểm	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	không quá 01 giờ làm việc	Trích lục khai tử	

	<p>đăng ký lưu động; hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử, ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ đăng ký khai tử; tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai tử ghi rõ “Đăng ký lưu động”.</p> <p>Trường hợp công dân không biết chữ khi trả kết quả, công chức tư pháp - hộ tịch đọc lại nội dung Trích lục khai tử cho công dân nghe và hướng dẫn công dân điền chỉ vào Sổ đăng ký khai tử.</p>				
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục) - Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân - Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa - Lưu trữ hồ sơ theo quy định 	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>- Công chức Bộ phận Một cửa</p>	không quá 01 giờ làm việc	Trích lục khai tử Hồ sơ	<p>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</p> <p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký khai tử (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục khai tử (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai tử cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú cuối cùng: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết:

Số Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: ⁽⁴⁾ do

..... cấp ngày tháng ... năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại: , ngày tháng năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁵⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai tử.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Nếu ghi theo Giấy báo tử, thì gạch cụm từ “Giấy tờ thay thế Giấy báo tử”; nếu ghi theo số Giấy tờ thay thế Giấy báo tử thì ghi rõ tên, số giấy tờ và gạch cụm từ “Giấy báo tử”; trường hợp không có thì mục này để trống.

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai tử

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai tử.

II. Thông tin về người được đăng ký khai tử

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Số định danh cá nhân;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú cuối cùng (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (11) Thời gian chết: giờ, phút, ngày, tháng, năm (tách biệt riêng các trường thông tin giờ, phút, ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi chết;
- (13) Nguyên nhân chết (có chú thích: nếu chưa xác định được/chưa rõ thì để trống);
- (14) Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế giấy báo tử: số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp (tách biệt riêng các trường thông tin số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp; có chú thích nếu không có thì để trống);
- (15) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(16) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai tử nhận Trích lục khai tử (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽⁹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽¹⁰⁾ /TLKT , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:⁽³⁾

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày.....

ghi bằng chữ:.....

Nơi chết:

Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử số
.....do.....

..... cấp ngày

Họ, chữ đệm, tên người đi khai tử:.....

.....

Giấy tờ tùy thân:

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

⁽⁹⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục khai tử(ghi đủ các cấp hành chính).

⁽¹⁰⁾ Ghi theo Số trong Sổ đăng ký khai tử.

⁽³⁾ Chỉ ghi trong trường hợp đã được cấp Số định danh cá nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN
(1)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2) /TLKT-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc:Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày.....

ghi bằng chữ:.....

Nơi chết:.....

Đã được đăng ký khai tử tại: (3)

Số:ngày..... tháng năm

Thực hiện trích lục từ:(4)

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

(4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

10. Thủ tục đăng ký giám hộ (QT-XP-10)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký giám hộ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký giám hộ. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Luật Dân sự năm 2015;- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,

	<p>chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cử. - Giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên. 	X	

<p>Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu</p>	X	

	<p>người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, ịn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký giám hộ), người có yêu cầu đăng ký giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký giám hộ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	03 ngày làm việc.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ</p>		

	hoặc người giám hộ. Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền				
3.6	Lệ phí, Phí				
	- Miễn Lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao				
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	- Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính), bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ). - Bản điện tử Trích lục đăng ký giám hộ (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch).				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản, xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống (Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký giám hộ 	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám hộ</p>	

	Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám hộ (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí, hoàn tất việc nộp hồ sơ.				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký giám hộ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký giám hộ.</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	01 giờ làm việc	Hồ sơ	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ	Công		Hồ sơ	

	<p>sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>chức Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>			
<p>B4</p>	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy yêu cầu đăng ký giám hộ đủ</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 02 ngày làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	

	<p>điều kiện theo quy định pháp luật, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký giám hộ theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký giám hộ theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký giám hộ điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký giám hộ điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch in Trích lục đăng ký giám hộ, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số chuyên hồ sơ từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Bộ phận Một cửa</p>				
B5	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục đăng ký giám hộ bản giấy, ký số Trích lục đăng ký giám hộ bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự chuyển kết quả giải quyết điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trong trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức	Không quá 02 giờ làm việc	Trích lục đăng ký giám hộ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công

	<p>tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy bản kết quả điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố chuyển Bộ phận Một cửa.</p> <p>- Bản giấy kết quả chuyên cho công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p>	VP-TK Công chức Bộ phận Một cửa			dân đến nhận
B6	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục(nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>6. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>8. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Trong giờ hành chính	Trích lục đăng ký giám hộ	<p>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</p> <p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục đăng ký giám hộ (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan đăng ký việc giám hộ giữa:

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:⁽²⁾Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch: ⁽²⁾.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾..... Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Lý do đăng ký giám hộ:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng . năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁴⁾: Có , Không

Số lượng:bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đôi với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyển số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký giám hộ

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về người giám hộ

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính;
- (8) Dân tộc;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số định danh cá nhân;
- (11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

III. Thông tin về người được giám hộ

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Giới tính;
- (16) Dân tộc;
- (17) Quốc tịch;
- (18) Số định danh cá nhân;

(19) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/Thẻ CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(21) Lý do đăng ký giám hộ;

(22) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(23) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVD, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký giám hộ nhận Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽¹²⁾ /TLGH , ngày tháng năm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

.....

Việc giám hộ có hiệu lực kể từ ngày cấp Trích lục./.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

⁽¹¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục đăng ký giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽¹²⁾ Ghi số trong Sổ đăng ký giám hộ.

ỦY BAN NHÂN DÂN

(1)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TLGH-BS

....., ngày.....thángnăm

**TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ
(BẢN SAO)**

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký giám hộ tại:⁽³⁾Sốngày.....thángnăm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký giám hộ, số, ngày tháng năm đăng ký.

(4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký giám hộ hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

11. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ (QT-XP-11)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị chấm dứt giám hộ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký chấm dứt giám hộ. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Luật Dân sự năm 2015;- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.
- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo Bộ luật Dân sự. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	

<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị</p>		

	<p>người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. - Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ), người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký chấm dứt giám hộ. 		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc.		
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính), bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ). - Bản điện tử Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 		
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi đã đăng ký giám hộ trước đây <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>		
3.7	Lệ phí, Phí		

	Miễn Lệ phí. Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ: 8.000 đồng/bản sao trích lục				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký chấm dứt giám hộ; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ. - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), đăng nhập vào hệ thống (Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền. <p>Công DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám hộ (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám hộ</p>	
B2	Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ	Công	Không	Hồ sơ	

	<p>thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ.</p>	<p>chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>quá 01 giờ làm việc</p>		
<p>B3</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển,</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	

	<p>công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>				
B4	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo hình thức trực tuyến, công</p>		Không quá 12 giờ làm việc	Hồ sơ	

	<p>chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch in Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện hồ sơ và chuyển Bộ phận Một cửa</p>				
B5	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ bản giấy, ký số Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ bản điện tử chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành. - Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử đến Bộ phận một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố chuyển Bộ phận Một cửa. - Bản giấy kết quả được chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển kết quả giải quyết cho công chức Bộ phận Một cửa để trả kết quả. 	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã</p> <p>Công chức TP-HT</p> <p>Công chức VP-TK</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 02 giờ làm việc</p>	<p>Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ</p>	<p>Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận</p>
B6	1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính	Công	Trong	Hồ sơ	Thông tin

	<p>giấy tờ tùy thân, hồ sơ (Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>giờ hành chính</p>		<p>đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
<p>4</p>	<p>Biểu mẫu</p>				
<p>Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)</p>					
<p>Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)</p>					
<p>Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)</p>					
<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp)</p>					

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan đăng ký chấm dứt việc giám hộ giữa:

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú⁽²⁾:

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú ⁽²⁾:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân⁽³⁾:

Đã đăng ký giám hộ tại ⁽⁴⁾

ngày tháng năm số quyền số:

Lý do chấm dứt việc giám hộ:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày .. tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁵⁾: Có , Không

Số lượng: ... bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký chấm dứt giám hộ.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em)

Ví dụ: - Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021

- Giấy khai sinh số 01/2014, quyền số 02 do UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp ngày 15/11/2014.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký).

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về người giám hộ

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính;
- (8) Dân tộc;
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số định danh cá nhân;
- (11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về người được giám hộ

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Giới tính;
- (16) Dân tộc;
- (17) Quốc tịch;
- (18) Số định danh cá nhân;
- (19) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (Giấy khai sinh/CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(20) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(21) Đăng ký giám hộ: số, ngày, tháng, năm đăng ký, cơ quan đăng ký;

(22) Lý do chấm dứt giám hộ;

(23) đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(24) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nhận Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹³⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽¹⁴⁾ /TLCĐGH , ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC
ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ

Người giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký giám hộ tại: ⁽³⁾

Số.....ngày.....tháng.....năm

Đã chấm dứt giám hộ.

Lý do chấm dứt:

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

⁽¹³⁾Ghi tên cơ quan cấp Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽¹⁴⁾Ghi theo số trong Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ.

⁽³⁾Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TLCĐGH-BS

....., ngày..... tháng..... năm

**TRÍCH LỤC
ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ
(BẢN SAO)**

Người giám hộ:.....

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:Quốc tịch:.....

Giấy tờ tùy thân:

Người được giám hộ:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký giám hộ tại: ⁽³⁾.....số.....ngày..... tháng năm.....

Đã đăng ký chấm dứt giám hộ, sốngày.....tháng.....năm.....

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng
dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký).
- (4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

12. Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (QT-XP-12)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đề nghị thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và

<p>lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.</p> <p>- Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội</p>			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>- Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);</p> <p>- Mẫu hộ tịch điện tử tương tác thực hiện đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp</p> <p>- Giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>	X	
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ</p>	X	

<p>khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký đăng ký thay đổi, cải</p>		

	<p>chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục thay đổi/cải chính/ bổ sung thông tin hộ tịch hoặc bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch), người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p>		
<p>3.3</p>	<p>Số lượng hồ sơ</p>		
	<p>01 bộ</p>		
<p>3.4</p>	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>+ Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thì còn phải có sự đồng ý của người đó.</p> <p>+ Việc cải chính hộ tịch chỉ được giải quyết sau khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch; không cải chính nội dung trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác.</p> <p>+ Giấy tờ hộ tịch quy định đã cấp cho cá nhân trước ngày 01/01/2016 (ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực) có giá trị sử dụng mà không phải bổ sung thông tin hộ tịch còn thiếu so với biểu mẫu hộ tịch hiện hành.</p> <p>+ Giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ kể từ ngày 01/01/2016 mà thông tin hộ tịch còn thiếu thì được bổ sung, nếu có giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hợp lệ chứng minh.</p> <p>Yêu cầu ghi bổ sung quốc tịch Việt Nam chỉ thực hiện đối với giấy tờ hộ tịch được cấp kể từ ngày 01/01/2016, sau khi đã xác định người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>		

3.5	Thời gian xử lý				
	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. 				
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (bản chính), bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch). - Bản điện tử Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 				
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc UBND cấp xã nơi cư trú của người có yêu cầu có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước. - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử. <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>				
3.8	Lệ phí, Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu). - Lệ phí đăng ký theo hình thức trực tiếp: 5.000 đồng - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch: 8.000 đồng/bản sao trích lục 				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch nộp hồ sơ thay đổi, cải</p>	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	

	<p>chính, bổ sung thông tin hộ tịch tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch; nộp phí cấp bản sao Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống (Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			<p>Biểu mẫu điện tử tương tác thực hiện đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả</p>	

	<p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>		<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>- Bổ sung hộ tịch 01 giờ làm việc - Thay đổi, cải</p>	<p>- Trích lục thay đổi hộ tịch/Trích lục cải chính hộ tịch/Trích lục bổ sung hộ tịch - Thông báo hồ sơ</p>	

<p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, cập nhật thông tin đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông</p>		<p>chính hộ tịch: 02 ngày làm việc; - Thời gian xác minh (nếu có): 05 ngày làm việc</p>	<p>không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo bổ sung hồ sơ</p>
--	--	---	--

	<p>tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, cập nhật thông tin thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch in Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch tương ứng, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số.</p>				
B5	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch bản giấy, ký số Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển bản điện tử kết quả đến Bộ phận Một cửa. Trong trường hợp Hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản điện tử kết quả trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, chuyển công chức Bộ phận Một cửa.</p> <p>- Bản giấy kết quả được chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển kết quả giải quyết cho Bộ phận Một cửa.</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã</p> <p>Công chức TP-HT</p> <p>Công chức VP-TK</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>	<p>Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận</p>
B6	<p>1. Tiếp nhận kết quả giải quyết từ công chức Tư pháp – hộ tịch.</p> <p>2. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ</p> <p>3. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>4. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>5. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p> <p>Công dân</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>Trích lục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch</p>	<p>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</p> <p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>

	<p>sao.</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>				
B7	<p>- Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn; bổ sung thông tin hộ tịch vào mục tương ứng và đóng dấu vào nội dung bổ sung.</p> <p>Trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì UBND cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến UBND nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.</p> <p>Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì UBND cấp xã thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.</p> <p>- Thực hiện lưu hồ sơ theo quy định</p>	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Trong giờ hành chính		
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký thay đổi/ cải chính/ bổ sung thông tin hộ tịch (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục thay đổi hộ tịch/Trích lục cải chính hộ tịch/Trích lục bổ sung thông tin hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác thực hiện đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ VIỆC THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH,
BỔ SUNG THÔNG TIN HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC**

Kính gửi: ⁽¹⁾.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾.....

Quan hệ với người được thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch:

Đề nghị cơ quan đăng ký việc ⁽⁴⁾

cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾..... Dân tộc: ⁽²⁾..... Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾.....

Đã đăng ký ⁽⁵⁾

tại.....

ngày..... tháng năm số: Quyển số:.....

Nội dung: ⁽⁶⁾

Lý do:.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị cấp bản sao⁽⁷⁾: Có , Không ; số lượng:..... bản⁽⁷⁾.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Ý kiến của người được thay đổi họ, chữ đệm, tên (nếu người đó từ đủ 9 tuổi trở lên); xác định lại dân tộc (nếu người đó từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi)

.....
.....

Ý kiến của cha và mẹ (nếu thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi)

.....
.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ nội dung loại việc đề nghị đăng ký.

Ví dụ: thay đổi họ, tên/ cải chính phần khai về chữ đệm của người mẹ/ xác định lại dân tộc/ bổ sung phần khai về năm sinh của người cha.

(5) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây có liên quan.

Ví dụ: Đã đăng ký khai sinh tại UBND xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ngày 05 tháng 01 năm 2015, số 10 quyền số 01/2015.

(6) Ghi rõ nội dung đề nghị thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.

Ví dụ: - Được thay đổi họ từ Nguyễn Văn Nam thành Vũ Văn Nam.

- Được cải chính năm sinh từ 1975 thành 1976.

(7) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC THỰC HIỆN
ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH, BỔ SUNG THÔNG TIN HỘ TỊCH,
XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC**

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.

II. Thông tin về người có nội dung thay đổi

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nơi cư trú: (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin về nội dung đề nghị đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc

- (14) Tên loại Giấy tờ hộ tịch đã đăng ký (số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký);
- (15) Nội dung đề nghị thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông hộ tịch, xác định lại dân tộc;
- (16) Lý do thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông hộ tịch, xác định lại dân tộc;
- (17) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu:...

Không

(18) Phương thức nhận kết quả:

Trực tiếp

Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)

Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).

(19) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống thông qua việc xác thực điện tử theo quy định.

Số: ⁽¹⁶⁾ /TL....., ngày..... tháng năm.....

TRÍCH LỤC

(17)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ⁽¹⁸⁾

Trong ⁽¹⁹⁾

Số: ngày

Nơi đăng ký:

Nội dung⁽⁶⁾:

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

⁽¹⁵⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽¹⁶⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc và chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế (Ví dụ: 01/TLĐHT nếu là việc thay đổi hộ tịch)

⁽¹⁷⁾ Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.

⁽¹⁸⁾ Ghi theo nội dung thực tế giải quyết: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh, quê quán ...; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha...; xác định lại dân tộc.

⁽¹⁹⁾ Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung được yêu cầu thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.

⁽⁶⁾ Ghi rõ nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Ví dụ: thay đổi họ từ Nguyễn Văn Nam thành Vũ Văn Nam; bổ sung thông tin về ngày tháng sinh thành ngày 01 tháng 01...)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾ /TL-BS , ngày.....thángnăm ...

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
(BẢN SAO)
.....

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc:Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký việc⁽⁴⁾

Trong⁽⁵⁾

Sốngày

Nội dung:⁽⁶⁾

Nơi đăng ký:⁽⁷⁾

Số ngày

Thực hiện trích lục từ:⁽⁸⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

13. Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (QT-XP-13)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đề nghị Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

	<p>hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
<p>3.2</p>	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu điện tử tương tác cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	<p>X</p>	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ/chồng đã chết thì phải xuất trình (bản chính) hoặc nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh; 	<p>X</p>	

<p>- Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài thì phải nộp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.</p> <p>- Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc do Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã hết thời hạn sử dụng theo quy định thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau, người yêu cầu cung cấp các giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân tại nơi thường trú trước đây (nếu có). Trên cơ sở các thông tin được cung cấp, cơ quan đăng ký hộ tịch tra cứu thông tin về tình trạng hôn nhân của người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không tra cứu được tình trạng hôn nhân do chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì</p>		

cơ quan đăng ký hộ tịch đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú/nơi đã đăng ký kết hôn xác minh, cung cấp thông tin. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận được đề nghị xác minh có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và gửi kết quả về tình trạng hôn nhân của người đó.

- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích kết hôn thì cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ cấp 01 bản cho người yêu cầu.

- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn thì trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ mục đích sử dụng, số lượng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp theo yêu cầu.

- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với người cùng giới tính hoặc kết hôn với người nước ngoài tại Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.

- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo

	<p>hình thức trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả, người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định pháp luật hộ tịch. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; 		<p>Người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn:</p>

+ Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ;
 + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.
 - Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.
 Trường hợp yêu cầu cấp Giấy để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì công dân không phải đáp ứng điều kiện kết hôn.

3.5 Thời gian xử lý

03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.

3.6 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân(bản chính).
 - Bản điện tử Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại cơ quan đăng ký hộ tịch).

3.7 Nơi tiếp nhận và trả kết quả

- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)
 - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (<https://dichvucong.hanoi.gov.vn>)
 - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú.
 - Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không có nơi thường trú nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
 Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền

3.8 Lệ phí

- Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
 Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu).
 - Lệ phí đăng ký theo hình thức trực tiếp: 3.000 đồng/việc
 - Phí trích lục bản sao hộ tịch: 8.000 đồng/bản trích lục

3.9 Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc	Công		Thành	

	<p>nộp trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí. - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng, đăng nhập vào hệ thống (Tài khoản gồm Tên đăng nhập và mật khẩu VNeID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền. <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>	dân		<p>phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p>	Công chức Bộ phận Một cửa		Hồ sơ	

	<p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>01 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả,</p>		<p>Không quá 01 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 21</p>		

<p>trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau thì người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Trường hợp người yêu cầu không chứng minh được thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó.</p> <p>Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã được yêu cầu, tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về tình trạng hôn nhân trong thời gian thường trú tại địa phương của người có yêu cầu.</p> <p>Nếu kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời thì cho phép người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình.</p> <p>* Trường hợp người yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn mà không nộp lại được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đây, thì người yêu cầu phải trình bày rõ lý do không nộp lại được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản trao đổi với nơi dự định</p>		ngày làm việc		
--	--	---------------------	--	--

	<p>đăng ký kết hôn trước đây để xác minh. Trường hợp không xác minh được hoặc không nhận được kết quả xác minh thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho phép người yêu cầu lập văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân.</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo hình thức trực tiếp, sau khi hoàn tất thủ tục thì công chức tư pháp - hộ tịch cập nhật thông tin xác nhận tình trạng hôn nhân và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận tình trạng hôn nhân theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân điện tử và xác nhận (tối đa một ngày). Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch cập nhật thông tin xác nhận tình trạng hôn nhân và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p>				
B5	Công chức tư pháp - hộ tịch in Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 02 giờ làm việc		
B6	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bản giấy, ký số Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử tới Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức VP-TK Công chức Bộ	Không quá 02 giờ làm việc	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận

	<p>của Bộ Tư pháp đẩy lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố chuyển Bộ phận Một cửa.</p> <p>- Bản giấy kết quả giải quyết TTHC chuyển công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển kết quả giải quyết tới Bộ phận Một cửa.</p>	phận Một cửa			
B7	<p>Công dân đến UBND cấp xã</p> <p>1. Công chức Bộ phận Một cửa tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC từ công chức Tư pháp – hộ tịch.</p> <p>2. Công chức đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ</p> <p>3. Xác nhận đã đổi chiếu bản chính</p> <p>4. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>5. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>7. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Công dân</p> <p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	<p>Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân</p> <p>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</p> <p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Tình trạng hôn nhân: ⁽⁴⁾

Mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: ⁽⁵⁾

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:....., ngày tháng
..... năm

Người yêu cầu
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan cấp giấy XNTTHN.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Chỉ ghi trong trường hợp người phải cung cấp thông tin chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin thì ghi như sau:

- Nếu chưa bao giờ kết hôn thì ghi rõ là hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

- Nếu đang có vợ/chồng thì ghi rõ là hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông... (Giấy chứng nhận kết hôn số..., do... cấp ngày... tháng... năm...).

- Nếu chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) chết hoặc bị tuyên bố là đã chết thì ghi rõ là hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông....

- Nếu có đăng ký kết hôn hoặc chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, nhưng đã ly hôn và chưa kết hôn mới thì ghi rõ là đã đăng ký kết hôn hoặc đã có vợ/chồng, nhưng đã ly hôn theo Bản án/Quyết định ly hôn số... ngày... tháng... năm... của Tòa án nhân dân...; hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

- Nếu có đăng ký kết hôn hoặc chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, nhưng vợ/chồng đã chết và chưa kết hôn mới thì ghi rõ là đã đăng ký kết hôn hoặc đã có vợ/chồng, nhưng vợ/chồng đã chết (Giấy chứng tử/Trích lục khai tử/Bản án số:... do... cấp ngày... tháng... năm...); hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

- Nếu người đang có vợ/chồng yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian trước khi đăng ký kết hôn thì ghi rõ là trong thời gian từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng...năm...chưa đăng ký kết hôn với ai; hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông... (Giấy chứng nhận kết hôn số ..., do ... cấp ngày...tháng...năm).

- Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh; người đã qua nhiều nơi thường trú khác nhau đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân tại nơi thường trú trước đây thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian đã thường trú tại nơi đó (Ví dụ: Không đăng ký kết hôn với ai trong thời gian cư trú tại , từ ngày..... tháng năm đến ngày tháng năm).

- Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú tại nước đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại CHLB Đức từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức).

⁽⁵⁾ Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn, thì phải ghi rõ kết hôn với ai (họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; giấy tờ tùy thân; nơi cư trú); nơi dự định đăng ký kết hôn.

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC YÊU CẦU CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

I. Thông tin về người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

II. Thông tin về người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (14) Tình trạng hôn nhân;
- (15) Mục đích sử dụng Giấy XNTTHN: Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn, thì phải ghi rõ kết hôn với ai (họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; giấy tờ tùy thân); nơi dự định đăng ký kết hôn.
- (16) Phương thức nhận kết quả:
 - Trực tiếp
 - Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (17) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm hoàn tất việc cung cấp thông tin); người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống thông qua việc xác thực điện tử theo quy định.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-XNTTHN, ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
.....⁽²⁾

Xét đề nghị của ông/bà⁽³⁾:.....
về việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho⁽⁴⁾

XÁC NHẬN:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:.....Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:.

Nơi cư trú:

Tình trạng hôn nhân:

Giấy này được sử dụng để:

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị đến thời điểm thay đổi tình trạng hôn nhân hoặc 06 tháng kể từ ngày cấp, tùy theo thời điểm nào đến trước.

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi tên cơ quan cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. (Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn).

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm, tên của công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã hoặc viên chức lãnh sự được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết.

(4) Ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

14. Thủ tục đăng ký lại khai sinh (QT-XP-14)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân đăng ký lại khai sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký lại khai sinh. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã nộp đủ các giấy tờ hiện có (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký lại khai sinh, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy khai sinh, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, 	X	

<p>tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh); Bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. + Trường hợp người yêu cầu không có giấy tờ nêu trên thì phải nộp bản sao giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân. <p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác 	X	

<p>từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		
<p>* Lưu ý - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại khai sinh theo</p>		

	<p>quy định pháp luật hộ tịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại khai sinh. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc khai sinh đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh đều bị mất. - Người có yêu cầu còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại. 		
3.5	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh (bản chính); bản sao Giấy khai sinh (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh). - Bản điện tử Giấy khai sinh (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc UBND cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú. <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>		
3.8	Lệ phí, Phí		
	- Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.		

	<p>trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký lại khai sinh.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>			
B4	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do</p>	<p>Công chức Tư pháp</p>	<p>không quá 03</p>	<p>Hồ sơ</p>	

<p>người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>Trường hợp việc đăng ký lại khai sinh được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải nơi đăng ký khai sinh trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ sổ hộ tịch.</p> <p>Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được sổ hộ tịch.</p> <p>Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông</p>	<p>- Hộ tịch</p>	<p>ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày làm việc.</p>		
--	------------------	---	--	--

	<p>tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.</p> <p>Sau khi nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được Sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký khai sinh hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy việc đăng ký lại khai sinh chính xác, đúng quy định pháp luật, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại khai sinh theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký lại khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại khai sinh theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký lại khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch in Giấy khai sinh, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số</p>				
B5	- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh bản giấy, ký số Giấy khai sinh bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và	Lãnh đạo UBND cấp xã	Không quá 02 giờ làm	Giấy khai sinh	Hệ thống gửi tin nhắn tới

	<p>công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử tới công chức Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, đẩy lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và chuyển công chức Bộ phận Một cửa.</p> <p>- Bản giấy kết quả chuyển công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển kết quả giải quyết tới công chức Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p>	<p>Công chức TP-HT</p> <p>Công chức VP-TK</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa.</p>	việc		<p>email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận</p>
B6	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>6. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	<p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				

	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)
	Tờ khai đăng ký lại khai sinh (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
	Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai sinh (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị quan đăng ký lại khai sinh cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch:⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký khai sinh tại: ⁽⁶⁾

Giấy khai sinh số: ⁽⁷⁾, quyển số ⁽⁷⁾ ngày /

...../.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁸⁾: Có ,

Không

Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại khai sinh

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ cơ sở y tế đó; trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh) nơi sinh ra; trường hợp không rõ nơi sinh đầy đủ thì chỉ ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Ghi tên cơ quan đã đăng ký khai sinh trước đây.

(7) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

(8) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký lại khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin: ngày, tháng, năm; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán;
- (13) Số định danh cá nhân;
- (14) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm.

III. Thông tin về người mẹ của người được đăng ký lại khai sinh

- (15) Họ, chữ đệm, tên;
- (16) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin: ngày, tháng, năm);
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;
- (19) Số định danh cá nhân;
- (20) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (21) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được đăng ký lại khai sinh

(22) Họ, chữ đệm, tên;

(23) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 3 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Số định danh cá nhân;

(27) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(28) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

V. Thông tin về việc đăng ký khai sinh trước đây

(29) Cơ quan đăng ký khai sinh trước đây;

(30) Giấy khai sinh (số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký);

(31) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(32) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy khai sinh, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại Cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú



Số:⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ⁽⁴⁾.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số:⁽³⁾...../GKS-BS

⁽²⁾

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.

⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.

⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.

⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.

⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

15. Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (QT-XP-15)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none">- Áp dụng đối với cá nhân đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.- Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc

	<p>tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cam đoan của người yêu cầu về việc chưa được đăng ký khai sinh. - Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: <i>Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu</i>; giấy tờ chứng minh 	X	

	<p>về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
	<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điện tử đồng bộ thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
-	<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p>		

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; *số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử*. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký khai sinh theo quy định pháp luật hộ tịch.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được

	<p>giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01/01/2016, chưa được đăng ký khai sinh, có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (bản chính hoặc bản sao được chứng thực hợp lệ) như: giấy tờ tùy thân; Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<p>- Giấy khai sinh (bản chính), bản sao Giấy khai sinh(trường hợp yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh).</p> <p>- Bản điện tử Giấy khai sinh (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) UBND cấp xã nơi cư trú của người đăng ký khai sinh hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>		
3.8	Lệ phí		
	<p>- Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu).</p> <p>- Lệ phí đăng ký theo hình thức trực tiếp: 5.000 đồng/việc</p>		

3.9 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc nộp qua bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân 	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2 Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>(ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ 	

	<p>bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp).</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ</p>	
B4	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch truy cập Hệ thống thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>- Không quá 03 ngày làm việc</p> <p>- Thời gian xác minh: Không quá 23 ngày làm việc</p>	<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ Thông báo bổ sung hồ sơ</p>	

	<p>cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.</p> <p>+ Sau khi nhận được kết quả xác minh hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>- Công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo Giấy khai sinh, trình Lãnh đạo UBND ký, ký số</p>				
B5	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số: Giấy khai sinh; Thông báo nếu hồ sơ không đủ</p>	Lãnh đạo	Không quá 05	- Giấy khai sinh	Hệ thống gửi tin nhắn

	<p>điều kiện giải quyết /Thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có) chuyên công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử tới Bộ phận một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải Bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, đẩy lên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của Bộ Tư pháp và chuyển bản kết quả điện tử tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p> <p>- Bản giấy kết quả sau khi đóng dấu chuyển đến công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển kết quả giải quyết tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p>	<p>UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức VP-TK Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>giờ làm việc</p>		<p>tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận</p>
B6	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>6. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>Hồ sơ</p>	<p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>

4	Biểu mẫu
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)
	Tờ khai đăng ký khai sinh (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
	Giấy khai sinh, Giấy khai sinh bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:

Giới tính:..... Dân tộc:.....Quốc tịch:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾.....

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch: ⁽²⁾.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh: ⁽⁵⁾.....Dân tộc: ⁽²⁾.....Quốc tịch: ⁽²⁾.....

Nơi cư trú: ⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ (nếu cha, mẹ trẻ đã ĐKKH):

Số:....., Quyển số:, đăng ký ngày ... tháng ... năm tại.....

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không
Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC

ĐĂNG KÝ KHAI SINH

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai sinh.

II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
- (12) Quê quán.

III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số định danh cá nhân;
- (16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (17) Dân tộc;
- (18) Quốc tịch;
- (19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh

- (20) Họ, chữ đệm, tên;
- (21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến)

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH





Số:⁽¹⁾.....

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ghi bằng chữ:.....

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi sinh:.....

Quê quán:.....

Số định danh cá nhân:.....

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người cha:.....

Năm sinh:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:.....

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:.....

Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký khai sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

Sao từ⁽⁴⁾.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Số:⁽³⁾...../GKS-BS

⁽²⁾

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.

⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.

⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)



Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.

⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.

⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

16. Thủ tục đăng ký lại kết hôn (QT-XP-16)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký lại kết hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký lại kết hôn. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ

	<p>tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
<p>3.2</p>	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại kết hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký lại kết hôn, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	<p>X</p>	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn. 		<p>X</p>

<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của cả hai bên có yêu cầu đăng ký lại kết hôn. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền (nếu việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đăng ký kết hôn trước đây) trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (trực tuyến).</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê</p>		X

	<p>khai đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy chứng nhận kết hôn), hai bên nam, nữ có yêu cầu đăng ký lại kết hôn xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại kết hôn theo quy định pháp luật hộ tịch. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại kết hôn không cung cấp được giấy tờ nêu trên quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại kết hôn. 		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc kết hôn đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký kết hôn và bản chính Giấy chứng nhận kết hôn đều bị mất; - Người yêu cầu đăng ký lại kết hôn còn sống vào thời điểm đăng ký lại kết hôn. 		
3.5	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), mỗi bên vợ, chồng 01 bản. - Bản điện tử Trích lục kết hôn (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch). 		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		

- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (<https://dichvucong.hanoi.gov.vn>)
 - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú.
 Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền

3.8 Lệ phí

- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
 - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu).
 - Lệ phí đăng ký theo hình thức trực tiếp: 5.000 đồng/việc

3.9 Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)(bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn: - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký lại kết hôn</p>	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại kết hôn</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. (i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<p>- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ</p>	

	<p>hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký lại kết hôn.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 01 giờ làm việc</p>	<p>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch truy cập Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất,</p>		<p>Không quá 03 ngày</p>	<p>- Hồ sơ, Giấy chứng nhận kết</p>	

<p>hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>Trường hợp việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải nơi đã đăng ký kết hôn trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ sổ hộ tịch tại địa phương.</p> <p>Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký kết hôn trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được Sổ hộ tịch.</p> <p>+ Sau khi nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được Sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký kết hôn hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>làm việc Trường hợp xác minh: 23 ngày làm việc</p>	<p>hôn - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo bổ sung hồ sơ -Văn bản xác minh</p>	
--	------------------------------------	---	--	--

	<p>minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại kết hôn theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký lại kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại kết hôn theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Giấy chứng nhận kết hôn điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy chứng nhận kết hôn điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin đăng ký lại kết hôn và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>- Công chức tư pháp - hộ tịch in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký, ký số chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.</p>				
B5	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký Giấy chứng nhận kết hôn bản giấy, ký số Giấy chứng nhận kết hôn bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển bản điện tử kết quả giải quyết tới Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức	Không quá 01 giờ làm việc	Sổ đăng ký kết hôn và Giấy Chứng nhận kết hôn	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của

	<p>tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, đẩy lên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p> <p>Lưu ý: Bản điện tử kết quả (chưa có chữ ký của bên vợ, bên chồng) chỉ lưu hành nội bộ, không gửi đến công dân.</p> <p>- Bản giấy kết quả sau khi đóng dấu được chuyển tới công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển kết quả giải quyết tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p>	VP-TK Công chức Bộ phận Một cửa			<p>công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận. Hệ thống hiển thị hồ sơ đã được giải quyết</p>
B6	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Công chức Bộ phận Một cửa scan lại Giấy chứng nhận kết hôn (Bản có đầy đủ chữ ký của bên vợ, bên chồng; chữ ký của lãnh đạo UBND xã; dấu của UBND xã) cập nhật lên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Hệ thống tự động chuyển bản điện tử kết quả (Bản có đầy đủ chữ ký của bên vợ, bên chồng; chữ ký của lãnh đạo UBND xã; dấu của UBND xã) đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>5. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao. Công chức trao Giấy Chứng nhận kết hôn</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p>	<p>- Công dân</p> <p>- Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p> <p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	Trong giờ hành chính	<p>- Giấy chứng nhận kết hôn</p> <p>- Sổ Đăng ký kết hôn</p>	<p>Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân</p> <p>Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia</p>

	8. Lưu trữ hồ sơ theo quy định				
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký lại kết hôn (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục kết hôn (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại kết hôn (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023 của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KẾT HÔN

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đề nghị cơ quan đăng ký lại kết hôn theo nội dung dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Họ, chữ đệm, tên của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký kết hôn tại: ⁽⁴⁾

..... ngày tháng năm

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: ⁽⁵⁾, Quyền số: ⁽⁵⁾

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có , Không

Số lượng: bản

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại kết hôn.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký kết hôn trước đây.

(5) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ LẠI KẾT HÔN

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại kết hôn

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin người vợ

- (5) Họ, chữ đệm, tên;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Dân tộc;
- (8) Quốc tịch;
- (9) Số định danh cá nhân;
- (10) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (11) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

III. Thông tin người chồng

- (12) Họ, chữ đệm, tên;
- (13) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (14) Dân tộc;
- (15) Quốc tịch;
- (16) Số định danh cá nhân;
- (17) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về việc đăng ký kết hôn trước đây

(19) Nơi đăng ký kết hôn trước đây;

(20) Giấy chứng nhận kết hôn (số, quyền số, ngày, tháng, năm đăng ký);

(21) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(22) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký lại kết hôn nhận Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:..... Dân tộc:.....

Quốc tịch:..... Quốc tịch:.....

Nơi cư trú:..... Nơi cư trú:.....

Giấy tờ tùy thân:..... Giấy tờ tùy thân:.....

Nơi đăng ký kết hôn:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

Vợ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chồng

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN



PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)

Số: ⁽²⁾ /TLKH-BS ngày..... tháng năm

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... Họ, chữ đệm, tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

Đăng ký kết hôn tại ⁽³⁾

Số..... ngày..... tháng..... năm.....

Ghi chú:⁽⁴⁾

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

17. Thủ tục Đăng ký lại khai tử (QT-XP-17)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân đề nghị đăng ký lại khai tử thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký lại khai tử. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ</p>

	<p>tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
<p>3.2</p>	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký lại khai tử, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng tử/Trích lục khai tử, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). - Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	<p>X</p>	
	<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ. Nếu không có bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết. 	<p>X</p>	

<p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình: - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai tử. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p>		

	<p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử), người có yêu cầu đăng ký lại khai tử phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại khai tử theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký lại khai tử không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại khai tử.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>Việc khai tử đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai tử và bản chính Giấy chứng tử đều bị mất.</p>		
3.5	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.		
3.6	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	<p>- Trích lục khai tử (bản chính), bản sao Trích lục khai tử (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục khai tử).</p> <p>- Bản điện tử Trích lục khai tử (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</p>		
3.7	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p> <p>- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây</p> <p>Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền</p>		

3.8	Lệ phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn Lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Theo quy định tại Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND: Khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công trước ngày 01/01/2026 thì mức thu Lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến bằng Không (Không thu). - Lệ phí đăng ký theo hình thức trực tiếp: 5.000 đồng/ việc 				
3.9	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc nộp qua bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký lại khai tử 	Công dân		<p>Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2</p> <p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai tử</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến),</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin,</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ 	

	<p>ơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>(ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Nếu người có yêu cầu đăng ký lại khai tử không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký lại khai tử.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp).</p>	- Công chức Tư pháp - Hộ tịch Công chức Một cửa	Không quá 01 giờ làm việc	Hồ sơ	
B4	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch truy cập Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch, thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không</p>	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 03 ngày làm việc Trường hợp xác minh: Không quá 08 ngày làm việc	- Trích lục khai tử, - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo bổ sung hồ sơ	

thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).

+ Nếu thấy thông tin khai tử đầy đủ và phù hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại khai tử theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký lại khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại khai tử theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.

Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục khai tử điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).

Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai tử, cập nhật thông tin đăng ký lại khai tử và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

- Công chức tư pháp - hộ tịch dự thảo Trích lục khai tử, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.

B5	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục khai tử bản giấy, ký số Trích lục khai tử bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự động chuyển bản kết quả điện tử tới công chức Bộ phận Một cửa. Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp, đẩy lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và chuyển công chức Bộ phận Một cửa.</p> <p>- Bản giấy kết quả chuyển công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển kết quả giải quyết tới công chức Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức VP-TK Công chức Bộ phận Một cửa.</p>	<p>Không quá 05 giờ làm việc</p>	<p>Trích lục khai tử</p>	<p>Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận</p>
B6	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ (Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân)</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>6. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>9. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>Trong giờ hành chính</p>	<p>Hồ sơ</p>	<p>Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>

4	Biểu mẫu
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)
	Tờ khai đăng ký lại khai tử (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
	Trích lục khai tử (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai tử (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KHAI TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại khai tử cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú cuối cùng: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết: ⁽⁴⁾

Đã đăng ký khai tử tại: ⁽⁵⁾ ngày tháng năm

Giấy chứng tử/Trích lục khai tử số: ⁽⁶⁾, quyển số: ⁽⁶⁾ ...

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁷⁾: Có , Không

Số lượng: bản

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại khai tử.

(2) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân; không cung cấp đầy đủ thông tin ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(4) Trường hợp chưa xác định được thì để trống.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký khai tử trước đây.

(6) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

(7) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ LẠI KHAI TỬ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại khai tử

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được khai tử.

II. Thông tin về người được đăng ký lại khai tử

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Số định danh cá nhân;
- (9) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (10) Nơi cư trú cuối cùng (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi sinh sống trước khi chết);
- (11) Thời gian chết: giờ, phút, ngày, tháng, năm (tách biệt riêng các trường thông tin giờ, phút, ngày, tháng, năm);
- (12) Nơi chết;
- (13) Nguyên nhân chết (có chú thích: nếu chưa xác định được/chưa rõ thì để trống).

III. Thông tin về việc đăng ký khai tử trước đây

- (14) Nơi đăng ký khai tử trước đây;
- (15) Giấy chứng tử/Trích lục khai tử (số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký);
- (16) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(17) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng tử/Trích lục khai tử, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký lại khai tử nhận Trích lục khai tử (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký lại khai tử tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....
(20)

....., ngày..... tháng năm

Số: (21) /TLKT

TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:⁽³⁾

Giấy tờ tùy thân:

.....
.....
Đã chết vào lúc.....giờ.....phút,
ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử số
.....do.....
..... cấp ngày

Họ, chữ đệm, tên người đi khai tử:.....

Giấy tờ tùy thân:

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

.....
⁽²⁰⁾ Ghi tên cơ quan cấp Trích lục khai tử(ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²¹⁾ Ghi theo Số trong Sổ đăng ký khai tử.

⁽³⁾ Chỉ ghi trong trường hợp đã được cấp Số định danh cá nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLKT-BS

....., ngày..... thángnăm

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút,

ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾ ..Số: ngày.....

tháng..... năm

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ,
đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

(2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

(4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

18. Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ (QT-XP-18)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký giám sát việc giám hộ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký giám sát việc giám hộ. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Luật Dân sự năm 2015;- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký giám sát việc giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký giám sát việc giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	
	<ul style="list-style-type: none"> * Giấy tờ phải nộp: - Văn bản là căn cứ chứng minh việc thoả thuận cử/chọn người giám 	X	

<p>sát việc giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký giám sát việc giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <p>- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	X	
<p>* Lưu ý</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không</p>	X	

	<p>quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký giám sát việc giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký giám sát việc giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ), người có yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký giám sát việc giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký giám sát việc giám hộ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	<p>- Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> <p>- Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</p>		

	- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền				
3.6	Lệ phí, Phí				
	- Miễn Lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao				
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	- Trích lục đăng ký đăng ký giám sát việc giám hộ (bản chính), bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ(trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ). - Bản điện tử Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ(Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch).				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa có thẩm quyền; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản, xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống (Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID), xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã 	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	

	<p>- UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền</p> <p>- Lãnh vực Hộ tịch,</p> <p>- Thủ tục Đăng ký giám sát việc giám hộ</p> <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám sát việc giám hộ (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám sát việc giám hộ	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p> <p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ không bổ sung,</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	01 giờ làm việc	Hồ sơ	

	hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ.				
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)	Công chức Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch	01 giờ làm việc	Hồ sơ	
B4	Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 02 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể	Hồ sơ	

<p>hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ đủ điều kiện theo quy định pháp luật, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký giám sát việc giám hộ theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký giám sát việc giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký giám sát việc giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký giám sát việc giám hộ theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký giám sát việc giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký giám sát việc giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch in Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ</p>		<p><i>từ ngày tiếp nhận hồ sơ.</i></p>		
--	--	--	--	--

	tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Bộ phận Một cửa				
B5	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ bản giấy, ký số Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự chuyên kết quả giải quyết điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trong trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy bản kết quả điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố chuyển Bộ phận Một cửa.</p> <p>- Bản giấy kết quả chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã Công chức TP-HT Công chức VP-TK Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 02 giờ làm việc	Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	<p>1. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>6. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p>	Công chức Tư pháp - Hộ tịch Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia

	7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa 8. Lưu trữ hồ sơ theo quy định				
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký giám sát việc giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám sát việc giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ GIÁM SÁT VIỆC GIÁM HỘ

Kính gửi: ⁽¹⁾.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giấy tờ tùy thân:

⁽²⁾.....

Nơi cư trú: ⁽³⁾.....

Đề nghị cơ quan đăng ký giám sát việc giám hộ:

Người giám sát việc giám hộ là cá nhân: ^(*)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽³⁾..... Dân tộc: ⁽³⁾..... Quốc tịch:

⁽³⁾.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽³⁾

Người giám sát việc giám hộ là pháp nhân: ^(*)

Tên pháp nhân:.....

Ngày, tháng, năm thành lập:

Giấy phép thành lập:

Trụ sở:

Họ, chữ đệm, tên người đại diện:

Chức vụ:

Giấy tờ tùy thân:

Việc giám hộ được giám sát:

Trích lục đăng ký giám hộ số: ngày tháng năm

Đăng ký tại: (4)

Nội dung giám sát việc giám hộ:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày... tháng ... năm ...

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao ⁽⁵⁾: Có , Không

Số lượng:bản

.....

Chú thích:

(*) Căn cứ người giám sát việc giám hộ là cá nhân hay pháp nhân, người yêu cầu ghi thông tin vào mục tương ứng trong Tờ khai.

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám sát việc giám hộ.

(2) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước.

Ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(3) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(4) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký việc giám hộ.

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ GIÁM SÁT VIỆC GIÁM HỘ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (4) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CC/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm.

II. Thông tin về người giám sát việc giám hộ

- (5) Họ, chữ đệm, tên/Tên pháp nhân;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm)/Ngày, tháng, năm thành lập pháp nhân (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính (không khai đối với pháp nhân);
- (8) Dân tộc (không khai đối với pháp nhân);
- (9) Quốc tịch (không khai đối với pháp nhân);
- (10) Số định danh cá nhân (không khai đối với pháp nhân);
- (11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CC/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm/Giấy phép thành lập pháp nhân: Loại giấy tờ sử dụng; số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống)/trụ sở của pháp nhân;
- (13) Họ, chữ đệm, tên người đại diện pháp nhân (không khai đối với cá nhân);
- (14) Chức vụ (không khai đối với cá nhân);
- (15) Giấy tờ tùy thân của người đại diện: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CC/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm (không khai đối với cá nhân).

III. Thông tin về việc giám hộ được giám sát

- (16) Đã đăng ký giám hộ tại: (cơ quan đăng ký); ngày, tháng, năm đăng ký; số, quyền số;
- (17) Nội dung đăng ký giám sát việc giám hộ;

(18) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(19) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ nhận Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

19. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (QT-XP-19)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ của công dân có đề nghị đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân có đề nghị đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Luật Dân sự năm 2015;- Luật Hộ tịch năm 2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và

	<p>biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố. - Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: 	X	

<p>* Giấy tờ phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám sát việc giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. 	X	
<p>* Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến); Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. 	X	
<p>* Lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. 	X	

	<p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>- Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ), người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ.</p>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	<ul style="list-style-type: none"> - Công Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Công Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) - Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của UBND cấp xã nơi <i>đã đăng ký giám sát việc giám hộ</i> Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền				
3.6	Lệ phí, Phí				
	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn Lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao 				
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (bản chính), bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ).</i> - <i>Bản điện tử Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch).</i> 				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa có thẩm quyền; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí; nộp phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ nếu có yêu cầu cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ. - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản, xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền. 	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	<p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ công trực tuyến, - Quận, Huyện, Thị xã - UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí, hoàn tất việc nộp hồ sơ.</p>			<p>Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ</p>	
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến);</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.</p>	<p>Công chức Bộ phận Một cửa</p>	<p>01 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	

	<p>ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);</p> <p>(iii) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ.</p>				
B3	<p>Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Tư pháp - Hộ tịch qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)</p>	<p>Công chức Một cửa Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>01 giờ làm việc</p>	<p>Hồ sơ</p>	
B4	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);</p> <p>+ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>Không quá 02 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải</p>	<p>Hồ sơ</p>	

<p>làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyên Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>+ Nếu thấy yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ đủ điều kiện theo quy định pháp luật, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.</p> <p>Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).</p> <p>Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản</p>		<p><i>quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.</i></p>		
---	--	---	--	--

	<p>hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.</p> <p>Công chức tư pháp - hộ tịch in Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký, ký số chuyên hồ sơ từ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch sang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện hồ sơ, chuyển Bộ phận Một cửa</p>				
B5	<p>- Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ bản giấy, ký số Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ bản điện tử; chuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê để đóng dấu, phát hành.</p> <p>- Hệ thống tự chuyển kết quả giải quyết điện tử đến Bộ phận Một cửa. Trong trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng này thì công chức Tư pháp – hộ tịch tải bản kết quả điện tử trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp và đẩy bản kết quả điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố chuyển Bộ phận Một cửa.</p> <p>- Bản giấy kết quả chuyển cho công chức Tư pháp – hộ tịch. Công chức Tư pháp – hộ tịch chuyển Bộ phận Một cửa để trả kết quả.</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 giờ làm việc	Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	<p>. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, hồ sơ</p> <p>2. Xác nhận đã đối chiếu bản chính</p> <p>3. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai và Sổ theo quy định của Luật Hộ tịch.</p> <p>Trường hợp Thành phố quy định địa điểm trả kết quả nằm ngoài trụ sở</p>	Công chức Tư pháp - Hộ tịch Công	Trong giờ hành chính	Trích lục đăng ký việc chấm dứt giám sát việc giám hộ	Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác

	<p>UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết thì Thành phố và cấp có thẩm quyền cần có phương án để công dân ký vào sổ Hộ tịch trước khi nhận kết quả hoặc cần có phương án để công dân nhận kết quả tại UBND cấp xã.</p> <p>4. Thu phí cấp bản sao trích lục(nếu có) (8.000đ/bản trích lục)</p> <p>5. Trả kết quả cho công dân: Bản chính, Bản sao.</p> <p>6. Gửi bản điện tử qua Hệ thống đến tài khoản, email, Kho quản lý dữ liệu điện tử của công dân</p> <p>7. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa</p> <p>8. Lưu trữ hồ sơ theo quy định</p>	<p>chức Bộ phận Một cửa</p>			<p>thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp) (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (nếu nộp hồ sơ trực tuyến) (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM SÁT VIỆC GIÁM HỘ

Kính gửi: ⁽¹⁾.....

Họ,	chữ	đệm,	tên	người	yêu	cầu:
.....
Ngày,		tháng,		năm		sinh:
.....	
Giấy		tờ		tùy		thân:
.....	

⁽²⁾.....
Nơi cư trú:⁽³⁾.....

Đề nghị cơ quan đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ giữa:

Người giám sát việc giám hộ là cá nhân: ^(*)

Họ,	chữ	đệm,	tên	đệm,	tên:
.....
Ngày,		tháng,		năm	
.....		
sinh:					
Giới tính:	⁽³⁾	Dân tộc:	⁽³⁾	Quốc tịch:	
.....		

Giấy	tờ	tùy	thân:
.....
Nơi		cư	trú:
.....	

Người giám sát việc giám hộ là pháp nhân: ^(*)

Tên	pháp	nhân:		
.....		
Ngày,	tháng,	năm	thành	lập:
.....
Giấy	phép	thành	lập:	
.....	
Trụ		sở:		
.....			

Họ,	chữ	đệm,	tên	người	đại	diện:
.....
Chức						vụ:
.....					
Giấy		tờ		tùy		thân:
.....	

Đã đăng ký giám sát việc giám hộ
tại⁽⁴⁾:.....
.....
ngày.....tháng.....năm.....số.....quyển.....số:
.....

Lý do chấm dứt giám sát việc giám hộ:.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày ... tháng ... năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao ⁽⁵⁾: Có , Không

Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

(*) Căn cứ người giám sát việc giám hộ là cá nhân hay pháp nhân, người yêu cầu ghi thông tin vào mục tương ứng trong Tờ khai.

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ.

(2) Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/số Giấy khai sinh (đối với trẻ em).

Ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021.

Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).

(3) Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám sát việc giám hộ trước đây.

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM SÁT VIỆC GIÁM HỘ

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CC/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

II. Thông tin về người giám sát việc giám hộ

- (5) Họ, chữ đệm, tên/Tên pháp nhân;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm)/Ngày, tháng, năm thành lập pháp nhân (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Giới tính (không khai đối với pháp nhân);
- (8) Dân tộc (không khai đối với pháp nhân);
- (9) Quốc tịch (không khai đối với pháp nhân);
- (10) Số định danh cá nhân (không khai đối với pháp nhân);
- (11) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CC/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm/Giấy phép thành lập pháp nhân: Loại giấy tờ sử dụng; số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống)/Trụ sở của pháp nhân;
- (13) Họ, chữ đệm, tên người đại diện pháp nhân (không khai đối với cá nhân);
- (14) Chức vụ (không khai đối với cá nhân);
- (15) Giấy tờ tùy thân của người đại diện: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CC/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm (không khai đối với cá nhân).

III. Thông tin về việc giám hộ được giám sát

- (16) Đã đăng ký giám sát việc giám hộ tại: (cơ quan đăng ký); ngày, tháng, năm đăng ký; số, quyển số;
- (17) Lý do chấm dứt giám sát việc giám hộ;
- (18) Đề nghị cấp bản sao:

Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

Không

(19) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ nhận Trích lục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (bản chính) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Phụ lục 09

C. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

II. Lĩnh vực nuôi con nuôi

1. Quy trình Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (QT-XP-30)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.
2	Phạm vi
	- Áp dụng đối với cá nhân đề nghị đăng ký nuôi con nuôi. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã, Bộ phận Một cửa chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;- Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi;- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;- <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i>- Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

	<p>liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i></p> <p>- <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i></p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
*	<p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi</p> <p>Giấy khai sinh</p> <p>Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p> <p>Giấy khám sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp huyện trở lên cấp</p> <p>Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng</p> <p>Biên bản xác nhận do UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự.</p> <p>Quyết định tiếp nhận trẻ em vào Cơ sở nuôi dưỡng (áp dụng đối với trẻ em ở Cơ sở nuôi dưỡng)</p>	<p></p> <p></p> <p></p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p>	<p></p> <p>X</p> <p>X</p> <p></p> <p></p> <p></p>

	<p>Lưu ý:</p> <p>*) Trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</p> <p>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p>		
*	Hồ sơ của người nhận con nuôi:		
	Đơn xin nhận con nuôi trong nước	X	
	Biểu mẫu điện tử tương tác Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (nếu công dân lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến)		
	Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;		X
	<i>Phiếu Lý lịch tư pháp số 1;</i>	X	
	Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: - Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn - Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	
	- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);	X	
	Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);	X	
	<i>Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi (đối với trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm</i>	X	

	<i>con nuôi).</i>		
	<p>Lưu ý: Trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân, công chức được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú, bao gồm: Căn cước công dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</p> <p>Các trường hợp phải chứng minh nơi cư trú của công dân bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi người nhận con nuôi đề nghị UBND cấp xã cấp Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế; - Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi người được nhận làm con nuôi thường trú trong trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi; - Khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, cần chứng minh nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi trong trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi. <p><i>*) Trường hợp người nhận con nuôi nộp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi tra cứu được thông tin, dữ liệu về nhân thân, về tình trạng hôn nhân của người nhận con nuôi từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì người nhận con nuôi không phải nộp bản giấy của bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Phiếu lý lịch tư pháp và Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.</i></p> <p><i>Kết quả tra cứu được Ủy ban nhân dân cấp xã lưu trữ dưới dạng điện tử hoặc bản giấy, phản ánh đầy đủ, chính xác thông tin tại thời điểm tra cứu và đính kèm hồ sơ của người nhận con nuôi.</i></p> <p><i>Đối với Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, Ủy</i></p>		

	<p><i>ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.</i></p> <p><i>Giấy tờ có trong hồ sơ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, cấp, xác nhận mà bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc thông tin trong các văn bản, giấy tờ được khai không đúng sự thật thì không có giá trị sử dụng. Người thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc khai thông tin không đúng sự thật bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.</i></p>	
3.3	Số lượng hồ sơ	
	01 bộ đối với từng loại hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của người được nhận làm con nuôi.	
3.4	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính <i>Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Có tư cách đạo đức tốt. <p><i>Các trường hợp không được nhận con nuôi</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; - Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, chữa bệnh; - Đang chấp hành hình phạt tù; - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. <p><i>Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có điều kiện sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Là trẻ em dưới 16 tuổi; nếu trẻ em thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi thì đến dưới 18 tuổi; - Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa; - Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng. 	
3.5	Thời hạn giải quyết	

	<p>- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi:</p> <p><i>Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.</i></p> <p>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến;</p> <p>- Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</p>
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	<p>- UBND cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi cư trú đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng.</p> <p>- hoặc UBND cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi hoặc UBND cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi hoặc UBND cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.</p>
	<p>Cơ quan phối hợp:</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi (đối với trường hợp nơi thường trú của người được nhận con nuôi và của người nhận con nuôi khác nhau, người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi).</p>

	<p>- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi là cha dượng/mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp nơi cư trú của người được nhận làm con nuôi và của người nhận con nuôi khác nhau, người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được nhận làm con nuôi) và ngược lại.</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người được nhận con nuôi (đối với trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau).</p>				
3.7	Lệ phí				
	<p>- Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ làm con nuôi hoặc mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	<p>Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa;</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp xã có thẩm quyền.</p> <p>Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.</p> <p>Công dân lựa chọn:</p> <p>- Dịch vụ công trực tuyến</p>	Công dân		Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu

	<ul style="list-style-type: none"> - Quận, Huyện, Thị xã - Xã, phường, thị trấn - Lĩnh vực Nuôi con nuôi - Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước <p>Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ theo thành phần hồ sơ phải nộp.</p>				
B2	<p>Công chức được giao tiếp nhận hồ sơ truy cập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, in Giấy tiếp nhận; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên - Hồ sơ khi đã được hướng dẫn mà không được bổ sung đầy đủ thì công chức từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối bằng văn bản, ghi lý do từ chối, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. 	Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, bàn giao hồ sơ cho Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Công chức Bộ phận Một cửa	01 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ 	
	Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Thông báo nếu hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc thông báo bổ sung hồ sơ. 	Công chức Tư pháp - Hộ tịch - Cha đẻ, mẹ đẻ/	25 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ 	

B4	<p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: Công chức lấy ý kiến những người liên quan về việc giải quyết làm con nuôi (Cha đẻ, mẹ đẻ/ người giám hộ của người được nhận làm con nuôi và người được nhận làm con nuôi (từ đủ 09 tuổi trở lên) Cha mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày.</p> <p>- Công chức Tư pháp - Hộ tịch trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Biên bản lấy ý kiến. <i>Lưu ý: Thời hạn thay đổi ý kiến là trong 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi</i></p>	<p>người giám hộ của người được nhận làm con nuôi và người được nhận làm con nuôi (từ đủ 09 tuổi trở lên)</p>		<p>sơ - Biên bản lấy ý kiến</p>	
B5	<p>Dự thảo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Trường hợp những người liên quan thay đổi ý kiến không đồng ý tiếp tục giải quyết hồ sơ thì Công chức Tư pháp - Hộ tịch dự thảo văn bản dừng giải quyết hồ sơ</p>	<p>Công chức Tư pháp - Hộ tịch</p>	<p>02 giờ</p>	<p>Dự thảo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi hoặc dự thảo văn bản dừng giải quyết hồ sơ</p>	
B6	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ và ký Giấy chứng nhận nuôi con nuôi hoặc Văn bản dừng giải quyết hồ sơ do Công chức Tư pháp - Hộ tịch trình</p>	<p>Lãnh đạo UBND cấp xã</p>	<p>02 giờ</p>	<p>Giấy chứng nhận nuôi con nuôi</p>	
B7	<p>- Công chức Tư pháp-Hộ tịch chuyển Công chức Bộ phận Bộ phận Một cửa: + Ghi số Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, đóng dấu, phát hành văn bản, ghi vào Sổ đăng</p>	<p>-Công chức Tư pháp-Hộ tịch - Công chức</p>	<p>01 giờ</p>	<p>- Giấy chứng nhận nuôi con nuôi - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ</p>	

	ký nuôi con nuôi - Công chức Tư pháp - Hộ tịch chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa	Bộ phận một cửa		sơ	
B8	Trả kết quả cho công dân	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Biên bản giao nhận con nuôi	Thông tin đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố
4	Biểu mẫu				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Đơn xin nhận con nuôi trong nước (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)				

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi
(kích cỡ 4x6 cm)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi
(kích cỡ 4x6 cm)

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân¹

1. Phần khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Giấy tờ tùy thân ²		
Nơi cư trú		
Điện thoại/email		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi

Họ, chữ đệm, tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:Quốc tịch:

Nơi sinh:

Nơi cư trú:.....

Số định danh cá nhân:.....

Thuộc đối tượng³:.....

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:.....

Điện thoại/email liên lạc:.....

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:.....

3. Cam đoan

Chúng tôi/tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho UBND cấp xã nơi chúng tôi/tôi thường trú⁴.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết.

Hà Nội, ngày..... tháng năm

ÔNG

BÀ

¹ Ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

² Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó.

³ Ghi rõ: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

I. Thông tin về người nhận con nuôi (Ông)

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (3) Quốc tịch;
- (4) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (5) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (6) Điện thoại/thư điện tử;

II. Thông tin về người nhận con nuôi (Bà)

- (7) Họ, chữ đệm, tên;
- (8) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (9) Quốc tịch;
- (10) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (11) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (12) Điện thoại/thư điện tử;

III. Thông tin về người được nhận làm con nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Giới tính;
- (15) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (16) Quốc tịch;
- (17) Số định danh cá nhân;
- (18) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi vào thời điểm giao nhận con nuôi.

* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHU CẦU NHẬN TRẺ EM LÀM CON NUÔI

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.

I. Thông tin cơ bản về người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

II. Hoàn cảnh bản thân, gia đình, chỗ ở và điều kiện kinh tế của người đăng ký nhu cầu

1. Tình trạng hôn nhân và gia đình

Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ Đã có con nuôi

Nêu rõ số lượng con:.....

Độ tuổi của con lớn nhất:..... Độ tuổi của con nhỏ nhất:.....

2. Tiền án, tiền sự

Không

Có (Ghi rõ đã bị kết án về tội gì:.....)

3. Tình trạng chỗ ở

Diện tích:.....

Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

4. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):.....

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

Các nguồn thu nhập khác..... (tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và việc nhận con nuôi không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi.

Nếu được giới thiệu trẻ em cần được nhận làm con nuôi, chúng tôi/tôi sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Đề nghị Sở Tư pháp xem xét.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

ÔNG

BÀ

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)**(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)***III. Xác nhận của Sở Tư pháp**

Sở Tư pháp.....³xác nhận đã tiếp nhận Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em
 làm con nuôi của Ông/Bà.....⁴

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**

¹ Ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký thường trú.

² Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

³ Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

⁴ Sở Tư pháp gửi bản chụp Đơn đã được xác nhận cho người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN XÁC NHẬN HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH, TÌNH TRẠNG CHỖ Ở,
ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thư điện tử		

1. Tình trạng hôn nhân, gia đình

Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ Đã có con nuôi Nêu rõ số lượng con:.....

Thành viên khác sống cùng:

- Nêu số thành viên sống cùng với người nhận con nuôi:.....

- Nêu rõ mối quan hệ gia đình với người nhận con nuôi:

- Ý kiến, thái độ của thành viên trong gia đình đối với việc nhận con nuôi:

Đã được thông báo về việc nhận con nuôi

Chưa biết về việc nhận con nuôi

Ủng hộ việc nhận con nuôi Không ủng hộ việc nhận con nuôi

Ý kiến khác:.....

III. TÌNH TRẠNG CHỖ Ở, ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

1. Nhà ở

Diện tích:.....

Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Không gian dành cho con nuôi:

Có

Không

2. Nghề nghiệp, thu nhập

- Nghề nghiệp (nêu rõ làm nghề gì):.....

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:.....)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:.....)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:.....)

Các nguồn thu nhập khác..... (tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền...)

3. Các tài sản khác (nếu có, ghi cụ thể):.....

Điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nuôi: Có Không

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người nhận con nuôi

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. PHẦN Ý KIẾN, ĐÁNH GIÁ**1. Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi^{2:10}:**

.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Tổ trưởng Tổ Dân phố/Trưởng Thôn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

2. Đánh giá về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi^{3:11}

.....

Họ và tên

Ngày..... tháng..... năm.....

Người đánh giá

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

**Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền nơi
 người nhận con nuôi cư trú^{4:12}**

Xác nhận chữ ký bên là của Ông/Bà.....

là người đã tiến hành xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình,
 tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

Ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu)

1 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

2 Không áp dụng cho việc đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

3 Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi. Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì công chức tư pháp - hộ tịch của UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc đánh giá.

4 Nếu việc đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện ở trong nước thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI¹**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. PHẦN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Chúng tôi/Tôi là người ký tên dưới đây:

Ông:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Đồng ý cho người có tên dưới đây được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁴:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

II. PHẦN CAM ĐOAN

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chúng tôi/tôi đồng ý cho trẻ em có tên nêu trên được nhận làm con nuôi:

trong nước

nước ngoài

Chúng tôi/Tôi xin khẳng định như sau:

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào.
2. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng, việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.
3. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng kể từ ngày giao nhận con nuôi, chúng tôi/tôi không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
4. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), chúng tôi/tôi có thể thay đổi ý kiến về việc cho người có tên nêu trên làm con nuôi. Hết

thời hạn này, nếu chúng tôi/tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁶

Tôi tên là....., số Căn cước công dân⁷:..... đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CHA, MẸ ĐỂ/

NGƯỜI GIÁM HỘ

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)

84

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁸⁶⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại:.....
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho cha, mẹ đẻ, người giám hộ về việc đồng ý cho trẻ em..... làm con nuôi. Những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁸

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà....., là người đã tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

- 1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã phải tư vấn cho những người liên quan theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.
- 2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 4 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 5 Đánh dấu vào ô tương ứng phía dưới.
- 6 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.
- 7 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 8 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi trong nước, công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến, Thủ trưởng cơ quan đăng ký nuôi con nuôi xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO CHA, MẸ ĐẼ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI
(Dùng cho công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi trong nước)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên

Ông:.....

Là: Cha đẻ Người giám hộ

Họ, chữ đệm, tên

Bà:.....

Là: Mẹ đẻ Người giám hộ

Của người có tên dưới đây được cho làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

II. Nội dung tư vấn

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi chỉ được thực hiện khi gia đình không còn điều kiện và khả năng thực tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Ông/Bà đã xem xét khả năng và điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em chưa?

Chúng tôi/Tôi không có khả năng và điều kiện để tiếp tục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em.

Ý kiến khác:

.....

2. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho Ông/Bà để có được ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

Chúng tôi/Tôi hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

Ý kiến khác:

.....

3. Khi đồng ý cho trẻ em làm con nuôi người khác, Ông/Bà sẽ không còn là cha, mẹ của trẻ em sau khi việc đăng ký nuôi con nuôi đã hoàn tất theo quy định pháp luật¹⁰. Cha, mẹ nuôi sẽ trở thành cha, mẹ của trẻ em. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sẽ làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giống như quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và con đẻ.⁶

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Ý kiến khác:

.....

4. Ông/Bà không thể đòi lại trẻ em đã cho làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

5. Sau khi con đã cho làm con nuôi, Ông/Bà không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ khi có thỏa thuận khác.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu, chúng tôi không có thỏa thuận khác.

Ý kiến khác:

.....
6. Con nuôi có thể thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

7. Ông/Bà có thời gian suy nghĩ là 15 ngày kể từ ngày lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....) về việc thay đổi ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi. Nếu Ông/Bà thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký nuôi con nuôi trong thời hạn nêu trên.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

8. Nếu Ông/Bà đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài:

a) Con của Ông/Bà sẽ được đưa sang một nước khác sinh sống cùng cha, mẹ nuôi là người nước ngoài.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

b) Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và con được nhận làm con nuôi sẽ chấm dứt.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

c) Trường hợp con nuôi là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, nếu pháp luật nước ngoài cho phép, mối quan hệ giữa cha, mẹ đẻ và trẻ em mới được duy trì.

Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ 1)68

9 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

10 Trường hợp trẻ em được cha đẻ/mẹ đẻ nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

11 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý LÀM CON NUÔI¹⁶⁹

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại

I. THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, tôi đồng ý được nhận làm con nuôi và xin khẳng định như sau:

1. Tôi đồng ý được nhận làm con nuôi một cách tự nguyện, không bị ép buộc.
2. Tôi hiểu rằng việc làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định giữa con nuôi và cha, mẹ nuôi.
3. Tôi đã được tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi.
4. Tôi hiểu rằng tôi có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
5. Tôi hiểu rằng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày.... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), tôi có thể thay đổi ý kiến về việc được nhận làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁴

Tôi tên là....., số Căn cước

công dân:.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)⁷⁴

88

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁷⁷⁵

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....

- Công tác tại:.....

- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý làm con nuôi. Người/những người có tên trên đã ký tên/ điểm chỉ trước mặt tôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁷

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....

là người đã tiến hành lấy ý kiến của người có tên.....
 về việc đồng ý làm con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

¹ Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý làm con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã phải tư vấn cho người từ đủ 9 tuổi trở lên theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

² Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

³ Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

⁴ Trong trường hợp lấy ý kiến của trẻ em phải có người làm chứng.

⁵ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 33181012161 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

⁶ Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

⁷ Nếu là trường hợp nuôi con nuôi trong nước, công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến, Thủ trưởng cơ quan đăng ký nuôi con nuôi xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN ĐƯỢC
NHẬN LÀM CON NUÔI

*(Dùng cho công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã
khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi
trở lên làm con nuôi trong nước)*

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên:

II. Nội dung tư vấn

1. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu sẽ sống với một gia đình khác, có cha, mẹ khác sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

Cháu hiểu

2. Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và cháu sẽ chấm dứt kể từ ngày cháu được nhận làm con nuôi.

Cháu hiểu

3. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Cháu hiểu

4. Cháu có thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến để thay đổi ý kiến về việc làm con nuôi.

Cháu hiểu

5. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho cháu để có được ý kiến đồng ý cho cháu làm con nuôi

Cháu hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

6. Nếu được làm con nuôi nước ngoài, cháu sẽ sống với gia đình cha mẹ nuôi là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài và nói tiếng nước ngoài.

Cháu hiểu

Ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Người từ đủ 09 tuổi trở lên được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)⁸⁷

⁸ Trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

⁹ Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ
NUÔI DƯỠNG VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

I. Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân¹:.....

Cam đoan những nội dung sau đây:

1. Tôi đồng ý cho trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân:

Quốc tịch²:.....

Nơi cư trú:

2. Tôi tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào. Tôi hiểu việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Tôi hiểu rằng nuôi con nuôi là biện pháp chăm sóc thay thế tốt nhất, bảo đảm trẻ em phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Tôi cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, con dấu)

91

**II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT NUÔI
CON NUÔI³⁸⁰**

- Họ, chữ đệm, tên:.....

- Công tác tại:

Đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người có tên nêu trên về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI³

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà..... là người đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em.....làm con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

- ¹ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- ² Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- ³ Nếu là trường hợp nuôi con nuôi trong nước, công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CON NUÔI

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
tại trụ sở..... đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi với những nội
dung sau:

1. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹:.....

Đại diện là:

Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Người được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

3. Người nhận con nuôi²:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú ³		

4. Người giao con nuôi⁴:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú ³		

Quan hệ với người được nhận làm con nuôi: Cha đẻ Mẹ đẻ Người giám hộ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng Đại diện UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi
Biên bản này được làm thành 04 bản, 01 bản trao cho cha mẹ nuôi, 01 bản trao cho cha mẹ đẻ/người giám hộ/đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, 01 bản lưu tại cơ quan đăng ký nuôi con nuôi và 01 bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi

**Đại diện cơ quan
đăng ký nuôi con nuôi**

*(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên,
chức vụ và đóng dấu)*

Bên giao

*(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên/điểm chỉ)*

Bên nhận

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên/điểm chỉ)*

- 1 Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức giao nhận con nuôi
- 2 Đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nếu người nhận con nuôi là vợ hoặc chồng được ủy quyền của người kia để có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Nuôi con nuôi thì chỉ ghi thông tin của người có mặt tại lễ giao nhận con nuôi.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022; Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.
- 4 Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng thì người giao con nuôi là đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Số Căn cước công dân:

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Số Căn cước công dân:

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Cơ quan đăng ký việc nuôi con nuôi:.....

.....

Ngày, tháng, năm cấp:.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi

Số đăng ký:.....

Quyển số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN

.....

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... 1

GIẤY CHỨNG NHẬN NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:

.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Quốc tịch:.....

Số Căn cước công dân:

Số Căn cước công dân:

Nơi cư trú:.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Cơ quan đăng ký việc nuôi con nuôi:.....

.....

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước được cấp ngày..... tháng..... năm.....

Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, số..... ngày.... tháng.....

năm...

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đã ký)

..... Sao từ³

.....

.....⁴

....., ngày..... tháng..... năm.....

S ố: /-BS

NGƯỜI KÝ

- ¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính).
- ² Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- ³ Ghi rõ việc cấp bản sao từ “Sổ đăng ký nuôi con nuôi” hoặc từ “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.
- ⁴ Ghi tên cơ quan cấp bản sao như sau:
 - Việc cấp bản sao được thực hiện ở trong nước ở cấp xã ghi đủ 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh). Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
 - Việc cấp bản sao được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ghi tên Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Ví dụ: Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Béc-lin (Berlin), CHLB Đức.
- ⁵ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CON NUÔI TRONG NƯỚC

Báo cáo số:.....

Kính gửi:.....

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Cha, mẹ nuôi

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi

Địa chỉ liên hệ

Điện thoại/Thư điện tử

2. Con nuôi

Họ, chữ đệm, tên (trước khi được nhận làm con nuôi)

Họ, chữ đệm, tên (sau khi được nhận làm con nuôi)

Ngày, tháng, năm sinh

Giới tính Nam Nữ

Nơi cư trú hiện tại

Được nhận làm con nuôi

Theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước số..... ngày.....

tháng..... năm....., do..... cấp.2

II. ĐIỀU KIỆN SỐNG, SINH HOẠT HIỆN TẠI CỦA CON NUÔI

1. Hiện đang sống cùng:

Cha, mẹ nuôi

Người khác:

Nếu con nuôi đang sống cùng với người khác, đề nghị nêu rõ:

- Nêu lý do sống cùng người khác:

.....

- Môi quan hệ của trẻ em với người đang sống cùng:

.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại/Thư điện tử liên hệ:.....

2. Hoàn cảnh gia đình cha, mẹ nuôi có gì thay đổi không?

Không Có

Nếu có, nêu rõ thay đổi và việc thay đổi có ảnh hưởng tới con nuôi không?

.....

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN, HÒA NHẬP CỦA CON NUÔI (kèm theo những hình ảnh của con nuôi, nếu có)

1. Đánh giá chung về mức độ phát triển của con nuôi

i) Sức khỏe thể chất của con nuôi (chiều cao, cân nặng):

.....

.....

ii) Sự hòa nhập của con nuôi với gia đình, cộng đồng:

.....

 iii) Tình hình học tập và các vấn đề khác đối với sự phát triển của con nuôi:

2. Nêu rõ những khó khăn cơ bản con nuôi gặp phải (nếu có)

i) Về hòa nhập (với cha mẹ nuôi, gia đình họ hàng, cộng đồng: tự ti, mặc cảm; khó làm quen, gắn bó với cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình; khó thích nghi với nề nếp sinh hoạt mới; có thái độ phản ứng/chống đối/quậy phá...):

ii) Về sức khỏe (con nuôi có mắc bệnh không, việc điều trị y tế như thế nào...):

iii) Về phát triển vận động (con nuôi có khó khăn khi trườn, ngò, bò, đi, đứng, chạy, nhảy... so với độ tuổi hay không):

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập báo cáo³²⁰

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

1 Ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi cư trú và nơi đăng ký việc nuôi con nuôi đối với trường hợp đăng ký nuôi con nuôi trong nước.

2 Ghi Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

3 Cha, mẹ nuôi lập báo cáo hoặc cha, mẹ nuôi có thể đề nghị người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã hỗ trợ lập báo cáo.

2. Quy trình Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (QT-XP-31)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.
2	Phạm vi
	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với cá nhân đăng ký lại việc nuôi con nuôi. - Áp dụng đối với công chức UBND cấp xã thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

	<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p> <p>- <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</i></p> <p>- <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i></p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (<i>Tờ khai phải có cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng</i>)</p> <p>Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại UBND cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.</p>	X	
	Biểu mẫu điện tử tương tác Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (nếu công dân nộp hồ sơ trực tuyến);		
	Căn cước công dân xuất trình bản chính để đối chiếu	X	
	<p>Lưu ý: Khi nộp hồ sơ, trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của cha mẹ nuôi và con nuôi, công chức được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh</p>		

	thông tin về cư trú, bao gồm: Căn cước công dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư <i>Lưu ý: Ủy ban nhân dân cấp xã giải thích rõ cho người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Trường hợp có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật, Ủy ban nhân dân cấp xã từ chối đăng ký lại việc nuôi con nuôi hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại việc nuôi con nuôi.</i>	X			
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính Sổ đăng ký nuôi con nuôi và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được; Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.				
3.5	Thời hạn giải quyết				
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.7	Lệ phí				
	Không				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, công dân truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng UBND cấp xã có thẩm	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu

	<p>quyền. Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. Công dân lựa chọn: - Dịch vụ công trực tuyến - Quận, Huyện, Thị xã - Xã, phường, thị trấn - Lĩnh vực Nuôi con nuôi - Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước Công dân cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác (trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ theo thành phần hồ sơ phải nộp.</p>				
B2	<p>Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, in Giấy tiếp nhận; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. - Hồ sơ sau khi đã được hướng dẫn mà không được bổ sung đầy đủ, hoàn thiện thì công chức từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, ghi rõ lý do từ chối, ký, ghi rõ họ, tên.</p>	Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyên hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của	- Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ	

	Thành phố, bàn giao hồ sơ cho Công chức Tư pháp - Hộ tịch	cửa - Công chức Tư pháp - Hộ tịch		sơ	
B4	Công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra hồ sơ: - Dự thảo Thông báo nếu hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc cần yêu cầu bổ sung hồ sơ. - Xác minh các nội dung đăng ký lại nuôi con nuôi - Nếu thấy việc đăng ký lại nuôi con nuôi đúng quy định pháp luật, công chức Tư pháp - Hộ tịch dự thảo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, trình Lãnh đạo UBND cấp xã	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 ngày	- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/thông báo trả lại hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi	
B5	- Công chức Tư pháp - Hộ tịch chuyển Công chức Văn phòng - Thống kê: Lấy số, đóng dấu: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi - Công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi - Công chức Tư pháp - Hộ tịch chuyển hồ sơ trên Phần mềm Một cửa, bàn giao kết quả cho Công chức Bộ phận Một cửa	- Công chức Văn phòng- Thống kê - Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	- Giấy chứng nhận nuôi con nuôi hoặc văn bản dừng giải quyết hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
B6	Trả kết quả (<i>Bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước được gửi cho người yêu cầu đăng ký lại qua hệ thống bưu chính hoặc trả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước gửi qua Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân hoặc qua hộp thư điện tử cá</i>	Công chức Bộ phận Một cửa	02 giờ	- Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, <i>Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước</i>	

	<i>nhân)</i>				
4	Biểu mẫu				
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú:

Số Căn cước công dân/Hộ chiếu²:

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Giấy khai sinh/Căn cước công dân/Hộ chiếu²:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

Là con nuôi của:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch³:

Số Căn cước công dân/Hộ chiếu²:.....

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch³:

Số Căn cước công dân/Hộ chiếu²:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nuôi con nuôi tại⁴:.....

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... ngày..... tháng..... năm.....⁵⁸⁹

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ nhất

Tôi tên là.....
 Số Căn cước công dân:.....
 Cư trú tại:.....

.....
 Tôi làm chứng việc nuôi con nuôi trên là
 đúng sự thật và tôi chịu trách nhiệm
 trước pháp luật về việc làm chứng của
 mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ hai

Tôi tên là.....
 Số Căn cước công dân.....
 Cư trú tại:.....

.....
 Tôi làm chứng việc nuôi con nuôi trên
 là đúng sự thật và tôi chịu trách nhiệm
 trước pháp luật về việc làm chứng của
 mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....
 (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

- 1 Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi.
- 2 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 3 Đối với trường hợp đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 4 Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước;
- 5 Đối với trường hợp có thông tin về Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước

NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (3) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

II. Thông tin về người được đăng ký lại việc nuôi con nuôi

- (4) Họ, chữ đệm, tên;
- (5) Giới tính;
- (6) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (7) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (8) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

III. Thông tin về cha nuôi

- (9) Họ, chữ đệm, tên;
- (10) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (11) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (12) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

IV. Thông tin về mẹ nuôi

- (13) Họ, chữ đệm, tên;
- (14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (15) Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân;
- (16) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

* Trường hợp thông tin về nơi cư trú được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được hệ thống điền tự động thì không phải cung cấp thông tin này.

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

* Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi nhận Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

* Bản điện tử sẽ được tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ/thiết bị số/điện thoại của cha, mẹ nuôi sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký nuôi con nuôi.